

SỐ 4 NGÀY 1-3-1965

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm thứ chín

PHẠM-LƯƠNG-GIANG *ngoại giao giữa Việt-Nam và các nước Á-Phi* * NGUYỄN-HIỂN-LÊ *sự phát triển của Triết học Trung-Hoa trong thời đại Tiên Tần* * VŨ BẢO *cuộc hội báo đầu năm của Tổng Thống De Gaulle* * NGUYỄN PHƯƠNG *lịch sử Lạc Việt* * BÙI-KHÁNH-ĐÀN — THANH-THUYỀN — HUY-LỰC — TẦN-HOÀI-ĐẠ-VŨ LỮ-QUỲNH *thơ* * NHẤT-HẠNH *đạo Phật trong lĩnh vực văn học nghệ thuật* * TUỆ TRUNG *chuyện sáu vị thiền sư* * THANH-TÂM-TUYỀN *cát lầy* * VÕ-HỒNG *dấu chân sa mạc* * VŨ-DZŨNG *tổ kiến* * NGUYỄN-NGU-Í *sống và viết với Bình-Nguyên-Lộc*

SINH HOẠT : TRÀNG-

THIÊN *một nhận định*

quan trọng về tiểu thuyết

196



Thank thoát
 Fine
 Dịu dàng
 Racée
 Tonique

NUỐC HOA
 NGÔI SAO
 EAU
 DE
 COLOGNE
 L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{TE} F^{SC} DES DISTILLERIES DE L'I.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
 EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
 en vérifiant que la capsule inviolable
 que comportent les bouteilles
 d'origine sous leur bouchon à
 vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
 RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
 mua quý ngài nên để dặt kiểm
 soát lại nắp chì giữa gian
 bọc ở miệng chai chính gốc
 nằm phía trong nắp vụn
 đĩnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC



BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 196 ngày 1 - 3 - 1965

PHẠM LƯƠNG GIANG	<i>ngoại giao giữa Việt Nam và các nước Á Phi</i>	3
NGUYỄN HIẾN LÊ	<i>sự phát triển của Triết học Trung Hoa trong thời đại Tiên Tần</i>	15
VŨ BẢO	<i>cuộc hội báo đầu năm của Tổng thống De Gaulle</i>	21
NGUYỄN PHƯƠNG	<i>lịch sử Lạc Việt</i>	29
BÙI KHÁNH ĐẢN	<i>song hành (thơ)</i>	38
THANH THUYỀN	<i>ngậm ngùi (thơ)</i>	38
NHẤT HẠNH	<i>đạo Phật trong lĩnh vực văn học nghệ thuật</i>	39
HUY LỰC	<i>nỗi buồn không rời (thơ)</i>	44
TUỆ TRUNG	<i>Kim Hoa Cu Chi — Thạch Củng Thuyền sư</i>	45
ĐOÀN THÊM	<i>thủy triều XVIII (thơ)</i>	50
TẦN HOÀI - DẠ VŨ — LỮ QUỲNH	<i>mùa Xuân của em — tuổi đời — trên quê hương (thơ)</i>	52
THANH TÂM TUYẾN	<i>cát lầy (truyện dài)</i>	53
VÕ HỒNG	<i>dấu chân sa mạc (truyện 2 kỳ)</i>	57
VŨ DZŨNG	<i>tổ kiến (truyện ngắn)</i>	69
NGUYỄN NGU Í	<i>sống và viết với Bình Nguyên Lộc</i>	76
SINH HOẠT		
TRÀNG THIÊN	<i>một nhận định quan trọng về tiểu thuyết</i>	84
THỂ NHÂN	<i>tin tức 15 ngày</i>	86

BÁCH-KHOA

THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

<i>Việt-Nam và Hội-nghị Á-Phi sắp tới</i>	PHẠM-LƯƠNG-GIANG
<i>Mao-Trạch-Đông và ký-giả Edgar Snow</i>	VŨ-BẢO
<i>Winston Churchill, cuộc đời và sự nghiệp</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Bình minh xuất hiện : Không-Tử</i>	NGUYỄN-HIỂN-LÊ
<i>Từ Lạc-Vương ra Hùng-Vương</i>	NGUYỄN-PHƯƠNG
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Đời sống ngày mai</i>	VÕ-QUANG-YẾN
<i>Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Đường về (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Chỗ của Huệ (truyện ngắn)</i>	DZOĂN-DÂN
<i>Tóc mai nghìn xưa (truyện ngắn)</i>	TÚY-HỒNG

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

TỪ VỤ TRANH-CHẤP INDONÉSIA / MALAYSIA ĐẾN

NGOẠI-GIAO GIỮA VIỆT-NAM VÀ CÁC NƯỚC Á-PHI

Bên cạnh chiến dịch quân-sự đê diệt địch, bên cạnh chiến dịch chánh-trị xã-hội thấu phục lòng dân, còn cần một chiến dịch ngoại-giao đúng mức đê gây thiện cảm quốc tế...

I.— Năm 1964, Indonesia / Malaysia xung đột (1) đã đe dọa nặng nề nền hòa bình Đông-Nam-Á. Các quan sát viên, chánh trị gia, đều lo ngại ; và tùy nhân tuyến các yếu nhân hai khối đều lưu tâm tổ chức... tấn công, hay phòng thủ ! Tháng 9.1964, vụ tranh chấp đưọc đưa ra trước Hội-đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc (1). Malaysia đã thắng về vang, nhưng chỉ về tinh thần. Vì Indonesia mặc dù phạm lỗi, đã đưọc một số các quốc gia thiên tả (ở ngoài cũng như trong Hội đồng Bảo an, đồng lòng bênh vực, nên không bị chánh thức và công khai lên án.

Malaysia đã rút ở Nội-vụ một kinh nghiệm chánh trị đáng buồn nhưng quý giá, và nhận chân một phần nào khuyết điểm của mình, trên lãnh vực ngoại giao trong khối các quốc gia Phi Châu. Đại đa số các quốc gia này mới dành độc lập, và do đó, vì lẽ này hay lẽ khác, sai hay đúng, không thấu hiểu vấn đề nên không có nhiều thiện cảm đối với các quốc gia Á Phi khác đưọc khối tự do ủng hộ hay viện trợ, trong số có Malaysia (2).

(1) Xin coi Bách Khoa, số 187, trang 37.

(2) Về điểm này, tình trạng Malaysia và VNCH không khác nhau.

Tháng 10-1964, Malaysia quyết định gia tăng cố gắng thuyết phục các quốc gia Phi Châu. Và Phó Thủ Tướng Abdul-Razak được ủy nhiệm cầm đầu một phái đoàn viếng thăm thiện chí Phi Châu, trên đường qua New-York tham dự Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc. Phái đoàn có sứ mệnh giải thích tại chỗ về nội vụ tranh chấp Indonesia / Malaysia nói riêng, và về tình trạng chính trị Malaysia nói chung : một nước nhỏ ham chuộng hòa bình, muốn dành hết tài nguyên và cố gắng để xây dựng đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần dân chúng, nhưng luôn luôn bị đe dọa bằng cách này hay cách khác... Vì : Malaysia chỉ là « con cá bé » lội « trước miệng con cá lớn » Indonesia !

Phái đoàn đặc biệt đặt trọng tâm hoạt động tại các quốc gia Phi Châu mà ở đó, *Malaysia không có hay chưa có đại diện ngoại giao*. Đáng chú ý hơn, là phái đoàn đã đánh giá đúng mức tầm quan trọng vai trò của Pháp đối với các tân quốc gia Phi Châu : Văn hóa Pháp ảnh hưởng rất nhiều tới đa số các nhà lãnh đạo Phi Châu, và văn hóa, ảnh hưởng không không ít tới kinh tế và chính trị. Trên đường về, sau khi dự Hội nghị Colombo tại London, Phó Thủ Tướng Abdul Razak qua Paris hội kiến với Thủ Tướng Pháp ngày 24-XI-64, và Thủ Tướng đã long trọng cam kết *Pháp sẽ không ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp những hành động gây hấn của Indonesia đối với Malaysia...* Lẽ tất nhiên thái độ

của Pháp đã có tiếng vang trong chính giới Phi Châu.

Cuộc công du của Phó Thủ Tướng Abdul Razak thấu hoạch được nhiều kết quả tốt đẹp về mặt bang giao :

a) Một số các quốc gia Phi Châu tỏ thiện cảm nồng hậu với Malaysia, và nhận trao đổi đại sứ trong một ngày gần đây, *kể cả Algérie*, là quốc gia sẽ tổ chức Hội nghị Á Phi lần thứ hai sẽ được triệu tập vào khoảng giữa năm 1965 tại Alger (1). Hội nghị Á Phi lần thứ nhất họp tại Bandung năm 1955 là do *Indonesia* tổ chức.

b) Indonesia đã rút lui khỏi Liên-Hiệp-Quốc, chỉ vì nhân kỳ Đại Hội Đồng cuối năm 1964, Malaysia được bầu làm hội-viên Hội-đồng Bảo-an (2). Do đó, ai nấy dự-đoán Indonesia sẽ tìm hết cách để Malaysia không được tham-dự Hội-nghị Á-Phi lần thứ hai này.

Bây giờ Malaysia được cảm tình của một số quốc-gia Phi-Châu, *kể cả và nhất*

(1) Đáng lẽ Hội nghị triệu tập vào khoảng tháng 3-1965, nhưng cứ lần nữa vì cả hai lý do chính trị và tổ chức,

(2) Tháng 1-1965, trong một buổi lễ ở Djakarta, Bác sĩ Soekarno tuyên bố : « Vị tiên tri Mohamet đã báo mộng khuyên Indonesia nên rút lui khỏi Liên Hiệp Quốc. Quyết định được toàn dân Indonesia tán thành và tin này đã làm chấn động dư luận thế giới, chẳng khác nào một tiếng sét nổ một buổi chiều trời đẹp... »

Tổng thống Soekarno tiếp tục : « Indonésia sẽ trở lại Liên Hiệp Quốc nếu Malaysia không còn là hội viên Hội đồng Bảo an, và Liên Hiệp Quốc được tổ chức lại, một cách hợp lý hơn !... »

là Algérie là quốc gia tổ-chức Hội-nghị, giới am hiểu chính-cục quốc-tế ước-đoán rằng ác-ý của Indonésia sẽ rất khó thể thực-hiện. Và Malaysia chắc-chắn sẽ tham dự Hội nghị Alger.

Công cán xong trở về Kuala Lumpur, việc đầu tiên của Phó Thủ tướng Abdul-Razak là tường trình và đề nghị lên hội đồng nội các : mặc dầu những khó khăn hiện phải đương đầu, mặc dầu tình hình nhân sự và tài chánh (1) kém khả quan, *vấn đề thành lập các sứ quán mới tại Phi Châu phải được đặc biệt coi như những nhiệm vụ khẩn trương của quốc gia*, nhằm thực hiện thắng lợi trước mắt nhân dịp Hội nghị Á-Phi tại Alger, và thắng lợi lâu dài hầu đối phó với những thủ đoạn hiểm độc của các quốc gia đối lập, thiên tả, trong số đó, đối với Malaysia, Indonesia đứng hàng đầu.

Phó Tổng Thư ký Ngoại giao Malaysia là Tengku Ngah Mohamed tiết lộ tin ba sứ quán sắp được mở tại Phi Châu(2). Mặc dầu tên ba quốc gia chưa được công bố, nhưng chánh giới am hiểu thời cuộc đều đoán chắc là Nigeria, Kenya và Algérie. Phát ngôn nhân Bộ ngoại giao còn cho biết chánh phủ Malaysia đang thương thuyết đề đặt thêm sứ quán tại Cận Đông và Nam Mỹ...

* *

II.— Đối với đa số người Việt-Nam chúng ta, khi nêu vấn đề thành lập một sứ quán, câu hỏi đầu lướì thường là tại vùng đó, nước đó, có nhiều Việt kiều chắng ?

Thắc mắc như vậy, tức là chỉ quan

tâm tới một khía cạnh của vấn đề. Vì một sứ quán xứng đáng với danh từ ấy còn có nhiều nhiệm vụ, ngoài hay trên nhiệm vụ bênh vực quyền lợi của kiều bào.

Các nhiệm vụ đó muôn hình vạn trạng, có thể đại cương chia thành nhiều loại : đại diện, thông tin, thương thuyết, bảo vệ quyền lợi quốc gia.

Riêng mấy chữ « bảo vệ quyền lợi quốc gia » cũng đã bao hàm nhiều ý niệm về những kế hoạch, chương trình, thủ tục, thật hằng hà sa số. Có thể là sinh mạng và tài sản kiều bào ; quyền lợi về tài chánh và kinh tế quốc gia ; mà có thể còn là *quyền lợi* của quốc gia trên lãnh vực *chính trị quốc tế*, nhất là đối với nước ta đang phải đương đầu với hiểm họa Cộng sản. Muốn đi đến thắng lợi cuối cùng, công cuộc chiến đấu cần được thể hiện về *quân sự cũng như chính trị* .. Hơn nữa, nếu *chiến trường quân sự* chỉ là trên lãnh thổ quốc gia, thì trái lại, và hơn nữa, *chiến trường chánh trị* còn là bất cứ nơi đâu mà sự có mặt của VNCH, dưới bất cứ hình thức nào, có thể thực hiện hoặc xét ra hữu ích hay cần thiết.

(1) Đề thực hiện chương trình phòng thủ chống Indonésia, Malaysia có yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ thêm hoặc cho vay dài hạn và nhẹ lãi. Hoa Kỳ chấp thuận cho vay lãi 5% mỗi năm, đã khiến chánh giới Malaysia bất bình và thất vọng.

(2) VNCH cũng có một số sứ quán tại Phi Châu, nhưng đều do các Xứ lý thường vụ điều khiển, trong một hoàn cảnh thật khó khăn, đặc biệt — Vì tình trạng nội bộ rối ren, nhân tâm ly tán, mà những khiếm khuyết trở nên thường trực : nhân sự, phương tiện, đường lối...

Các quốc gia Phi Châu ngày nay lên tới con số 34 ; và tổng số các quốc gia Á Phi hội viên Liên Hiệp Quốc lên tới quá nửa tổng số hội viên Liên Hiệp Quốc (1). Ta có thể hình dung vai trò của các quốc gia đó quan trọng là nhường nào.

Các quốc gia Á Phi vốn dĩ độc lập từ trước trận đệ nhị thế chiến, hay trước đây cũng từng nếm trải thảm trạng bị trị như nước ta ngày nay đã dành lại chủ quyền, nhưng may mắn vì lãnh thổ không bị phân chia nên đều có địa vị khá hơn nước ta trên chính trường quốc tế : công cuộc tranh đấu của chúng ta là phải làm sao để đa số các quốc gia Á Phi đó thấu hiểu vấn đề, thông cảm tình trạng, đề rồi triệt để ủng hộ nước ta, và đồng thời lên lên án các quốc gia, phong trào hay đoàn thể chống đối nước ta (2).

Có người ngộ nhận, có định kiến là hoạt động ngoại giao chỉ có thể quan niệm trong những khung cảnh huy hoàng ở thủ đô các cường quốc. Chúng ta không phủ nhận hoặc nghi ngờ tài năng các bậc đàn anh, vì nghề nghiệp đã thận trọng lựa chọn do khuynh hướng hay vì tình cờ của thời hội lịch sử, hiện phục vụ quyền lợi đất nước tại các quốc gia lớn. Các quốc gia đó vốn dĩ là bạn đồng thuyền với nước ta trong cơn quốc biến, thì tất nhiên đối với nước ta, phải rất khoan hồng thông cảm. Nhưng thiên nhiên, một số lớn nhiệm sở tranh đấu thực sự, với những trách vụ phức tạp và sứ mệnh bạc bẽo, chẳng thể ở ngoài số các quốc gia bé nhỏ, thường

trực chống đối nước ta, hoặc chưa hoàn toàn ngả về phía nước ta, vì không hiểu, hay chưa hiểu lập trường của nước ta ! Đó là trường hợp của một số lớn nhiệm sở ở Phi Châu, mà nhất là ở Bắc-Phi, hay ở Á Châu, mà một số người chủ quan xét bề ngoài, thường ngộ nhận xếp vào loại các nhiệm sở hạ đẳng, vì « cô đơn hiu quạnh », « vượn hót chim kêu » ! Nhưng rồi đây, ngẫm cho đúng mức, các nhân viên ngoại giao của ta phải coi như một vinh dự vô song nếu được bổ nhiệm tới các nhiệm sở này... Và vinh dự đó đáng được chánh phủ ghi nhớ và tưởng thưởng...

* * *

III.— Vậy thì, nói chung, từ nay dĩ hậu, đối với các quốc gia Á Phi, liên lạc ngoại giao của VNCH nên hay phải quan niệm như sao ? Một khi chúng ta đã nhận rõ tình trạng : VNCH sau này thắng cuộc, không phải hoàn toàn do sức lực của chính mình và sự ủng hộ của các nước bạn hiện hữu, mà một phần không nhỏ còn là do thái độ thông cảm của các nước Á Phi ; tổng số các quốc gia Á Phi này là quá bán số hội viên LHQ !... Về công cuộc chống Cộng, từ trước tới nay, chúng ta chỉ nghe thấy nói chiến dịch quân sự, mà

(1) Xin coi Bách Khoa, số 187, trang 45. Bài « Nhân vụ tranh chấp Indonésia/Malaysia ».

(2) Trung tuần tháng 2-1965, một hội nghị mệnh danh là « Hội nghị nhân dân Đông dương » được triệu tập tại Phnom-Penh, gồm các đoàn thể, phong trào chống đối VNCH tham dự : Mặt trận giải phóng miền Nam, Liên Hiệp Phụ nữ, Néo Lao Hadsat, Sangkum...

tình không một lần thấy đề cập tới chiến dịch ngoại giao. Có phải chăng ngoại giao không đáng kể?

Ở Phi Châu, tại nhiều nơi, VNCH trước đây đã khiếm diện quá phũ phàng, hoặc có hiện diện thì cũng khôi hài, phản xã giao và nghiêm chỉnh! Có vị Đại sứ kiêm nhiệm tới 3 hay 6 nhiệm sở, và mỗi năm có mặt tại mỗi nhiệm sở nhiều lắm là sáu bảy ngày! Có viên xử lý bận rộn vì những lý do đặc biệt, hoạt động tại Genève, Paris, Enghien hay Riviera bên nước Pháp, không kém tại nhiệm sở mà mình phải có mặt thường trực! Như vậy, hãy hỏi làm sao mang thẳng lợi?

Còn ở Á Châu? Chúng ta có bao nhiêu Đại sứ? So với số các sứ quán đã thành lập! Ấy là chưa kể các nhiệm sở hay chức vụ mà ta chưa hay không thể thành lập hay bổ nhiệm, (mặc dầu rất cần thiết và đã dự định) chỉ vì những lý do riêng nội bộ! (1)

Vấn đề khẩn trương là phải làm sao mau sửa chữa những khiếm khuyết kể trên, hầu cải thiện một tình trạng đã kéo quá dài không lý do tồn tại lâu hơn nữa... Những mục tiêu chánh cần thực hiện, những đặc điểm cần lưu ý, như sau:

1) Sớm bổ nhiệm Đại sứ thực thụ, để đại diện cho xứ sở, bênh vực quyền lợi của giang san, giải thích tình thế của đất nước, cho thích đáng và hiệu quả, hầu tăng số bạn, giảm số thù...

2) Thành lập thêm sứ quán ở những nơi cần thiết; bổ nhiệm xử lý tại hững nơi kém quan trọng để lệ

thuộc vào một sứ quán lớn trong vùng, hầu dung hòa cả hai yếu tố: hiện - diện thường trực, mà vẫn không quá tốn hao công quỹ. Tuy nhiên, cần giải thích đề chánh quyền địa phương thông cảm: biện pháp sở dĩ áp dụng không phải vì VNCH kém thịnh tình, mà chỉ vì trạng huống hiện tại của đất nước khan hiếm phương tiện, về người cũng như về của (2);

3) Tại tất cả những nơi xét cần thiết, và nhất là những nơi ta chỉ bổ nhiệm xử lý: cần gần như định kỳ gửi phái đoàn viếng thăm thiện chí, trình diễn văn nghệ thể thao, trao đổi văn hóa hay sản phẩm... Phái đoàn công cán phải nhằm mục đích xiết chặt tình giao hảo. Chỉ định nhân viên phái đoàn thiện chí cũng như bổ nhiệm sứ thần và nhân viên ngoại giao, phải làm sao để nước bạn và dư luận nói chung khỏi ngộ nhận là ta đã lợi dụng hay định chí tạo nên cơ hội, để biệt đãi hay thưởng công, hoặc gạt xa những phần tử "vướng chân": một công cuộc nếu quả như vậy không những không có lợi, mà còn dần dần và chắc chắn đào thêm sâu cái hố chia rẽ giữa hai quốc gia có thể trở nên chỗ bạn thân tình, thông cảm... Ấy là chưa kể tình trạng như vậy còn khơi nguồn cho những mặc cảm hoặc đổ kỵ nội bộ, làm hư hỏng đại sự. Từng phen, chúng ta đã vô tình mang quần áo dơ bẩn

(1) Hiện nay VNCH có 26 sứ quán, mà chỉ có 6 trưởng nhiệm sự thực thụ; 5 lãnh sự quán, mà chỉ có 2 lãnh sự thực thụ.

(2) Trước đây, Thụy Sĩ không đặt Đại sứ quán, mà chỉ đặt Đặc-sứ-quán.

đem phơi ở phía trước nhà, trình bày với quốc tế những mâu thuẫn xảy ra trong hàng ngũ, khiến dư luận có thể cho là ta đã coi thường nước bạn! Từ ngày cách mệnh đến giờ, có nước bạn được hân hạnh tiếp phái đoàn thiện chí của ta hơi nhiều, đã có lần thành thực yêu cầu hoãn tới dịp khác thuận tiện hơn! Một nước bạn khác, trước tên một nhân vật được ta đưa ra, đã dè dặt không trả lời. Trong khi Ai Lao, một nước ở ngay sát cạnh ta, thân tình với ta như huynh đệ, đã gửi Đại sứ tới nước ta, luôn luôn thúc dục ta mau gửi Đại sứ sang Ai Lao, thì ta lại trì hoãn, tiếp tục đề một đề nghị Tham vụ làm xử lý, khiến nước bạn buồn lòng! Trước những sự kiện tế nhị như thế, « người dân đi ngoài phố » (1) không quen với các khúc mắc chánh trị, hãy hỏi làm sao hiểu được?

4) Trước những sơ xuất như vậy, dù là vô tình hay hữu ý, các quốc gia vừa độc lập, mới trưởng thành, thường có thái độ rất cố chấp. Vì ai nấy có thể cho rằng ta đã định ý coi thường bạn. Ở Á Đông, ở Phi Châu, vấn đề thể diện, — mà quốc thể là hình thức tối cao và tối trọng của thể diện — là điều quan hệ.

IV.— Riêng về Phi châu, ngoài và trên vấn đề chánh trị và nhân sự thường tình, còn các khía cạnh « phong trào », « kết khối », « ảnh hưởng hỗ tương », khiến bài toán phức tạp hơn một bậc.

Hiện nay, các quốc gia Phi châu gồm 34 nước. Hầu hết đều là những quốc gia nhỏ bé, mới thâm hời độc lập sau trận đệ nhị thế chiến vừa qua, dân số ước khoảng từ 1 tới 3 triệu. Chỉ có 8 quốc gia dân số trên 6 triệu :

Ethiopie : 20 triệu ; Nigeria : 55 triệu , Soudan, Maroc : 12 triệu ; vv.

Trình độ văn hóa và dân trí thực sai biệt. Có những quốc gia rất thấp kém về đủ phương diện, mà các nguyên « mẫu quốc » vẫn trả độc lập, vì muốn gột rửa phàm từ « đế quốc », « thực dân », mà khởi thiên tả và các quốc gia nhược tiểu bị trị trước đây đã gán cho.

Các quốc gia Phi Châu này lúc đầu đã chia thành nhiều khối, với các khuynh hướng khác nhau :

1.) Khối Union Africaine Malgache (còn mang tên là khối Brazzaville), dùng Pháp ngữ. Bùđi đầu, đó là một tổ chức chánh trị, nhưng sau hoạt động chuyên về kinh tế, kỹ thuật và văn hóa, trụ sở thường trực đặt tại Yaoundé (Cameroun). Khối có khuynh hướng *turng lập thân Tây Phương*, gồm 14 nước như sau :

— Cameroun — Côte d'Ivoire — Haute volta — Mauritanie — Ruanda — Togo — Dahomey — République Centre - Africaine — Gabon — Madagascar — Niger — Tchad — Congo Brazzaville — Sénégal.

(1) « l'homme de la rue »

Trong số này, có ba nước về sau theo đường lối *trung lập thiên cộng* :

— Sénégal đã tuyệt giao với Trung-Hoa Quốc-gia ; đã công nhận Trung-Cộng và Việt-Cộng ;

— Congo Brazzaville đã công nhận Việt-Cộng ; đã tiếp-nhận Đại sứ Trung-Cộng ;

— Dahomey đã tiếp rước trọng-thê hai phái-đoàn thiện-chí Trung-Cộng và Đông Đức. Ngoài ra, Dahomey còn gửi phái-đoàn thiện-chí viếng Moscou, do Tổng-Trưởng Ngoại-giao hướng dẫn.

2) Khối Monrovia, dùng Anh-ngữ, có khuynh hướng trung-lập thân Tây-Phương, gồm 7 quốc-gia :

— Ethiopie — Sierra Leona — Soudan — Somalie — Liberia — Nigeria — Congo Léopolodville.

Hiện nay, Soudan (chịu ảnh-hưởng của R.A.U (1) = Cộng-Hòa Á-Rập thống-nhất.) ; và Somalie, đã liên-lạc ngoại-giao với Trung-Cộng.

3) Khối Casablanca, có khuynh-hướng Trung-lập thiên tả, gồm 7 quốc-gia, đều có liên-lạc ngoại giao với Trung-Cộng và Việt-Cộng :

— Algérie — R.A.U. — Lybie Ghana — Maroc — Mali — Guinée.

Trường-hợp đặc-biệt là Maroc và R.A.U.

VNCH có đặt Sứ-quán tại Maroc, nhưng đồng-thời, Maroc tuy *chưa* tiếp-nhận sứ-thần Việt-Cộng, nhưng đã liên-lạc mật-thiết với Việt-Cộng.

Về phần R.A.U : VNCH có thương-thuyết để đặt Tổng Lãnh sự quán. Lâu lắm, R.A.U không trả lời. Đến khi chấp-thuận để VNCH đặt Tổng Lãnh sự quán, thì cùng một lúc, R.A.U loan tin để Việt-Cộng đặt Đại sứ quán ! Và VNCH đã gián-đoạn liên-lạc với RAU từ đó (2).

4) Khối các " quốc-gia không tham khối " gồm 5 nước :

— Burundi — Ouganda — Kenya — Tanganyika — Zanzibar — Tunisie.

Các nước này đều đã chấp-nhận cho Trung-Cộng đặt sứ quán (3).

Ngày nay, các khối trên đều giải tán để thành-lập một khối chung và lớn, lấy tên là " Tổ chức Thống Nhất Phi-châu " (4).

Nhưng, trong thực-tế và cho đến nay, bên trong tổ-chức vẫn còn hai khuynh-hướng ngấm ngấm chống đối nhau.

V. — Vậy, " Tổ-chức Thống-Nhất Phi-châu " là gì ?

Hiến-chương " Tổ chức Thống Nhất Phi-châu " được 30 quốc-gia Phi-châu ký-kết, nhân kỳ hội đầu tiên, ngày 25-5-1963 tại Addis-Abeba. Đáng lẽ còn 2 quốc-gia nữa tham-dự, nhưng Maroc từ-chối, vì không thuận ngồi cùng bàn

() République Arabe Unie. Thủ Đô tại Le Caire.

(2) Tháng 10-1963.

(3) VNCH có đặt sứ quán tại Tunisie do một đệ nhị Tham-vụ làm Xử lý thường-vụ.

(4) Organisation de l'Unité Africaine.

thảo-luận với đại-biêu xứ Mauritarie (1) ; còn Togo khiếm-diện vì Tổng-thống Olympio vừa bị ám-sát nhân một cuộc chính-biến.

Và như vậy, « Tổ-chức Thống Nhất Phi-Châu » ra đời, nhằm 2 mục-tiêu :

— Tích-cực tham-gia các phong-trào giải-phóng dân-tộc,

— Tranh-đấu chống chánh-sách kỳ-thị màu da ; « tẩy chay » chánh-phủ Nam-Phi chủ-trương chánh sách này...

Sau một năm hoạt-động, mặc dầu không ghi được bao nhiêu thành-tích, nhưng Tổ-chức cũng đã giàn-xếp thành-công các vụ xung-đột giữa Algérie và Maroc, giữa Somalie và Ethiopie, giữa Ghana và Haute-Volta.

Trong 5 ngày, kể từ 17-7-1964, « Tổ-chức Thống Nhất Phi Châu » hội-hợp lần thứ hai, tại Le Caire. Có hai nước mới tham-dự Hội-nghị, là Kenya và Malawi. Như vậy, tổng số quốc gia hội-viên của Tổ-chức lên tới 34. Một số Quốc-trưởng, Thủ-tướng, đích-thân tới dự. Một số điệp-văn chúc mừng hay ủng-hộ từ khắp chân trời gửi tới, của các Tổng Thống hay Chủ-tịch : Johnson, Kroutchev, Tito, Soekarno... Ngoài ra, Thủ tướng Nhật cũng gửi điện-văn khuyến-khích...

Ngay trước Hội-nghị các Quốc-trưởng ngày 17-7-64, các Ngoại-trưởng trong Tổ-chức đã họp nhau, cũng tại Le Caire, ngày 13-7-64, để quyết-định chương-trình nghị-sự. Hai Ủy-ban được thành-lập : Ủy ban chánh-trị nhằm tranh-đấu chấm dứt chánh-sách thực-dân dưới

đủ mọi hình-thức, và Ủy-ban kỹ-thuật chuyên về quy-chế đặt các cơ sở của Tổ-chức, thủ-tục trung-gian, thương-thuyết, giảng hòa...

Có hai vị Quốc-trưởng nổi bật trên diễn-đàn Hội-nghị của « Tổ chức Thống nhất Phi-Châu » :

Hoàng-đế Hailé Sélassié (xứ Ethiopie) đề-cao « chánh-sách không tham khối » (2), đối xử đồng đều với Tây-Phương và Đông-Phương.

Tổng-thống Tsiranana (xứ Madagascar) sau khi nhấn mạnh về tánh-cách long-trọng và cần-thiết của chánh-sách không sen vào nội-bộ các quốc gia hội viên, đã can-đảm và nghiêm khắc trách đại-diện các quốc gia hội viên về mấy điểm :

— Nói nhiều quá (3) : dường như ai cũng muốn trở tài hùng-biện, thích đọc diễn-văn, tràng giang đại hải ;

— Mỹ-dân (4) : hứa hẹn quá nhiều mà không chắc sẽ giữ được lời hứa hẹn ;

— Phức-tạp quá (5) : không minh-xác, gặp đâu nói đấy, nhớ gì nói nấy...

Về phần Maroc, Sénégal, Mauritanie (6), Mali... các vị quốc trưởng rất ít lời và ai nấy đề nghị tới kỳ hội hội-nghị

1) Maroc không quan-niệm Mauritanie là một quốc-gia riêng.

2) Politique de non-engagement.

3) « Verbité »

4) « démagogité »

5) « complexité »

6) - Kỳ hội-nghị lần thứ nhất, vì phản kháng sự hiện diện của Mauritanie nên Maroc không tham-dự.

sau, một vị Quốc trưởng được các quốc-gia hội viên tín nhiệm sẽ phát biểu ý kiến thay mặt cho toàn thể...

Hội nghị kỳ 2 này của « Tổ chức Thống nhất Phi Châu », sau 5 ngày trao đổi quan điểm, đã đi đến những khuyến cáo và kết luận chánh như sau :

— *Addis-Abeba* (thủ-đô xứ Ethiopie) được chọn để đặt trụ-sở thường-trực của Tổ-chức ;

— Thành-lập Viện Hòa-giải các vụ tranh-chấp về biên-giới ;

— Thành-lập thêm 2 ủy ban : ủy ban các luật-gia ; ủy ban vận-tải và viễn-thông.

— Thành-lập các cơ quan hầu thi hành chánh-sách « tầy chay kinh-tế » chánh-phủ Nam-Phi ;

— Một ủy-ban đặc-biệt sẽ nghiên-cứu vấn-đề « chánh - phủ Phi Châu Thống-nhất ».

— Phản-đối việc thành-lập quốc-gia Nam Rhodésie độc-lập vì chánh-phủ do ô Ian Smith lãnh-đạo chỉ là một thiểu-số bạch-chủng thống-trị hắc-chủng.

Sau hơn một năm thành-lập, sau hai kỳ. Hội-nghị tới cấp Quốc-trưởng, mặc dầu những thành-tích đã ghi ở trên, « Tổ-chức thống-nhất Phi-Châu » vẫn chưa được... hoàn toàn thống-nhất như ý nhiều người mong mỏi.

Những phần-tử « tiền-tiến » muốn Tổ-chức phải mạnh-dạn *cương-quyết hơn*, đối với hai vấn-đề then chốt là : đế-quốc và kỳ-thị chủng tộc. Một số quốc-gia trái lại, có thái-độ thụ-động, không dứt

khoát (1), vì vậy bị các quốc-gia như Algérie, Ghana, R.A.U... nặng lời công-kích, Tổng-thống Tsisanane (2) (xứ Madagascar) vì nói thẳng, đã bị một số nhân-vật tỏ vẻ bất-bình. Thành-thử ra vô-tình ngay trong lòng « Tổ-chức thống-nhất Phi Châu » đã chia làm hai nhóm :

— Nhóm « cách mệnh », muốn tiến mau và mạnh, đa-số gồm các quốc-gia trước đây ở khối Casablanca ;

— Nhóm « cải-lương », muốn tiến nhẹ và chắc, đa-số gồm các quốc-gia trước đây ở hai khối Brazzaville và Monrovia.

Những nguồn gốc chánh đã khiến « Tổ chức Thống nhất Phi Châu » hiện nay chia làm 2 nhóm trên thực tế là thuộc về các vấn đề : kinh tế, tài chánh ; cộng tác, liên lạc với các xứ ngoài Phi châu ; biên giới (ví dụ như ở Maroc, Somalie, Ghana) ; nguyên tắc không sen vào nội bộ các quốc gia hội viên...

Một tỷ dụ. Ô. N'krumah (xứ Ghana) đưa ra đề nghị thành lập một Chánh phủ Liên bang Phi châu (Gouvernement Fédéral Pan-Africain), với hệ thống tiền tệ, quốc phòng... chung. Ý kiến được nhóm « cách-mệnh » ủng hộ. Nhưng Ô. Julius Nyééré (liên bang Tanganyika-Zanzibar) lại chỉ trích, cho là ô. N'krumah

1) Ví dụ : Tiếp tục liên lạc kinh tế với Nam Phi châu đã bị tổ chức « tầy chay » vì tội kỳ thị chủng tộc.

2) Xin coi ở trên — Tổng thống Tsiranana xứ Madagascar và Hoàng đế Hailé Sélassié xứ Ethiopie rất có cảm tình với VNCH. Trong kỳ Hội nghị tại Le Caire tháng 7-1964, hai vị đã nổi bật trên diễn đàn vì thái độ rất khúc triết và can đảm.

ích kỷ, không làm gì khác hơn là tuyên truyền quảng cáo cho nước ông!

..

VI.— Dầu sao, mang toàn thể ưu và nhược điểm bất đồng căn, « Tổ chức Thống nhất Phi châu » trong hiện tại là một sự kiện chánh trị rất đáng VNCH lưu ý; trong tương lai là một làn nước thủy triều sớm muộn sẽ thành hình, số lượng và ảnh hưởng hùng hậu sẽ tràn ngập các nẻo đường thế giới.

Đồng thời bổ nhiệm những Đại sứ, Đặc sứ, Đại diện thực thụ, xứng đáng, tại các nhiệm sở ngoại giao then chốt hiện hữu của ta ở Phi châu và Á châu, chấm dứt kỷ nguyên các Đại lý (1), xử lý (1) hay quản lý (2), ta nên và cần nghiên cứu tường tận ngay về nhân sự cũng như chánh sách, để đặt thêm nhiệm sở mới. Bài học và kinh nghiệm của nước bạn láng giềng Malaysia rất hữu lý đáng để toàn thể chúng ta cùng suy ngẫm. Ngoài ra, cũng không nên quên rằng: Malaysia tình trạng tài chánh và nhân sự không khả quan hơn nước ta; đã vậy, V.N.C.H. còn bị C.S. phá rối, trong cũng như ngoài, khiến chiến dịch ngoại giao của ta càng cần phải rộng lớn, tích cực và tế nhị hơn ở đâu và bao giờ hết...

Addis-Abeba thủ đô Ethiopie được chọn để đặt trụ sở thường trực cho « Tổ chức Thống nhất Phi châu » gồm 34 quốc gia Phi châu hay Á rập hội viên. Hơn nữa, Addis-Abeba còn là trung tâm của các cơ quan kinh tế Liên Hiệp Quốc viện trợ Phi châu. Muốn tiếp xúc hầu gây thiện cảm, hay ít ra bớt ác cảm

với các quốc gia Phi châu, không gì bằng khẩn trương thành lập một Đại sứ quán tại Addis-Abeba. Chánh phủ Ethiopie đã chánh thức chấp thuận tiếp nhận Đại sứ của ta, từ giữa năm 1964. Từ đó đến đây đã hơn nửa năm rồi, chỉ vì nội tình của ta không ổn định mà nhiệm sở được chấp thuận trên nguyên tắc vẫn chưa thành lập! Lẽ tất nhiên Hoàng đế Hailé Sélassié có nhiều thiện cảm đối với VNCH, thì trọng tâm hoạt động của sứ quán nhằm củng cố tình giao hảo Việt Nam Ethiopie chỉ là một phần nhỏ; và một phần rất lớn nữa, là phải khéo léo vận động với các quốc gia Phi châu có đặt sứ quán tại Addis-Abeba, và cả các quốc gia Á châu hiện diện tại Addis-Abeba, mà ta chưa tiện liên lạc ở một nơi khác. Nói tóm lại, đối với nền ngoại giao VNCH trong một ngày mai rất gần, Addis-Abeba sẽ là một cánh cửa sổ hướng nhìn về lục địa Phi châu, các quốc Á Rập, và các quốc gia Á châu chưa hay không liên lạc với ta, vì chưa hay không có nhiều thiện cảm với ta...

oOo

VII.— Nói đến vấn đề thành lập Sứ quán tại Addis-Abeba, thế nào cũng có bạn đọc sẽ lại phản đối, cho là tốn kém... Và ở Phi Châu, Trung Đông... ta có rất ít kiều bào... Kề ra nhận xét cũng một phần nào có lý. Ngoài Djibouti và Madagascar có độ 50 gia đình Việt Kiều, còn hầu hết các nơi khác dường như không được con cháu Lạc Hồng chiểu cố. Nhưng ta không

1) Các sứ quán.

2) Các Tổng Lãnh sự quán hay Lãnh sự quán.

thề chỉ căn cứ vào số kiều bào để quyết định có hay không nên thành lập một sứ quán. Có nhiều khi — và đây là một trường hợp điển hình — cũng cần coi trọng về khía cạnh chánh trị, nếu khía cạnh chánh trị này cần thiết cho sự sống còn của quốc gia trên bàn cờ thế giới...

Bên cạnh chiến dịch quân sự để diệt địch, bên cạnh chiến dịch chánh trị xã hội để thấu phục lòng dân, còn cần một chiến dịch ngoại giao đúng mức để gây thiện cảm với quốc tế nghĩa là gián tiếp làm suy giảm hậu thuẫn của địch. Muốn thắng địch, một đôi khi cũng cần phải sử dụng những khí giới, áp dụng những biện pháp, như địch, và có lẽ còn hơn địch nữa...

Hồi tháng 8-1964, nhân dịp lễ Quốc khánh Indonesia, Việt Cộng đã gửi một phái đoàn văn công tới 72 người, qua trình diễn tại Djakarta. Phái đoàn văn công đang được hoan nghênh thì phái đoàn chánh trị tới và cũng được hoan nghênh luôn, do đó, đã thu lượm nhiều kết quả.

Ngoài ra cũng nên một đôi khi mời các phái đoàn Phi châu qua viếng Việt Nam. Indonesia đã áp dụng chánh sách này, để thu hút cảm tình của khối Phi Châu. Ô. Soekarno đã không ngại tốn kém, mời các phái đoàn Phi Châu qua viếng Indonesia. Trong thời gian lưu trú, phái đoàn được tiếp rước thực ân cần

trọng thề... Trước khi về, các đoàn viên được mời lên đài vô tuyến truyền thanh hay truyền hình phát biểu ý kiến, thường là đầy thiện cảm thuận lợi cho Indonesia. Và vì đã lỡ tuyên bố, nên lúc về nước, ai nấy đều cố gắng thực hành một phần nào những lời đã long trọng cam kết trước dân chúng Indonesia...

Trên trường quốc tế, đây là một bài toán sinh tử của Việt Nam. Không nên xét vấn đề qua nhãn tuyến có hay không tổn kém; mà nên xét vấn đề qua nhãn tuyến có hay không ích lợi, có hay không cần thiết?

Trường hợp đối với đất nước, thật chẳng khác vấn đề hiếu hỷ đối với gia đình. Có người thân lâm bệnh, không thể vin cờ: Thiếu phương tiện di chuyển, hay phương tiện tài chánh kém dồi dào, đề không mời bác sĩ. Phải đi bộ, phải dành dụm, phải nhờ vả xóm giềng, đề mời cho được vị lương y... VNCH sẽ thắng hay bại, còn hay mất, một phần lớn là do tình hình quân sự và chánh trị trong nước định đoạt; nhưng một phần không nhỏ nữa còn là do địa vị của VNCH trên chánh trường quốc tế.

Địa vị đó cao hay thấp, mạnh hay yếu, thịnh hay suy, là do nội tình của ta đã hay chưa ổn định, chánh sách ngoại giao của ta nhìn xa hay gần, và nhân viên ngoại giao của ta đủ hay thiếu khả năng.

PHẠM-LƯƠNG-GIANG. 1965

KỶ TỚI: Việt-Nam và Hội-Nghị Á-Phi sắp tới.

SẮP PHÁT HÀNH
THƠ ĐẸN
Của TỬ KẾU

do TIẾNG NÓI xuất bản, Chu Tử, Nguyễn
mạnh Côn, Trần-Dạ-Từ đề tựa, Viên-Linh
đề bạt. Đăng-Giao trình bày.

- Một loại thơ lấy đấm chanh làm ngọt, lấy buồn làm vui, lấy đau khổ làm hạnh phúc.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Vài nét sơ lược về sự phát triển của triết - học Trung - Hoa trong thời - đại Tiên Tần

GIẢN - CHI và NGUYỄN - HIẾN - LÊ

L.T.S. — Hai ông Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê đã khởi sự cho in bộ Đại-cương Triết-học Trung-Quốc. Bộ này khá dày và gồm sáu phần : Tổng quan (tóm tắt sự phát triển của Triết-học Trung-quốc từ thời Tiên Tần tới cuối đời Thanh) ; Vũ-trụ luận, Tri-thức luận ; Nhân-sinh luận ; Chính-trị luận ; Tiểu sử các triết-gia.

Trong số này và những số tới, chúng tôi xin giới-thiệu với độc giả một vài chương trong phần « Tổng quan » và phần « Nhân-sinh luận ».

MỘT CHÚT ĐỊA - LÝ VÀ LỊCH - SỬ

Hai con sông

Không phải miền trung châu của một con sông lớn nào cũng là khởi điểm của một nền văn minh (sông Cửu Long ở nước ta, sông Amazone ở Mỹ, sông Niger ở Phi Châu chẳng hạn không có công gì với nền văn minh thời cổ của nhân loại) (1) ; nhưng những nền văn minh sớm nhất của thế giới đều phát sinh ở miền trung châu những con sông lớn : văn minh miền Mésopotamie xây dựng trên lưu vực hai con sông Tigre và Euphrate ; văn minh Ai Cập là « tặng vật » của con sông Nil ; mà văn minh Trung Hoa cũng phát sinh trên lưu vực hai con sông Hoàng Hà và Trường Giang (cũng gọi là Dương Tử Giang). Lẽ ấy dễ hiểu : nhân loại bắt đầu văn minh từ khi bỏ đời sống du mục mà chuyển qua đời sống canh nông, mà nông

ngiệp chỉ phát phát triển được trên những cánh đồng lớn và phì nhiêu, vì vậy nền văn minh đầu tiên của nhân loại có tên là « văn minh phù sa » (2).

Vậy trước khi xét văn minh — triết học cũng như văn học, nghệ thuật... — Trung Hoa, chúng ta phải nhắc đến con sông Hoàng Hà, rồi tới con sông Trường Giang.

Chúng ta đều nhớ hai câu thơ của Lý Bạch mở đầu bài *Tương tiến tửu*, mạnh mẽ như thác đổ :

*Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy
thiên thượng lai,
Bôn lưu đáo hải bất phục hồi ?*

(1) Theo sự hiểu biết của chúng ta ngày nay. Có thể rằng sau này người ta đào được ở đó nhiều di tích của những nền văn minh đã mất.

(2) Rồi sau có nền văn minh thương mại (từ thời La Mã cho tới thế kỷ XVIII) ; hiện nay là nền văn minh Kỹ thuật.

Con sông Hoàng Hà đó quả là « Thiên thượng lai », vì nó bắt nguồn từ trên « nóc địa cầu » (tức miền Tây Tạng) chảy ngược lên phương Bắc rồi lại vòng xuống phương Nam uốn khúc một lần nữa rồi đổ ra biển. Nó dài trên bốn ngàn cây số, nước chứa nhiều phù sa vàng, lòng sông hay di chuyển, và tới mùa nước lớn, nó tràn bờ, mênh mông như biển, gây nhiều tai hại cho dân Trung Hoa, nhưng cũng tặng cho họ được một cánh đồng bát ngát, mặc dầu là không phi nhiêu lắm.

Con sông Trường Giang cũng từ nóc địa cầu đổ xuống, chảy xuống phương Nam rồi vòng lên phương Bắc, uốn khúc theo hướng Đông Bắc mà ra biển, sau khi vượt qua trên năm ngàn cây số.

Lưu vực Hoàng Hà ngang vĩ tuyến với Hy Lạp, nhưng vì xa biển, khí hậu có phần lạnh, đất cát khô khan, cây cỏ thưa thớt, phong cảnh tiêu điều, sản vật hiếm hoi ; đúng như lời thơ của Vương Chi Hoán đời Đường :

*Bạch nhật y sơn tận,
Hoàng Hà nhập hải lưu.
Dục cùng thiên lý mục,
Cánh thượng nhất tăng lâu.*

Vì vậy dân có thực tế, có óc chí tiến thủ, phải phấn đấu với hóa công mới sinh tồn được.

Lưu vực Trường Giang trái lại, khí hậu ẩm áp, cây cối xanh tươi, phong cảnh tốt đẹp, sản vật phong phú, người ta không cần khó nhọc cũng dư sống, cho nên con người ở đây ưa mơ

mong và hiếu nhân, thích những cảnh mây bay nước chảy :

*Bạch vân bão u thạch,
Lục điều mị thanh liên.*

Ta Linh Vận

Lưu vực hai con sông đó gần như tiếp nhau, thành thử dân tộc Trung Hoa được hưởng một cánh đồng mênh mông vào bậc nhất thế giới.

Một dân tộc

Chưa ai khảo được gốc gác của dân tộc ấy, chỉ biết rằng đã từ lâu lắm, cách đây có lẽ đến sáu ngàn năm, họ tới lưu vực sông Hoàng Hà, đánh được thổ dân là người Miêu mà chiếm đất. (1) Có lẽ xưa họ vốn là du mục, bấy giờ mới định cư và chuyên về nông nghiệp. Miền họ ở cách xa biển, nên họ không giỏi về hàng hải.

Họ văn minh rất sớm, theo ông Anderson do Marcel Granet dẫn trong *La civilisation Chinoise* (Albin Michel) — thì có lẽ ba ngàn năm trước tây lịch, họ đã biết dùng đồng đen rồi, nhiều học giả cho rằng họ bắt đầu có chữ viết từ đời Thương (1783 — 2335 trước tây lịch).

Ta không thể tin được những truyền thuyết về các đời Bàn Cổ, Tam Hoàng, Hữu Sào, Toại Nhân, Phục Hi, Thần

(1) Theo một số học giả thì giống Miêu vào lưu vực Hoàng Hà trước, rồi tới giống Khương sau cùng là giống Hoàng, giống Viêm ; hai giống này liên kết với nhau thành được hai giống trên, lập nên văn minh Hoa Hạ (Hoa có nghĩa là chính, lớn, đẹp, lạ, chi sắc đỏ — đời Chu trọng sắc đỏ — Hạ có nghĩa là khu vực văn hóa cao.

Nông ; ngay những đời Ngũ Đế, Nghiêu, Thuấn, cũng đều khuyết sử ; nhưng ta biết chắc rằng tới đời Chu (1134 — 247) thì văn minh của họ đã rục rọ : họ đã có lễ, nhạc, biết dệt lụa, dùng bánh xe, dùng chỉ nam châm, đã qua giai đoạn mẫu hệ (1), bộ lạc với tù trưởng mà bước vào giai đoạn phong kiến : trong nước có khoảng ngàn chư hầu, tự trị, đều phục tòng vua nhà Chu.

Giai cấp thì phân biệt ra :

— Quân tử, cũng gọi là « bách tính », tức hạng quý tộc, có đất ruộng, có học, cầm quyền cai trị, cha truyền con nối.

— Tiều nhân, cũng gọi là « dân », là « thứ dân », « lê dân » hoặc « quần lê », tức hạng nô lệ, thời bình thì làm ruộng, làm thợ, thời chiến tranh thì đi lính. (2)

Những sự kiện lớn trong lịch sử Trung-Hoa

Đời Chu chia làm hai thời kỳ : thời kỳ thứ nhất đóng đô ở đất Phong, đất Cảo (miền Thiểm Tây bây giờ), nên gọi là *Tây Chu* (1134 — 770) ; đến đời U Vương sợ rọ Tây Nhung phải dời đô qua Lạc Dương (Hà Nam) để tránh, từ đó gọi là *Đông Chu* (770 — 247).

Từ khi nhà Chu dời sang đông, vua suy nhược, chư hầu lộng quyền, tranh giành, đánh nhau không ngớt, dân tình vô cùng khốn khổ.

Đầu nhà Chu, chư hầu đếm trên 1000, họ thôn tính lẫn nhau, sau còn độ 100, nhưng chỉ có mấy nước sau này là mạnh : Tề, Sở, Tấn, Tần, Lỗ,

Tống. Nhà Chu tuy suy, nhưng các nước chư hầu chưa dám bỏ, họ chỉ dẹp lẫn nhau để được làm minh chủ (gọi là bá). Năm chư hầu kế tiếp nhau làm minh chủ, là Ngũ Bá : Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Dương Công, Sở Trang Công, Tần Mục Công.

Khổng Tử chép lại thời hỗn loạn ấy trong cuốn *Xuân Thu*, người đời sau nhân đó gọi là thời-đại *Xuân Thu* (722 — 479).

Sau thời *Xuân Thu*, các chư hầu vẫn đánh nhau liên miên, người ta gọi là thời *Chiến Quốc* (480 — 221). Bảy nước mạnh nhất là thất hùng : Tần, Sở, Yên, Tề, Triệu, Ngụy, Hàn. Sau Tần diệt nhà Chu và sáu nước chư hầu kia, thống nhất Trung Quốc (lúc đó dân tộc Trung Hoa đã tràn từ lưu vực Hoàng Hà tới lưu vực Trường Giang), chấm dứt chế độ phong kiến mà mở màn cho chế độ quân chủ chuyên chế. (211 tr. t.l)

Lần đó là lần biến chuyển thứ nhất và mạnh nhất trong lịch sử Trung Hoa. Trên hai ngàn năm sau, mặc dầu trải qua nhiều cuộc suy vong, bị các rọ phương Tây phương Bắc xâm chiếm (rọ Ngũ Hồ đời Nam Bắc triều — 221 — 581 ; rọ Liêu, rọ Kim ; rọ Nguyên cuối đời Tống 1234 — 1368 ; rọ Mãn Châu đời Thanh 1616 — 1911), xã hội Trung Quốc không thay đổi gì cả, mãi

(1) Bảng cơ của giai đoạn này là những tên họ thời đó như Khương, Cơ, Diêu, Tỵ (họ vua Hạ Vũ). . . đều có chữ nữ.

(2) Quách Mạt Nhược — Trung Quốc Cổ đại xã hội nghiên cứu. Đạo luận. Tiết 3,

tới cuộc cách mạng Tân Hợi, lật đổ được Mãn Thanh, mới có một cuộc biến chuyển lớn nữa, hiện vẫn còn tiếp tục.

Suốt trong mấy ngàn năm đó, dân tộc Trung Hoa gần như giữ được vẹn nền văn minh của họ, nhờ họ thông minh, đông đúc mà lại sống ở miền chung quanh toàn là những giống người kém xa họ về văn hóa. Những rợ đã xâm chiếm họ, tuy thắng họ về vũ bị, giày xéo non sông họ, mà rốt cục cũng theo văn minh họ, đồng hóa với họ, ăn mặc như họ, học tiếng họ, dùng chữ họ, thờ những ông thánh của họ và lấy làm vinh hạnh được cưới con gái của họ. Họ có sức đồng hóa mãnh liệt, không dân tộc nào bằng.

Tuy nhiên trong lịch sử của họ, cũng đã có hai thời kỳ họ tiếp xúc với những nền văn minh rất cao, và họ đã hăng hái học cái mới của người, sau một thời gian nghi kỵ.

Lần thứ nhất, họ thâm nhập văn minh Ấn Độ, trong các thế kỷ thứ 6, 7 và 8 (đời Lục Triều và Đường). Sự thật đạo Phật vào Trung Quốc từ đời Tần nhưng phải đến đời Lục Triều, nhân xã hội Trung Hoa gặp hồi suy loạn, tư tưởng đã cần cỗi, văn minh Ấn Độ mới theo rợ Hồ mà xâm nhập dễ dàng, và do đó đạo Phật phát lên mạnh mẽ vô cùng (trong nước đã có tới khoảng 900 chùa Phật).

Lần thứ nhì, họ thâm nhập văn minh phương Tây, mà lần này cũng như lần trước : từ khi họ mới tiếp xúc với phương Tây cho tới khi họ

chịu ảnh hưởng mạnh của phương Tây thời gian là bốn thế kỷ. Năm 1517, một bọn phiêu lưu Bồ Đào Nha đem tàu chiến và súng ống lại Quảng Đông đòi buôn bán với họ. Rồi tới người Ý Pha Nho, người Hòa Lan. Gần cuối thế kỷ 16, năm 1581, giáo sĩ Ý là Mathieu Ricci được phép giảng đạo ở Bắc Kinh, giao du với phái Đông Lâm, Cuối đời Minh, người Trung Hoa đã sửa lịch theo Âu châu ; đầu đời Thanh, họ học các môn toán, trắc lượng, thiên văn của Âu ; nhưng phải đến cuộc cách mạng Tân Hợi, họ mới thực là theo Âu.

Cả hai lần đó, đều nổi lên những phong trào dịch thuật vĩ đại.

Đời Đường, Huyền Trang chở từ Ấn Độ về 657 bộ kinh rồi một mình ông, trong 18 năm (645 — 663), mài miết dịch được 73 bộ, cộng 1330 quyển. Sau ông, Nghĩa Tịnh cũng qua Ấn Độ lấy thêm được 400 bộ kinh, nhưng dịch không được mấy.

Đời Thanh, Nghiêm Phục và Lâm Thụ tự lãnh nhiệm vụ dịch tác phẩm của Âu Tây. Lâm Thụ chuyên dịch tiểu thuyết Nga, Pháp, Anh, Mỹ... trước sau được 93 truyện. Nghiêm Phục chuyên dịch sách triết lý của Huxley, Spencer, Stuart Mill..

Lần trước, thâm nhập văn minh Ấn độ, họ đã phát huy được đạo Phật, sáng lập ra nhiều phái, lần này thâm nhập văn minh Âu Tây, họ sẽ phát huy được gì không? Chúng ta chưa thể trả lời được. Lịch sử không nhất định là một sự trùng diễn. Mà từ cuộc cách mạng Tân Hợi đến nay, thời gian còn ngắn

quá, họ còn đương bận đuổi cho kịp phương Tây, và hiện vẫn còn giữ địa vị thụ động.

Tóm lại muốn hiểu lịch sử triết học Trung Quốc, nói rộng ra là lịch sử văn hóa Trung Quốc, ta cần nhớ hai sự kiện này :

— Có hai cuộc biến chuyển lớn lao : một ở cuối đời Chiến quốc, từ phong kiến chuyển qua quân chủ chuyên chế ; một ở đầu thế kỷ này, từ quân chủ chuyển qua dân chủ ;

— Có hai lần thâm nhập văn minh ngoài : một ở thời Lục Triều và Đường, chịu ảnh hưởng của Ấn Độ ; một ở cuối Thanh cho tới nay và còn kéo dài nữa, chịu ảnh hưởng của Âu Tây

Các thời-đại trong lịch-sử Triết-học Trung-Hoa

Những sự kiện kể trên giúp ta hiểu được sự phân chia lịch sử triết học Trung Quốc thành các thời kỳ.

Phần đông các học giả đều chia theo các triều đại :

— Thời đại Tiên Tần (nghĩa là trước đời Tần) gồm hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc, là thời đại phát sinh rực rỡ của triết học Trung Quốc, thời đại của « bách gia chư tử ». Học thuyết đua nhau nảy nở. Mới đầu là Khổng giáo, Mặc giáo, Lão giáo, rồi sau thêm : Danh gia, Nông gia, Âm dương gia, Pháp gia...

— Đời Tần, Hán, Nho học lần lần át những phái khác mà chiếm được địa vị quốc giáo, nhưng thế lực của

Lão và Âm dương vẫn còn mạnh. Lão giáo đời Tần thiên về thuật tu tiên, Mặc gia, Pháp gia, Danh gia suy hẳn.

— Đời Lục Triều : Lão, Trang lại thịnh lên một lúc ; thêm tính cách huyền vi, nên gọi là phong trào huyền học và đạo Phật bắt đầu có ảnh hưởng ở Trung Quốc.

— Đời Đường, Phật học toàn thịnh.

— Đời Tống và Minh là thời kỳ của đạo học (*chữ đạo ở đây có nghĩa rộng là đạo làm người, chứ không phải chữ đạo trong Đạo đức kinh ; hoặc trong Đạo giáo*).

— Đời Thanh mới đầu tiếp tục đạo học đời trước, nhưng lần lần chịu nhiều ảnh hưởng của phương Tây nên trong thực dụng và khảo cứu.

Phùng Hữu Lan có sáng kiến tổng hợp lại mà chia làm hai thời đại chính và lấy đời các triết gia — chứ không phải đời vua chúa — làm bông tiêu:

— Thời đại *Tử học* từ đời Xuân Thu cho tới Đồng Trưng Thư đời Hán Vũ Đế (khoảng giữa thế kỷ thứ II trước Tây lịch) .

— Thời đại *Kinh học*, từ Đồng Trưng Thư đến Khang Hữu Vi (khoảng đầu thế kỷ xx.)

Ông gọi thời trên là *Tử học* vì hầu hết chư tử (tức các triết gia) đều sáng lập ra một học thuyết, tác phẩm của họ đều thành những kinh để đời sau nghiên cứu. Thời dưới gọi là *kinh học* vì các triết gia tuy đôi khi có sáng kiến nhưng tựu trung vẫn là theo các kinh của đời trước mà chỉ phát huy thêm thôi, họ không phải là môn đồ xa của Khổng

học thì cũng là của Lão học, Trang học. Ngay những nhà thiên về Phật học cũng là dựa vào kinh Phật mà bản thêm, chứ không lập được một học thuyết nào hoàn toàn mới, khác hẳn học thuyết cổ.

So sánh với triết học phương Tây thì thời đại tử học tức là thời đại Thượng cổ; còn thời đại kinh học gồm cả hai thời Trung cổ và Cận cổ. Ở Châu Âu, Ki-Tô giáo cố gắng hiển cho triết học một vũ trụ quan, một nhân sinh quan mới, làm thay đổi hẳn đời sống của các dân tộc; rồi từ thế kỷ XVII, khoa học thực nghiệm bắt đầu có cơ sở, ảnh hưởng mỗi ngày một tăng, gần như chi phối cả vật chất lẫn tinh thần của con người. Ở Trung Hoa, trái lại, từ Hán đến cuối Thanh, gần như không có sự biến chuyển gì cả: các triều đại kế tiếp nhau thịnh rồi suy, các rợ phương Bắc và phương Tây vô chiếm đất rồi thì đồng hoá, ngay như đạo Phật cũng không gây được một cuộc cách mạng nào trong tư tưởng cả, thành thử trong hai ngàn năm xã-hội Trung Hoa như một mặt biển lặng, chỉ hơi gợn chứ không thành sóng, mà chủ trương trên kia của Phùng Hữu Lan xét ra rất có lý.

Nhưng sự phân chia của họ Phùng cũng không khác sự phân chia của các học giả khác là mấy. Các nhà này chấm dứt thời kỳ thứ nhất ở đầu đời Hán (khoảng 209 trước Tây lịch); Phùng kéo dài nó thêm được độ nửa thế kỷ nữa, mà trong nửa thế kỷ này triết học Trung Quốc không thay đổi, vậy thì sớm hay muộn hơn cũng chẳng quan trọng gì cả. Như vậy ông cũng vẫn tôn trọng

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được:

— **NGUYỄN CẦU**: Truyện phim của Lê-Huy Linh-Vũ do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 600 trang, có xen những hình ảnh mặt trận, một tác phẩm công phu, trình bày mỹ thuật, Giá 120đ.

— **VỀ TRỜI**: Tập thơ của Luân-Hoán, do Văn-Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 100 trang gồm 60 bài thơ, bản đặt biệt không đề giá.

HOA ĐẤT VIỆT: Thơ văn của Bút đoàn Hoa-Đất-Việt xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 90 trang, Giá 20đ.

— **SÁNG**: Nguyệt-san văn-hóa nghệ-thuật in Ronéo, khổ 16 × 20, do Ô. Đặng-Minh-Chi chủ trương và Dương-văn-Minh thư ký tòa soạn, Tòa-soạn và trị-sự: 126, Đại lộ Trần-Hung-Đạo (Tuy-Hòa).

— **BA MƯƠI** truyện dài của Trần-Châu-Hồ do THỜI MỚI xuất bản và gửi tặng. Sách dày 256 tr. Giá bán 36đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

sự biến chuyển lớn lao ở cuối đời Chiến Quốc. Rồi trong thời đại sau ông cũng chú ý tới sự phát triển của đạo Phật ở Nam Bắc Triều và Tùy, Đường, của đạo học ở đời Tống và Minh, và cuối cùng cũng chấm dứt thời đại thứ nhì vào cuối đời Thanh.

Vậy, những sự kiện lớn lao chúng tôi đã kể trong đoạn trên quả đã quyết định sự phân chia thời đại.

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ
(còn nữa)

NHÂN NGÀY KỶ-NIỆM

HỘI-NGHỊ YALTA 4/2 VỪA QUA :

Cuộc hội báo đầu năm của Tổng thống De Gaulle

• VŨ BẢO

DE GAULLE có một lối gặp báo chí khá riêng biệt. Một năm hai lần, ông ta cho mời khoảng 1000 ký giả trong nước và ngoài nước tới phòng Khánh Tiết của điện Elysée. Phòng bài trí rất lộng lẫy, từng chùm đèn treo bằng pha lê rủ từ trên trần xuống, nhiều bức thảm quý căng trên tường, và các chân ghế đều thếp vàng. Trước mặt mọi người là một cái bàn trải nhung đỏ và bên cạnh bàn có đủ mặt các vị Tổng, Bộ trưởng ngoan ngoan như những học trò của một trường làng đang chờ thầy giáo tới giảng bài. Đúng 2 giờ, một người lính hầu mang găng tay trắng vạch bức màn cửa ra và một bóng cao trên 1 thước 90 bước vào. Ai nấy đứng dậy. Tổng thống De Gaulle chào lại, nói vài câu xã giao

và cuộc họp báo bắt đầu.

Trước đó nhiều ngày, Tổng Thống De Gaulle đã chuẩn bị xong bài nói chuyện của ông, mài đi đưa lại, nhằm nhiều lượt cho nhập tâm nhưng trước mặt các ký giả thì ông ta lại muốn cho cuộc gặp gỡ có tính cách tự nhiên : ông ta mời mọi người đặt câu hỏi về bất cứ vấn đề gì. Và sau mỗi câu hỏi ông gật gù một một cách rất trầm ngâm, ra dáng đang bận tâm suy nghĩ câu trả lời hay ông ta đệm một câu : « Très bien ».

Các ký giả đặt câu hỏi xong, Tổng Thống De Gaulle lên tiếng : « Tất cả những điều quý vị vừa hỏi có thể sắp xếp vào làm 4 mục và tôi sẽ lần lượt giải đáp theo 4 mục đó ». Thế là ông ta nói thuộc lòng theo bài đã chuẩn bị trước, nói hết những điều ông ta muốn nói, chẳng cần theo sát những điều các

ký giả muốn hỏi. Chỉ tội cho các ký giả cố gắng đi tìm xem câu hỏi của mình được trả lời ở mục nào (1).

Đã bao nhiêu năm nay rồi, nghi thức đó không thay đổi và ngày mùng 4 tháng 2 vừa qua, Tổng thống De Gaulle đã mở cuộc hội báo đầu xuân của năm 1965. Đây là lần hội báo thứ 11 của ông ta. So với 10 lần trước chỉ có một điều khác : đó là lần này De Gaulle đã trả lời vào đúng một câu hỏi, không theo bài. Khi Dominique Pado, chủ bút báo Aurore hỏi :

— Tổng thống có được mạnh không ạ ? De Gaulle đã trả lời :

— Cũng khá, nhưng ông cứ yên chí. Thế nào cũng có lúc tôi qua đời.

Mọi người cười rộ lên. Nhưng giọng nói nghiêm trang của De Gaulle lại tiếp tục :

« Tất cả những câu hỏi khác của quý vị có thể sắp xếp vào làm 4 mục và tôi sẽ lần lượt giải đáp theo 4 mục đó ». Và ông ta lại trở về với bài nói chuyện đã chuẩn bị sẵn. De Gaulle đã nói trong 75 phút và những mục kỳ này có thể tóm tắt như sau :

1. *Chánh sách lợi tức của Pháp* : chánh sách này sẽ nhằm hướng dẫn nền kinh tế về mọi mặt để phân phối một cách hợp lý và công bằng sự gia tăng của lợi tức quốc gia vào các việc tiêu thụ, đầu tư, trang bị, ngoại viện vãn vãn. Làm sao cho các tầng lớp dân chúng tiến triển đồng đều ; không rơi vào những quá độ của tư bản phóng túng hay vào sự nhạt nhẽo vô vị của

chủ nghĩa Cộng sản ; không ngại làm méch lòng các giới chủ nhân thường lưu luyến với các đặc quyền của mình, hay các giới nghề nghiệp thường đặt căn bản hành động trên sự đấu tranh.

2 *Cải tổ hệ thống tiền tệ quốc tế*. Trước khi có hội nghị Gênes nhóm năm 1922, các việc mậu dịch quốc tế đều trang trải bằng vàng. Sau ngày hội nghị Gênes, đồng Mỹ kim và Anh kim được coi như là tương đương với vàng và các nước có thể dùng hai thứ tiền đó để thanh toán các mậu dịch quốc tế.

Với chế độ này, uy thế của đồng Mỹ kim đã tăng lên rất nhiều, thứ nhất là sau đại chiến thứ hai, tiền tệ các nước đều bị sụt giá và dự trữ vàng của Hoa Kỳ càng tăng thêm quan trọng. Nhờ uy thế của đồng Mỹ kim, Hoa Kỳ đã có thể đầu tư tại ngoại quốc cho vay mượn cùng viện trợ cho các nước.

Nhưng ngày nay tình thế đã thay đổi, giá trị các tiền tệ của các nước Tây Âu đã được phục hồi nên không thể để cho tiền của riêng một quốc gia nào có những lợi thế hơn tiền của các nước khác. Các sự trao đổi quốc tế phải thanh toán trên một căn bản vô tư và muốn như vậy thì chỉ có thể trả bằng vàng. Và đến chỗ này, De Gaulle lên giọng hùng hồn đề tán tụng thứ báu kim đó như sau : « Bởi vì vàng không thay đổi tính chất. Vàng có thể đổ thành thoi, thành nén, thành đồng tiền. Vàng không có quốc tịch. Vàng sẽ luôn luôn và mãi mãi là một tin dụng chỉ tệ tuyệt đẳng của tất cả mọi nước ».

(1) Là tất nhiên, các mục này khác nhau. Nói 4 mục là con số trung bình.

Nói tóm lại là De Gaulle đã đề nghị bỏ chế độ dùng Mỹ kim làm tiền - tệ quốc - tế thay cho vàng (Gold exchange Standard), đề trở về với chế độ cũ của kim-bản-vị (etalon-or hay Gold Standard).

3. Cuộc khủng hoảng của Tổ Chức Liên Hiệp Quốc.

De Gaulle đã nhắc lại trước đây với tư cách là một trong Ngũ Cường Pháp đã dự phần quan niệm Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc sau này được ký kết tại Cựu-Kim-Sơn. Theo hiến-chương đó, tổ chức Liên-Hiệp-Quốc gồm Hội-đồng Bảo-An, Đại Hội-Đồng và một Tổng Thư-Ký có trách nhiệm về việc điều hành tổ chức. Hội-Đồng Bảo-An thì đã bị tê liệt vì Nga Sô lạm dụng quyền phủ quyết từ khi có những vụ Cao-Ly, Suez và Hung-Gia-Lợi. Trong vụ Cao-Ly và gần đây với chuyện Congo, Đại Hội-Đồng lại tự dành cho mình quyền được sử dụng võ-lực nghĩa là Đại Hội-Đồng đã tước đoạt quyền hạn của Hội-Đồng Bảo-An. Còn ông Tổng Thư-Ký Liên Hiệp Quốc trước đây đã đương nhiên trở thành một chức-quyền ở trên các quốc-gia trái với tinh thần bản Hiến chương. Các sự lạm quyền đó là nguyên nhân cuộc khủng hoảng hiện thời.

Theo De Gaulle, đã đến lúc phải trở về với quan niệm đầu tiên của Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc và của bản Hiến-chương Và Tổng-Thống Pháp đề nghị một Hội-nghị Ngũ Cường gồm các đại diện Hoa-Thịnh-Đốn, Mạc Tư Khoa, Luân Đôn, Bắc-Kinh và Ba-Lê nhóm tại Genève

để tìm cách cứu vãn lại Tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc.

4. Việc thống nhất nước Đức.

Mặc dầu Đức quốc-xã đã bị đè bẹp, mặc dầu Tây Đức ngày nay có một chính sách đứng mực, sự phục hưng chính trị của nước Đức cũng vẫn còn là một mối lo ngại cho nhiều người. Phải làm sao cho nước Đức trở thành một yếu tố chắc chắn của hòa bình. « Việc thống nhất nước Đức sẽ phải do chính Âu-Châu đảm nhiệm lấy » và phải cần tổ chức một « Âu Châu sống trong tinh thần hợp tác và tình hòa-hiệp từ Đại-Tây Dương cho tới núi Oural để cho Âu-Châu, bà mẹ của nền văn minh hiện đại, cùng với con gái mình là Mỹ quốc, có thể hoàn thành được vai trò của mình trong sự tiến bộ của 2 tỷ người. »

oOo

Đó là 4 mục đã được De Gaulle đề cập trong buổi hội báo. Có người đã nhận xét lần này Tổng Thống Pháp không thuộc bài như những lần trước vì ông đã bỏ quên một vài đoạn mà đến hôm sau các ký giả đọc bản thông báo của điện Elysée lại thấy có ghi : Thật vậy trong bản thông báo có 2 đoạn mới, một đoạn ca ngợi sự khôn ngoan của Ô Thant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, và một đoạn nói rõ rằng Pháp sẽ không trả những chi phí mà Liên-Hiệp-Quốc đã gánh chịu khi gửi quân đồn trú tới Congo trong 2 năm vừa qua. Và người ta kết luận là gánh nặng của năm tháng đã một phần nào làm suy giảm trí nhớ của De Gaulle.

Phản ứng về cuộc hội báo.

Nói chung các phản ứng đều dè dặt, ở trong nước cũng như ở ngoài nước Pháp. Dư luận trong nước Pháp thì cho rằng năm nay là năm Tổng tuyển cử bầu lại Tổng-Thống mà De Gaulle nói những chuyện gì đâu đâu. Chỉ có một mục về chính sách lợi tức đáng lý có một ý nghĩa thiết thực thì lại dùng toàn những từ-chương mơ hồ. Người dân Pháp muốn biết Tổng-Thống De Gaulle nghĩ sao về chuyện con cái họ thiếu trường học, thiếu giáo sư, nghĩ sao về chuyện đào luyện các cán-bộ kỹ-thuật cho theo kịp Nga và Hoa Kỳ trong khi Pháp chỉ có 4 phần 100 dân số học hết ban Trung học, nghĩ sao về chuyện mức sản xuất đang sút giảm trong các ngành vải sợi, giấy dếp, xe hơi, nghĩ sao về chuyện xây cất thêm nhà ở v.v... v.v... Nhưng De Gaulle đã muốn chọn những vấn đề lớn lao hợp với kích thước của mình thì cuối năm nay khi xử dụng lá phiếu để bầu lại Tổng Thống thế nào cũng có một anh đánh cá ở Marseille hay một anh thợ máy ở công quản Renault tức mình vì trong buổi hội báo đầu năm De Gaulle đã không đề cập tới những vấn đề v.v. v.v. với khuôn khổ đời sống khiêm tốn của anh ta.

Còn ở ngoài nước, dư luận đã chú ý nhiều hơn đến 3 mục còn lại của buổi hội báo.

Bonn và Mạc tư Khoa lẽ tất nhiên đã nghiên cứu kỹ lưỡng những lời tuyên bố của De Gaulle về vấn đề thống nhất nước Đức, nhất là điểm chủ trương

vấn đề này là việc riêng của Âu Châu. Nga không đòi hỏi gì hơn vì với tư cách là một nước của Âu Châu, Nga sẽ có tiếng nói của mình trong việc thống nhất nước Đức. Nhưng ngay chính Nga cũng nghi ngờ giá trị thực tế của đề nghị « Âu châu hóa » vấn đề mà De Gaulle vừa đưa ra. Vì làm sao có thể bàn về thống nhất nước Đức mà lại không có Hoa Kỳ khi chính Hoa Kỳ cùng với Anh, Nga đã có trách nhiệm trong việc phân chia nước Đức tại hội-nghị Yalta, khi chính Hoa Kỳ đã giúp cho sự phục hồi kinh tế Tây-Đức, khi chính Hoa-Kỳ đã muốn dựa vào Tây Đức trong việc phòng thủ chung của Âu Châu và gần đây trong lực lượng nguyên tử đa phương? Thực ra khi nói đến thống nhất nước Đức trong một Châu Âu hòa hợp từ Đại Tây Dương cho tới dãy núi Oural, khi cho các ký giả phải chạy theo mình trên một quãng đường dài hàng ngàn dặm như vậy, De Gaulle chỉ muốn đẩy xa ảnh hưởng Hoa Kỳ và dành cho nước Pháp vai trò lãnh đạo Âu châu mà thôi.

Đề nghị hợp Ngũ cường để xét lại hiến chương Liên Hiệp Quốc cũng chẳng thực tế gì hơn. Vì như Tổng Thống Johnson đã nêu lên tại Hoa Thịnh Đốn vài giờ sau cuộc hội báo của De Gaulle, tình trạng hiện thời của Liên Hiệp Quốc đâu có phải tại bản hiến-chương. Hiến-chương có lỗi gì đâu mà phải xét lại, điều đáng xét lại chính là thái độ của các nước kia.

Một mặt khác làm sao mà có thể rủ Bắc Kinh ngồi xét lại bản hiến-chương

Liên Hiệp Quốc, một khi mà Bắc Kinh không có chân trong tổ chức này và luôn luôn tỏ ra có những hành động xâm lược và gây hấn trái với tinh thần hiến-chương ?

Ngoài 5 nước mà De Gaulle muốn triệu tập tại Genève trong hội nghị Ngũ Cường mới, còn có 108 nước khác tuy chẳng phải là những cường quốc nhưng chắc chắn cũng không muốn cho ai bàn riêng đến tổ chức của họ mà lại đem nhau ra một chỗ khác thảo luận không hỏi ý kiến họ.

Thâm ý của De Gaulle ở đây cũng lại là chỉ muốn cho Pháp đóng vai trò của một quốc gia bản lề làm môi giới cho Đông và Tây tiến lại gần nhau: trong tương lai việc đó mà thực hiện được thì sẽ do Pháp bắt đầu cho sự gần gũi của hai bên.

Nhưng trong cả buổi hội báo đầu năm của De Gaulle, nếu có một điểm nào đã làm cho Hoa Kỳ khó chịu nhất, đó là việc đề nghị trở lại « kim bản vị », dùng vàng để thanh toán các mậu dịch quốc tế và không dùng đồng Mỹ-kim và Anh-kim như trước đây nữa.

Thực ra trong nguyên tắc đề nghị này không phải mới mẻ gì. Hồi tháng 9 năm ngoái khi Quỹ Tiền Tệ quốc Tế (Fonds Monétaire International, viết tắt F.M.I) họp tại Tokyo, Tổng Trưởng tài chánh Pháp là ông Valéry Giscard d'Estaing đã chủ trương không nên lấy tiền tệ của riêng của một quốc gia làm tiền tệ chung cho các vụ trang trải quốc tế. Làm như vậy tiền của quốc gia kia đột nhiên có uy thế hơn tiền các nước

khác vì có thể dùng làm dự trữ thay vàng. Hoa Kỳ ngoài một số vàng quan trọng cất làm dự trữ ở Fort Knox, lại có thể dùng ngay đồng Mỹ kim làm dự trữ bổ-sung nữa và Hoa Kỳ cứ việc tiêu ở ngoại quốc, khi cần trả thì chỉ việc phát hành Mỹ kim. Nói nôm na thì anh giàu lại giàu thêm. Và Valéry Giscard d'Estaing đã đề nghị đặt ra một thứ tiền tệ riêng biệt để thanh-toán giữa các quốc gia. Tiền này chỉ dùng để làm dự trữ và không bao giờ chạy qua tay dân chúng để tiêu sài. Tiền đó, nếu được các nước chấp thuận đặt ra, sẽ mang tên là « cru » viết tắt của 3 tiếng collective reserve unit (đơn vị dự trữ chung) Dự án này hồi đó không thành hình. Và đầu năm nay De Gaulle lại đưa ra một lần nữa trong buổi hội báo, nhưng đã đưa ra dưới một hình thức nhiệt ngả hơn và giữa lúc mà Hoa Kỳ lúng túng nhất về trữ kim của mình.

Hình thức nhiệt ngả hơn vì De Gaulle, dưới ảnh hưởng của kinh tế gia chánh thống Jacques Rueff, còn đi xa hơn đề nghị của Tổng Trưởng tài chánh, Giscard d'Estaing: không dùng tiền của riêng một nước nào, mà cũng đặt ra một thứ tiền riêng, chỉ dùng vàng mà thôi.

De Gaulle lại đưa đề nghị, giữa lúc Hoa Kỳ lúng túng nhất vì Hoa Kỳ hiện đang có những khó khăn lớn lao về cán-cân chi phó (balance de paiement) bên « xuất » Mỹ kim quan trọng hơn bên « nhập » nên cán cân bị thiếu hụt nặng nề. Sở dĩ có sự thiếu hụt như vậy là vì Hoa Kỳ chi tiêu ở nước ngoài nhiều, cho các nước vay

nhiều, viện trợ kinh tế hay quân sự cho nhiều nước, dân Hoa Kỳ hay đi du lịch, và tư bản Hoa Kỳ được đầu tư ở nhiều xí nghiệp ngoài nước. Riêng năm 1964 số thiếu hụt đã lên đến gần 3 tỷ Mỹ kim nghĩa là đem số Mỹ kim tiêu ra ngoài nước với số Mỹ-kim Hoa kỳ nhận về, thì có sự chênh lệch gần 3 tỷ.

Điều nguy hiểm hơn nữa là số 3 tỷ Mỹ kim nằm ở ngoài nước đó thì theo luật lệ của chế độ Gold Exchange Standard hiện hành, Hoa kỳ đã cam kết đổi thành vàng cho bất cứ ai muốn đổi. Thành ra nếu các nước ngoài hiện đang giữ số 3 tỷ Mỹ kim đó lên tiếng yêu cầu, là Hoa kỳ sẽ phải cho hàng xe vàng khối từ Fort Knox đòi bỏ quê hương đi ngay. Đây không phải chỉ là một giả thuyết vì đã có những nước đòi đòi thực sự: tháng trước Pháp đã đòi 150 triệu Mỹ kim lấy vàng thoi và dự tính sẽ còn đòi 150 triệu nữa. Ý Pha Nho cũng vừa đòi 60 triệu Mỹ kim.

Giữa lúc Hoa kỳ đang nhúc đầu về sự thiếu hụt của cán cân chi phó thì De Gaulle bồi thêm một đòn nữa, đòi trở hẳn về chế độ Gold Standard, không dùng đồng Mỹ kim làm tiền dự trữ nữa mà chỉ dùng vàng. Dự án này mà đi tới, riêng một nước Pháp sẽ đòi 1.375 triệu Mỹ kim hiện dùng làm dự trữ và nếu tất cả các nước đều bắt chước Pháp thì cán cân chi phó của Hoa kỳ đang từ nghiêng nghiêng sẽ trở nên siêu lệch hẳn và kho vàng Fort Knox sẽ chịu trồng trái lạnh lùng.

Lẽ tất nhiên trong cuộc tranh luận giữa

các chuyên-gia tiền tệ, Pháp và Hoa-kỳ mỗi bên đều đưa ra nhiều lý lẽ với ít hay nhiều chủ-quan đề bênh vực lập-trường của mình. Đứng ra ngoài cuộc tranh luận đó, người ta có thể tìm hiểu một cách khách quan hơn xem đề nghị của De Gaulle có những lợi, hại gì. Trước hết là có 2 điểm lợi:

1) Hệ thống tiền tệ quốc-tế đặt trên căn bản vàng sẽ không bị ảnh hưởng về những sự khủng hoảng tín nhiệm và do đó cả hệ thống tiền tệ sẽ vững vàng hơn.

2) Các nước bó buộc phải theo một kỷ-luật trong sự chi tiêu, vì nếu vung tay tiêu xài lớn ở ngoại-quốc, các nước ngoài nhận được ngoại tệ sẽ đòi đổi lấy vàng ngay.

Nhưng dự án cũng có nhiều điểm bất lợi khác:

1) Số vàng trên thế-giới sản xuất rất ít và không đủ để làm dự trữ cho các nước. Hiện nay vàng chỉ là một phần nửa dự trữ của thế giới, nửa còn lại là Mỹ-kim và Anh-kim. Nếu chỉ lấy vàng làm dự trữ thì tự nhiên giá vàng sẽ tăng lên gấp đôi. Chỉ có mấy nước sản xuất vàng như Nam-Phi hay Nga-sô là mừng thoi, còn những nước có nhiều dự trữ bằng Mỹ-kim như Tây-Đức, Nhật hay Gia-nã-Đại sẽ bị thiệt hại nhiều,

2) Vì không có đủ vàng nên nhiều nước sẽ không dám mua hàng ở nước ngoài, sẽ phải đánh thuế cao hàng nhập cảng, hạn chế việc chi tiêu, do đó mà sự trao đổi quốc-tế sẽ bị thu hẹp lại nếu không nói là bị tê liệt.

Trong hiện tình đề nghị của De Gaulle chưa thể nào thực hiện được. Nhưng

De Gaulle vẫn đưa ra với thâm ý trong một tương lai gần, gây uy thế cho đồng Phạt lãng của Pháp và trong một tương lai xa hơn ghim hãm những chi tiêu mà Hoa Kỳ hiện dùng để gây ảnh hưởng tại ngoại-quốc về các phương-diện kinh-tế, quân sự hay văn hóa.

Để trả lời De Gaulle, Hoa-Kỳ một mặt trù liệu sẵn những biện pháp nhằm bảo vệ số dự trữ vàng của mình, và ngăn chặn các vụ « băng huyết » đô la ra ngoại quốc, một mặt tuyên bố cho thế giới yên lòng là Hoa-Kỳ giữ vững lời cam kết cho đổi tự do Mỹ-kim lấy vàng theo hối xuất 35 đô la đổi được một ounce vàng (28 gam 35), nghĩa là đồng Mỹ-kim vẫn tốt như vàng thực.

Nói tóm lại người ta có cảm tưởng là lần này De Gaulle hội báo chỉ cốt để cho Hoa-Kỳ lên ruột : nào chỉ trích Hoa Kỳ, — tuy không gọi đích danh —, đã lôi kéo Liên-Hiệp-Quốc vào Cao-Ly và Congo ; nào là chủ trương thống nhất nước Đức mà không cần biết đến Hoa-kỳ ; nào là đòi dùng vàng để thay thế Mỹ-kim làm dự trữ tiền tệ quốc tế.

Cái thái độ xa cách và ít thân hữu đó có thể giải thích được nếu người ta nghĩ đến con người của De Gaulle và chính-sách đối ngoại của ông ta.

De Gaulle là một con người nhớ dai và thù lâu (2). Dù đã đưa nước Pháp đến thắng trận, ông ta vẫn không quên được là trong thế chiến thứ hai, Đồng-minh và nhất là Hoa-Kỳ đã luôn luôn coi Pháp như một thứ họ hàng nghèo phải cứu mang. Hai lần họp ở Dumbarton Oaks, và lần họp ở Yalta để thảo luận về tương lai thế giới một khi chiến-tranh chấm dứt, Hoa-Kỳ đều gạt Pháp ra ngoài. Nay

Pháp đã tìm lại được địa vị cũ, De Gaulle không biết vô tình hay cố ý chọn đúng ngày kỷ niệm Yalta để cao giọng nói chuyện lại với Hoa-Kỳ, tưởng cũng không phải là một điều đáng ngạc nhiên.

Chính sách đối ngoại của De Gaulle có thể tóm tắt trong mấy danh từ « độc lập » và « chủ quyền ». Những tiếng đó luôn luôn như là một ám ảnh với De Gaulle dù là ở trong mối tương-quan với Đồng-minh nhất là với Hoa-Kỳ, ở trong sự giao thiệp Đông - Tây hay ở trong những liên lạc thuộc riêng phạm vi Âu-châu.

Trong quan niệm của De Gaulle, Âu-châu phải độc-lập với Hoa-Kỳ và gồm cả những nước bên kia bức màn sắt. Các nước này đang tiến gần lại Tây-phương và sẽ tìm thấy ở nước Pháp một đầu cầu tiếp đón họ. Pháp sẽ lãnh đạo tinh-thần khối Âu-châu mới đó và Pháp ở bên này Đại-Tây Dương sẽ giữ vai trò của Hoa-Kỳ ở bờ bên kia.

Cái nhỡn quan « hùng vĩ » đó là đầu mối của những ý kiến không vừa tại Hoa Kỳ mà De Gaulle vừa đưa ra trong buổi họp báo đầu năm. Người ta có thể không đồng ý với De Gaulle nhưng người ta không thể không nhận là De Gaulle thật nặng lòng với đất nước mình. Và đó chẳng là đức tính đầu tiên mà dân chúng đòi hỏi ở một nhà lãnh đạo hay sao ?

VŨ BẢO

(2) Một thí dụ gần đây về việc thù lâu của De Gaulle. Đại tướng Weygand vừa chết. De Gaulle từ chối không cho đem thi hài Weygand vào điện Invalides và báo cho các tổng-trưởng, ông ta không muốn một ai có mặt ở đám táng. Lý do : Weygand ngày còn làm tổng-trưởng quốc phòng của chính phủ Pétain đã đưa De Gaulle ra tòa và tòa xử tử vắng mặt De Gaulle.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

lịch - sử

LẠC-VIỆT

L. T. S. Vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt-Nam từ trước đến nay đã được khá đông học-giả, sử-gia nghiên cứu, và tùy quan điểm, đã đưa ra được nhiều giả-thuyết, nhiều khám phá quan trọng, đồng thời cũng gây được những cuộc tranh-luận sôi nổi hào hứng. Tuy nhiên hào hứng sôi nổi nhất, vẫn là sự bàn cãi về tổ tiên dân Việt là Hùng-Vương hay Lạc-Vương, nằm trong việc tìm hiểu nguồn gốc dân-tộc Việt-Nam trên đây. Cũng về thắc mắc Hùng-Vương hay Lạc-Vương này, năm ngoài, trên Bách-Khoa các số 178 và 179 ra ngày 1 và 15-5-64, Ông Đỗ-Trọng-Huế, trong bài « Đi tìm dấu vết Hùng-Vương », sau khi xác định « Sự thực-hữu của Hùng-Vương » đã đối chiếu những luận-cứ của hai thuyết và cho rằng « thuyết Hùng-Vương hợp lý hơn ». Nay L. M. Nguyễn-Phương, trong một thiên khảo-luận về lịch-sử Lạc-Việt có nêu nhiều giả thuyết liên quan đến dân tộc Lạc-Việt, lại cũng có nói tới « Hùng-Vương hay Lạc-Vương » và về vấn đề này, L. M. Nguyễn-Phương kết luận rằng thuyết Lạc-Vương mới đúng. Chúng tôi đăng bài « Lịch-sử Lạc-Việt », của Linh mục Nguyễn-Phương không ngoài mục đích cung cấp thêm một tài liệu nghiên cứu giúp bạn đọc yêu lịch sử rộng đường tìm hiểu.

Cũng phải xin trình bày thêm để bạn đọc rõ là năm 1961, trên đặc san « Đại-Học Sư-Phạm », tập 1 (niên khóa 1960-61) của Đại-Học Sư-Phạm Huế, L. M. Nguyễn-Phương đã viết một bài nhan đề là « Nghiên cứu lịch sử Lạc-Việt ». Năm 1964, ông sửa lại, bổ túc bài trên và viết thành bài : « Tiền-sử và lịch-sử Lạc-Việt ». Phần « Tiền-sử Lạc-Việt » đã đăng trên tạp-chí Đại-Học các số 38 và 39 tháng 4 và tháng 6.1964. Phần « Lịch-sử Lạc-Việt » sẽ được đăng tiếp trên Bách.Khoa bắt đầu từ số này.

I.— LẠC VIỆT CHỦ NHÂN VĂN HÓA ĐỒNG SƠN

1. Chủ nhân văn hóa Đồng sơn thuộc giống Anh-đô-nê.

Đã nhiều lần, chúng tôi trình bày sự việc, mặc chỉ rằng chủ

nhân văn hóa Đồng Sơn thuộc giống Anh-đô-nê. Có chỗ chúng tôi cũng đã nói đến vấn đề đó một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, nhưng chưa chỗ nào chúng

tôi cắt nghĩa tại sao lại có thể nói như vậy. Bây giờ thiết nghĩ đã đến lúc phải đặt cho nó một căn bản vững vàng và chặt chẽ hơn.

a) Giếng Anh-đô-nê gặt được trên đất Việt Nam, (nghĩa là trong đó có cả khu vực cổ Việt) trước và sau khi nền văn minh Đồng Sơn xuất hiện. Người ta đã khám phá được di cốt của giếng dân đó ở Bắc Sơn, ở Hòa Bình. Người ta đã khám phá được dấu tích của văn hóa họ trong nhiều trạm tiền sử ở hai vùng vừa nói, với những đặc tính rõ rệt mà các nhà tiền sử học đã gọi là nền văn minh Hòa Bình, nền văn minh Bắc Sơn. Mãi cho đến ngày nay, ở miền sơn cước Việt Nam, vẫn còn tồn tại những người mà dòng giống, văn hóa, ngôn ngữ là của giếng Anh-đô-nê. Đó là những người

SÁCH BÁO MỚI

— **HỘI THƠ XUÂN CAO NGUYÊN**, tập thơ của một nhóm nhà thơ do Mai Quang gửi tặng. Sách khổ 14 x 30 dày 56 trang, gồm 35 bài thơ, họa sĩ T. Quang trình bày không đề giá bán.

— **XUÂN VĂN HỮU** giai phẩm về ngày Tết trong văn học và lịch sử Việt Nam, do nhà sách Khai Trí gửi tặng, khổ 21x30, trên 90 trg. giá 20đ.

Mường và nhất là người Mọi. Nếu trước đã có và sau còn có, và đồng thời không có gì — bất cứ gì — có thể làm cho chúng ta liên tưởng rằng trong một thời, nói rõ hơn, thời Đồng Sơn, giếng Anh-đô-nê đã từ bỏ lãnh thổ Việt-Nam và sau đó, lại trở lại, nếu sự việc là như thế, thì ai cấm được chúng ta tin chắc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊM - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ. CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

rằng giống Anh-đô-nê đã truyền kể sinh sống ở vùng rừng núi Việt-Nam từ thời thạch khí cho mãi đến thời đại chúng ta.

Về vấn đề này, Olov Jansé chẳng hạn, đã nói : « Có lẽ rằng người Mọi, cũng như những người thuộc giống Anh-đô-nê, ví dụ người Dayak ở Bornéo, đã giữ lại trong tín ngưỡng của họ những tập tục bắt nguồn từ thời đại Đồng Sơn. Có những lễ nghi tôn giáo nay còn được cử hành trong các dân đó nhắc lại những cảnh tượng được ghi lại trên những trống đồng lớn ». (France Asie-Asia, số 165 năm 1961, p. 1650).

b) Sự kiện vừa nói lại được chứng minh bởi nhiều yếu tố thuộc nhiều loại như đã đề cập đến một cách rải rác qua đoạn bàn về ý nghĩa văn hóa Đồng Sơn(1). Chúng ta thấy được rằng chủ nhân văn hóa Đồng Sơn thuộc giống Anh-đô-nê ; vì người trong các hình vẽ là người Anh-đô-nê ; những người đó phục sức theo kiểu người Anh-đô-nê ; họ có nhà cửa giống nhà cửa của người Anh-đô-nê ; họ có phong tục giống phong tục của người Anh-đô-nê. Bởi đó, không lạ gì khi thấy tất cả các học giả nghiên cứu nền văn minh Đồng Sơn, đều cho rằng người Đồng Sơn là người Anh-đô-nê. Trong óc của Goloubew chẳng hạn, không còn có phân biệt nào giữa tiếng « người Đồng Sơn » và người Anh-đô-nê. Sự đồng nhất hoàn toàn đó đã được diễn tả trong câu ông viết sau đây khi nói về văn minh đồ đồng : « Sự mệnh lịch sử của « dân Đồng Sơn » nằm trong cõi u minh. Chúng ta không biết được vào thời đại nào những người Anh-đô-nê đó đã thiết lập cơ sở trên bờ sông

Mã, cũng không biết họ đã kháng cự làm sao chống lại cuộc bành trướng Hoa-Việt ».

Về lời trích, chúng tôi chỉ hoàn toàn đồng ý với tác giả ở chỗ ông lẫn lộn « dân Đồng Sơn » với giống Anh-đô-nê, vì hai tiếng chỉ một nghĩa. Cố nhiên chúng tôi không đành bó tay chịu rằng « sứ mệnh lịch sử của (dân Đồng Sơn) nằm trong cõi u minh », vì chính trong bài này chúng tôi đang tìm cách đem ánh sáng vào cõi u minh đó. Ở đây, chúng ta ghi nhận một điều là Goloubew đã lưu ý đến sự dị biệt giữa giống Anh-đô-nê và giống Hoa Việt ; hay nói cách khác người Việt Nam không phải bắt nguồn từ giống Anh-đô-nê. Người ta có thể cho rằng nhận định như thế không khó gì, vì ngày nay chẳng hạn, ai cũng thấy được sự dị biệt giữa người Việt nam và người Mọi.

Nhưng nếu nhận định sự dị biệt có thể dễ, thì theo đuổi cho đến cùng hậu quả của nhận định đó lại tỏ ra không dễ gì. Rất nhiều học giả đã nói rằng văn hóa Đồng Sơn là văn hóa Việt Nam, nghĩa là văn hóa Anh-đô-nê là văn hóa tổ tiên chúng ta. Về điểm này, chúng ta thử đọc bài « Nguồn gốc Văn minh Việt Nam » của Olov Jansé. Ông nói rằng dân Đồng Sơn thuộc giống Anh-đô-nê (xem lời trích dẫn trên), nhưng trong bài đó ông lại liệt văn minh Đồng Sơn vào hạng văn minh Việt Nam. Lời ông : « Bây giờ chúng ta có thể phân biệt ba thời kỳ trong cuộc cấu tạo nền văn minh Việt Nam. Mỗi thời kỳ được tiêu biểu bởi một nền kỹ nghệ đặc biệt.

1. Đại học, số 39, tháng 6, 1964.

« — Trước tiên có thời kỳ Đồng Sơn, kế đại lược thuộc khoảng từ năm 500 trước K.N., đến đầu kỷ nguyên...

« — Thời kỳ thứ hai được tiêu biểu bởi thứ kỹ nghệ gọi là kỹ nghệ Lạch-Trường, và đại đề thuộc về ba thế kỷ đầu, trước và sau kỷ nguyên...

« — Sau nữa có một thời kỳ thứ ba cần phải ghi ở đây : thời kỳ Óc eo. Kỹ nghệ thời kỳ đó thuộc giai đoạn bắt đầu từ thế kỷ thứ hai trước Kỷ Nguyên, đến thế kỷ thứ năm sau Kỷ Nguyên.. »

Ý nghĩa của lời ông Olov Jansé thật là lúng túng. Phải chăng ông muốn nói đến những yếu tố cấu tạo nên nền văn minh Việt Nam ngày sau ? Nếu vậy thì chắc gì các thứ Kỹ nghệ Đồng sơn, Óc-eo đã đáng được kể vào ; trái lại ai cũng thấy rõ những yếu tố cấu tạo nên văn minh đó là của văn minh Trung quốc và Chàm. Hay là ông muốn chỉ về kỹ nghệ của những thứ người đã sống trên cùng một lãnh thổ, sau này trở nên lãnh thổ của dân Việt nam. Nếu vậy, sao ông không kể Chàm và Khmer vào, vì đất Chàm và đất Thủy-Chân-lạp về sau cũng đã trở thành lãnh thổ Việt nam ? Sở dĩ ông Jansé lúng túng như thế, là vì ông không thấy thấu đáo ý nghĩa của những tiếng : văn hóa Đồng sơn là của giống Anh-dô-nê.

2. Văn hóa Đồng Sơn là Văn hóa Lạc Việt.

Đó cũng là một điều chúng tôi đã mặc nhận từ đầu. Rất nhiều học giả cũng đã nghĩ như vậy, mặc dầu chưa có ai theo đuổi vấn đề cho đến cùng.

Nhưng nếu sự nói « Văn hóa Đồng sơn là văn hóa Anh-dô-nê » là một điều đáng phải lưu ý, thì khi quả quyết văn hóa Đồng Sơn là văn hóa Lạc-Việt, người ta càng có bổn phận phải giải thích hơn.

a) Trong số những học giả cho rằng văn hóa Đồng Sơn là của người Lạc Việt, phải kể các ông Goloubew (1929), Đào-duy-Anh (1954), La-hương-Lâm (1963). Goloubew, trong bài nghiên cứu về « Thời đại đồ đồng ở Bắc Việt và ở phía bắc Trung Việt » đã tìm hiểu về thổ dân ở vùng Cửu-Chân và trích dẫn những đoạn sử sách nói về dân Lạc-Việt để tả thứ thổ dân đó. Chẳng hạn ông đã dùng đến đoạn này của H. Maspero nói về đất và dân Lạc Việt : « Cả vùng đó hầu hết là đầm lầy và rừng rậm trong đó có nhiều voi, tây ngưu, cạp, và ở đó dân sống về nghề săn bắn và chài lưới. Dân này ăn thịt trăn, và thịt các thứ thú rừng khác họ săn được nhờ những mũi tên có đầu xương nhọn. Họ còn sống bằng hoa màu nghèo nàn của những đám rẫy họ đốt ở góc rừng trước mùa mưa đến không mất công cày hay tưới gì. Không hơn không kém, họ là thứ người ở chung quanh các trung tâm hành chánh, chịu ảnh hưởng của các Thái thú Trung Hoa nhất là Nhâm Diên, và nhờ đó, kể từ mấy năm về trước, họ đã bắt đầu trồng trọt một cách đều đều, theo gương của những người Tàu, kiều cư ở Giao chỉ mà Nhâm Diên đã đem vào đây ». Đoạn này, Maspero có dựa vào đúng sử liệu để mô tả dân Lạc Việt hay không, điều đó chúng tôi sẽ bàn đến sau, ở đây chỉ nên ghi nhận rằng khi Goloulew trích nó ra, cũng

đã có ý nói rõ chủ nhân của văn hóa Đông Sơn là dân Lạc Việt.

Ông La Hương Lâm, một học giả Trung quốc, chúng hiểu như vậy. Trong quyển « Bách Việt nguyên lưu dự văn hóa », ông đã dành một thiên cho vấn đề trống đồng (Đồng cổ chi chế tác cập kỳ văn thứ). Ông viết ; « Người thuộc Việt tộc đã chế ra trống đồng để dùng, lại vì trống đồng rất thịnh ở dân Lạc Việt, nên người ta lại còn nói trống đồng Lạc Việt ». (Việt tộc chế dụng đồng cổ, hựu dĩ Lạc Việt vi 1ối thịnh cổ hựu xưng Lạc Việt đồng cổ) (128). Để làm chứng lời ông có căn cứ lịch sử, ông nói tiếp ; « Người Trung quốc, quan lại hay học giả, bắt đầu chú ý đến trống đồng là kể từ thời hậu Hán ». Ở truyện Mã Viện, trong quyển 54 của Hậu Hán thư có chép « Viện, cưỡi ngựa giỏi, nên có biệt danh là Mã, khi sang đánh Giao Chỉ, ông đã lượm được trống đồng Lạc Việt, bèn đúc hình ngựa ». (Viện hảo kỵ, thiện biệt danh Mã, chinh Giao Chỉ, đắc Lạc Việt Đồng cổ, nãi chú vi mã thức).

Còn ở Việt Nam, như chúng ta đã thấy, Đào-Duy-Anh nhiều lần đã nói lên văn hóa Đông Sơn là của người Lạc Việt, nhất là trong các quyển « Nguồn gốc dân tộc Việt-Nam » và quyển « Lịch sử Việt-Nam ». Chẳng những thế ông còn dùng những hình vẽ trên trống đồng để cắt nghĩa chính tên Lạc Việt. Chủ trương của ông nói rằng hình chim trên trống là hình chim Lạc, đã bị nhiều học-giả bác bỏ, nhưng chưa có ai chối sự dân Lạc Việt là chủ nhân của văn hóa Đông Sơn.

b) Sự thực, văn hóa Đông Sơn phải là văn hóa Lạc Việt, vì càng phân tích các sự kiện, chúng ta càng gặp được nhiều trùng hợp giữa hai bên. Chúng ta thử nhìn kỹ hơn nữa vào lời Hậu Hán Thư ông La-Hương-Lâm đã nhắc đến trên kia.

Muốn hiểu rõ ý nghĩa hơn, thiết tưởng nên trích dài thêm tí nữa : « Viện cưỡi ngựa giỏi, nên có biệt danh là Mã. Khi sang đánh Giao Chỉ, ông đã lượm được trống đồng Lạc Việt, bèn đem đúc ngựa dâng vua, nhân đó trong tờ biểu có nói : Đi trên trời không gì bằng rồng, đi dưới đất không gì bằng ngựa ».

Trước hết người đọc nhận ngay được rằng chủ ý của tác giả (Phạm-Việt) ở đây không phải là luận về trống đồng, hay bàn về dân Lạc Việt, mà trái lại chỉ có ý giải thích tiếng Mã, đứng trước tiếng Việt mà thôi. Khi nhắc đến sự kiện trống đồng Lạc Việt, Phạm Việt đã làm phận sự của một người cầm bút, dùng một câu chuyện sẵn có để điểm xuyết cho một ý kiến : con ngựa trong đời sống của Phục-ba Tướng quân. Nói thế nghĩa là nêu lên rằng, nếu tác giả *Hậu Hán Thư* có dụng ý tô vẽ cho tên Mã-Viện, tác-giả đó chắc chắn không bịa đặt hay thêm bớt gì về sự kiện trống đồng Lạc Việt.

Đoạn vừa trích lại còn cho biết điều này là trống đồng không phải ít. Mã-Viện đã dùng trống đồng lấy được để đúc ngựa đồng, mà một con ngựa đồng thế tất đòi nhiều trống đồng. Đàng khác chúng ta có thể nghĩ rằng, số trống đồng bị người Tàu chiếm đoạt chỉ là

một phần của trống đồng dân Lạc Việt làm ra ; như thế số trống đồng ở dân Lạc Việt phải nhiều.

Sau hết, câu chuyện chẳng những làm chứng sự hiện hữu của một dân Lạc Việt có trống đồng, mà còn nói rõ dân đó ở đâu trong thời nào. Địa điểm được trình bày là Giao Chỉ, hay nói rõ cho đúng hơn chiến trường Giao Chỉ. Mã Viện đã khởi chiến ở quận Giao Chỉ, thắng hai bà Trưng, rồi đuổi theo dư đảng của hai bà Trưng vào đến vùng Cửu Chân. Thời gian trong đó việc Mã Viện đánh hai bà Trưng diễn ra, đó là thượng bán thế kỷ thứ I, hay nếu muốn rõ hơn nữa, là từ năm 42 đến 44.

Nay thử xem những điều nói trên so sánh với các sự kiện nhận được về văn-hóa Đồng Sơn, để tìm một kết luận :

<i>Hậu Hán Thư</i> :	<i>Đồng Sơn</i> :
cho biết :	
— Vật liệu : đồng cổ ;	— Trống đồng
— Địa điểm : chiến trường Giao Chỉ	— Đồng Sơn (thuộc Cửu Chân)
— Thời gian : 42-44	— Thời Vương- Mãng (thời Hán)
— Chủ nhân : Lạc Việt	— Thuộc giống Anh-đô-nê

Như vậy, kết quả của việc so sánh chỉ có thể rằng dân Lạc Việt là chủ nhân của nền văn hóa Đồng Sơn.

II. SỬ LIỆU VỀ DÂN LẠC - VIỆT

Dân Lạc Việt không phải chỉ có một tiền sử, là nền văn minh trong trống đồng mà thôi, mà còn có một lịch sử nữa, vì sử sách vẫn có chép về dân Lạc Việt. Một điều nên chú ý, là lịch sử Lạc Việt không bao giờ được chép bởi chính người Lạc Việt, nhưng bởi người Trung quốc hay Việt-Nam. Khi người thuộc về một dân khác chép về một dân khác, một điều thường xảy ra là sai lầm để có cơ hội xen vào, nhất là ở những danh từ riêng được phiên âm ra, vì những danh từ được phiên âm như vậy không có ý nghĩa gì trong thứ ngôn ngữ đang được dùng đến.

1. Sử liệu về dân Lạc Việt

Ngoài câu « Lạc Việt đồng cổ », mà chúng ta đã thấy ý nghĩa, *Hậu Hán Thư* còn nói đến dân đó một lần nữa trong cùng một thiên (Mã Viện truyện). Mã Viện, sau khi dẹp xong hai bà Trưng và

dư đảng, đã sửa đổi việc hành chánh và luật pháp ở bộ Giao Chỉ. Về luật pháp sách của Phạm Việp chép : « Luật dân Việt và luật nhà Hán khác nhau đến mười điều Ông bèn giải thích luật pháp cũ cho người Việt và bắt họ từ đó về sau phải giữ. Dân Lạc Việt vâng theo các việc cũ của Mã tướng.» (Điều tấu Việt luật dự Hán luật bác giả thập dư sự. Dự Việt nhân minh cựu chế dĩ ước thúc chi tự hậu Lạc Việt cử hành Mã tướng quân cổ sự). Đoạn văn này nói lên sự khác nhau giữa dân của hai bà Trưng (thổ dân) và dân Trung-Hoa. Thử tìm hiểu xem dân hai bà Trưng, hay dân Lạc Việt này là thứ dân nào ?

Kề ra, sử liệu về dân Lạc Việt không được dồi dào gì. Trước hết, có lẽ phải nói đến đoạn văn danh tiếng của *Giao-châu ngoại vực ký* đã được trích dẫn trong nhiều sử phẩm. Quyền *Thủy kinh chú* (thế kỷ thứ 6) đã lặp lại lời

của sách đó rằng: « Xưa, khi Giao Chỉ chưa thành quận huyện, đất đai có ruộng gọi là ruộng Lạc, ruộng đó tùy thủy triều lên xuống mà làm. Dân khẩn ruộng đó mà ăn, vì thế tất cả gọi là dân Lạc. Họ lập Lạc vương, Lạc hầu để coi quận huyện. Có nhiều Lạc tướng có ấn đồng lụa xanh » (Giao chỉ tích hữu quận huyện chi thời, thổ địa hữu Lạc điền. Kỳ điền tòng thủy triều thượng hạ. Dân khẩn thực kỳ điền, nhân các vị Lạc dân. Thiết Lạc vương, Lạc hầu chủ chư quận huyện. Đa vi Lạc tướng, đồng ấn thanh thụ). Đây có lẽ là tài liệu xưa và rõ hơn hết về dân Lạc Việt. Quyền *Giao châu ngoại vực ký*, theo Arousseau (BEFEO, 23, 209, lời chú 2), thì chắc hẳn phải xuất hiện vào đời Tấn (205-420) và có lẽ ở vào giữa đời đó.

Còn một tài liệu khác nói về dân Lạc Việt, đó là quyển *Quảng châu ký*. Tư mã Trinh khi chú giải *Sử ký* của Tư mã Thiên đã trích dẫn sách vừa kể rằng: « Theo lời họ Đào thì *Quảng châu ký* có nói: Ở Giao Chỉ có ruộng Lạc, làm tùy thủy triều lên xuống. Người làm ruộng đó mà ăn gọi là Lạc hầu - tất cả các huyện - gọi là Lạc tướng, có ấn đồng lụa xanh » (Đào thị án *Quảng châu ký* văn: Giao Chỉ hữu Lạc điền ngưỡng triều thủy thượng hạ. Nhân thực kỳ điền danh vi Lạc hầu chư huyện tự danh vi Lạc tướng đồng ấn thanh thụ). Đoạn văn trên làm cho người ta đánh dấu hỏi ngay vào giá trị của nó, vì lời lẽ quá ư thiếu sót. Đúng như Arousseau đã phê phán, người ta phải đem nó so sánh với đoạn

của *Giao châu ngoại vực ký* mới hiểu được. Nói cách khác, *Quảng châu ký* đã bắt nguồn từ *Giao châu ngoại vực ký*, hay là cả hai sách này đã lấy lại của một nguồn sử liệu thứ ba nào đó mà nay đã mất tích, nhưng sách trước trích dẫn một cách cầu thả, còn sách sau chép lại rõ ràng hơn. Giả thuyết chủ trương rằng sách trước đã bắt nguồn từ sách sau xem ra có căn cứ, vì *Quảng châu ký* xuất hiện sau *Giao châu ngoại vực ký*, hay sớm lắm cũng chỉ có thể đồng thời mà thôi. Về vấn đề này, Arousseau đã ghi nhận rằng: « Có nhiều quyển *Quảng châu ký*, nhưng đây có lẽ là của Cổ Vi đời Tấn (205-420) hay là của Bùi Uyên (thế kỷ V). Sách đó được trích dẫn bởi một người họ Đào, có thể là Đào văn Hàm, tác giả của một tác phẩm nhan đề là *Giao châu ký*, rồi sau Tư mã Trinh (thế kỷ VIII) đã lấy lại ».

Đoạn văn của *Giao châu ngoại vực ký* còn được trích dẫn bởi nhiều sử gia người Việt. Người đã làm việc này trước hết là Lê Tắc, vào lối 1333. Trong An-nam chí lược (q.1, tờ 6a), ở thiên Cồ tích, tác giả chép: « *Giao Chỉ thành ký* viết: Tích, vị hữu quận huyện thời, quán điền tùy triều thủy thượng hạ, khẩn kỳ điền giả, vi Lạc dân, thống kỳ dân giả vi Lạc vương, phó vương giả vi Lạc tướng ». Người đọc thấy ngay được do lai của đoạn này, tức là từ *Giao châu ngoại vực ký*, nhưng không khỏi thắc mắc, vì Lê Tắc đã thay đổi nhiều chỗ, ví dụ: quán điền (cho nước vào ruộng) thống kỳ dân (cai trị dân đó) phó vương giả (giúp

vua) nhất là không nói gì đến Lạc hầu. Những thay đổi như thế, có thể do tự Lê Tắc, vì Lê Tắc có thể theo thói quen của các học giả thời xưa là trích dẫn một cách tự do, thuộc lòng, không quan tâm gì đến nguyên văn bao nhiêu; mà cũng có thể do tự tác giả của tập *Giao Chi thành ký*, và Lê Tắc đã lấy lại.

Vào thế kỷ 15, một tập truyền mới đã dần dần thay thế cho tập truyền Lạc vương, đó là Hùng vương. Dầu vậy, chính trong bộ *Đại Việt sử ký Toàn thư*, một bộ sử đã giúp một cách mãnh liệt hơn hết vào việc đặt Hùng vương lên đài danh dự, tác giả Ngô Sĩ-Liên không thể bỏ hẳn những gì *Giao châu ngoại vực ký* đã truyền xuống. Về Hùng vương, mà ông đặt thay Lạc vương, ông chép: Vương đóng đô ở chỗ gọi là Văn-lang, lập quan văn, gọi là Lạc hầu, quan võ gọi là Lạc tướng.

Qua các thế kỷ sau, đang khi Hùng vương vẫn giữ nguyên địa vị, các sử gia vẫn nhắc đến tổ chức chính trị của Lạc Việt. *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục*, ở chỗ nói Hùng vương truyền 18 đời đã dựa vào *An nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng (thế kỷ 17) mà chú rằng: «Giao chỉ chi địa, vị hữu quận huyện thời, hữu Lạc điền tùy thủy triều thượng hạ. Khăn kỳ điền giả vi Lạc dân, thống kỳ dân giả vi Lạc vương, phó nhị giả vi Lạc tướng.» (T1, q.1, 2b)

Như thế, chúng ta thấy dân Lạc Việt đã được các sử gia Trung quốc và Việt Nam nói đến qua các thời đại, nhưng một điều đáng chú ý là xem chừng tất

cả đều lặp đi lặp lại cùng một nguồn sử liệu, là *Giao châu ngoại vực ký*. Vậy, giá trị của nguồn sử liệu này, cũng là giá trị của tất cả các lặp lại kia.

Trước hết, nên ghi nhận rằng sử liệu không phải đồng thời với biến cố. Biến cố xảy ra trước khi đất Giao Chỉ chưa biến thành quận, huyện Trung quốc, nghĩa là trước khi Lộ-bác-Đức chinh phục Nam Việt của họ Triệu và thôn tính vùng đất Lạc Việt đề lập ra 9 quận, nghĩa là trước năm 111 trước K.N. Về phần sử liệu, nó xuất hiện sớm lắm cũng vào thế kỷ thứ IV, tức là lối năm thế kỷ sau biến cố. Một quãng cách như vậy trong thời gian, khó mà bảo đảm được hoàn toàn tính cách xác quả của câu chuyện. Hơn nữa, sử liệu lại chỉ có một, khiến sử gia không dựa vào đâu để so sánh, cân nhắc, và giá trị của nó vì đó lại còn nhẹ thêm.

2) Ý nghĩa của sử liệu.

Đọc xong đoạn văn của *Giao châu ngoại vực ký* người ta chỉ chắc chắn được một điều: sự hiện hữu của một dân gọi là Lạc Việt sống ở đất cổ Việt trước khi người Trung hoa sang chiếm cứ. Về các điểm khác, thiết tưởng không chắc chắn bằng. Ta thử lần lượt xét xem.

Trước hết, về phương diện chính trị của dân Lạc Việt, hỏi họ có tổ chức Vương, Hầu, Tướng tự bao giờ? Và tổ chức đó có phải thực sự là Vương, Hầu, Tướng không? Chú ý một tí, người đọc sẽ nhận thấy được điều này là một tổ chức có Vương, Hầu, Tướng là một tổ chức có tôn ti đẳng cấp, có phân biệt văn ban, võ biện, nghĩa là một tổ chức của

một xã hội lên đến một trình độ văn minh khá cao. Vậy chúng ta có thể tự hỏi dân Lạc Việt bấy giờ đã đạt được trình độ đó chưa? Theo Leonard Aurousseau, thì phải trả lời là chưa. Học giả này đã muốn chủ trương rằng tổ chức Vương, Hầu, Tướng là của người Trung quốc đặt cho Lạc Việt sau khi quân Tàu đã làm chủ đất đó. Do vậy khi dịch đoạn văn của *Giao châu ngoại vực ký* nói trên, ông đã xen vào những chữ cần thiết để bắt người đọc hiểu theo nghĩa đó. Ông viết: (khi chính phủ Trung quốc đã chiếm xứ này và đã tổ chức thành quận, thì) đặt ra Lạc Vương và Lạc hầu để cai trị các huyện trong quận. Ở các huyện có nhiều Lạc tướng, Các Lạc tướng nhận (ở chính phủ Trung quốc) ấn đồng, lụa xanh (Le Gouvernement chinois ayant conquis le pays et l'ayant organisé en commanderies) institua un roi /o et des seigneurs /o pour gouverner l'ensemble des préfectures de la commanderie. Dans les préfectures, il y a beaucoup de chefs /o, Les chefs /o recevaient de l'administration chinoise un sceau de cuivre et bande verte. (BEFEO 23, 211) Dịch như Aurousseau, hỏi có cần thiết và đúng không? Cứ lời văn của *Giao châu ngoại vực ký*, thiết tưởng không có gì bắt buộc phải có những câu xen vào, Câu chữ Hán «nhân các vị Lạc dân» «thiết Lạc vương Lạc hầu» rất có thể dịch là «vì vậy mọi người đều gọi là dân Lạc; họ thiết lập Lạc vương, Lạc hầu...» Xen vào như Aurousseau là một dụng ý đòi phải có một lý do chính đáng của sự kiện lịch sử. Nhưng hỏi lý do đó tìm ở đâu? Ở thói quen của nhà Hán? nghĩa là nhà Hán chiếm được đất nào liền lập quận

huyện và đặt Vương, Hầu, Tướng để cai trị? Thực sự nhà Hán không có thói quen đó.

Nếu tổ chức Vương, Hầu, Tướng không phải do nhà Hán thiết lập, vì nhà Hán không thói quen đó và vì nó đã có trước khi nhà Hán đến, bởi lẽ những chữ «tích hữu quận huyện chí thời» rất có thể dịch là «xưa trong thời chưa có quận huyện», thì tại sao nó lại đầy đầy màu sắc Trung quốc đến thế? Nhà Hán không lập Vương, Hầu, Tướng ở những nơi họ mới chiếm cứ, điều đó đúng nhưng những tiếng Vương, Hầu, Tướng không phải là tiếng Trung quốc, và tổ chức đó không phải là tổ chức phát xuất từ Trung quốc sao? Muốn giải quyết khó khăn này, chúng ta có thể nghĩ rằng trước khi bị Trung quốc đến cai trị, người Lạc Việt đã có một tổ chức khá phát triển, gồm có một người đứng đầu và nhiều người giúp việc cai trị? tổ chức đó, khi các sử gia Trung quốc muốn mô tả, họ đã dùng những danh từ tương đương trong ngôn ngữ Trung quốc, gọi người đứng đầu là Vương, gọi các thứ bậc giúp việc là Hầu, là Tướng. Nhưng các danh từ Vương, Hầu, Tướng có diễn đúng sự thực của tổ chức Lạc Việt không? Điều đó chúng tôi không biết, và có lẽ cũng không ai có thể biết.

NGUYỄN PHƯƠNG

KỶ TỚ / Từ Lạc-Vương ra Hùng-Vương.

SÁCH BÁO MỚI

— HÀNH TRÌNH số 3-4 (tháng Giêng 1965) tập san khổ 20 x 26 in ronéo 2 mặt, do Ô. Nguyễn Văn Trung làm Chủ nhiệm. Giá 50đ.

Song hành thơ BÙI KHÁNH ĐÀN

Biên-tái, thu chưa diêm ánh vàng
Tình-ca đã dậy sóng hiền-lương
Nửa vành mi khép hai trời gió
Một ý thơ hòa bốn cõi sương
Nghe lửa đạo bừng trong nhịp sống
Hẹn người anh đến giữa niềm thương
Mai đây sóng núi mưa đồng vọng
Mây sớm mưa chiều thôi vấn vương

B.K.Đ.

Ngậm ngùi thơ THANH THUYỀN

trao về anh Xuân Hiến

dấu chân đã kín thủy triều
thôi em ngày cũng xuôi chiều khói sương
trái tim nguyên ngọc thiên đường
hãy cho thành lệ cứng đường khô đau
hai mươi năm đó gục đầu
tiếng ru đất mẹ đỏ ngầu chiến-chinh
nửa đêm giấc biển cựa mình
loài sâu bé mọn mỗi hình cát se
thôi em lạc tuổi đi về
hư-vô một giọt mắt nhòe đỏ thôi
tóc khuya xin cứ xõa dài
lựa thơ rồi cùng ngậm ngùi thời-gian

T.T.

Saigon, tháng giêng 65

nhất hạnh

ĐẠO PHẬT TRONG LĨNH VỰC VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

PHẦN lớn văn nghệ sĩ Việt Nam có cảm tình với đạo Phật. Một số thương yêu lý tưởng đạo Phật và ước ao được phụng sự cho lý tưởng ấy. Sự kiện phần lớn văn nghệ sĩ Việt Nam có cảm tình với đạo Phật là một sự kiện dễ hiểu. Văn nghệ sĩ Việt Nam chưa bao giờ đi quá xa để tách khỏi tánh cách dân tộc ; mà nói đến dân tộc tính ít khi chúng ta có thể quên được đạo Phật. Tuy nhiên trong hiện tình của sinh hoạt đạo Phật, sự đóng góp đích thực của gia đình Văn nghệ sĩ cho Phật sự quả thực chưa có gì đáng kể. Đó không phải lỗi của các nhà văn học và nghệ thuật : đó là cái lỗi của các nhà lãnh đạo Phật giáo không biết đón nhận thực sự họ vào trong hàng ngũ Phật tử mà chỉ muốn nhờ vả họ một vài việc vặt : viết cho ít bài, vẽ cho ít tranh, soạn cho ít nhạc. Đã thế lại không trình bày cho họ rõ ràng xem họ phải viết phải vẽ phải soạn cái gì, theo nguyên tắc nào, và cho ai. Anh em văn nghệ sĩ có muốn đóng góp phần mình cũng không biết đóng góp cách nào.

Viết truyện nói về quả báo nhân tiền, soạn nhạc ghi chép âm điệu tụng kinh, vẽ tranh có mái tam quan và gác chuông, những việc ấy ai mà chịu làm. Viết truyện ngắn cho mọi tờ báo Phật chẳng hạn, rất khó biết viết gì đây. Viết về một tên tham quan hay một tên ô lại, độc ác, giết người, ăn hối lộ suốt mười lăm năm trời; rồi một buổi sáng nào đó, vợ bỗng lăn đùng ra chết, con bị Tây bắn, nhà cửa bị dội bom. Viết như thế thì ai mà đọc. Bọn tham quan ô lại thì không bao giờ ngán những chuyện như thế, và cũng đời nào cầm lấy tờ báo Phật mà đọc những chuyện như thế. Chỉ có giới bình dân đọc, và đọc xong thì cũng chẳng thấy có gì mới lạ, bởi vì thuyết thiện ác nghiệp báo vốn là triết lý của họ từ lâu đời.

Đề tài đã khan hiếm như thế mà tiền thù lao lại chẳng có gì, trong khi người văn nghệ sĩ nào cũng phải lo chạy gạo cho con, không lấy đâu ra thì giờ mà « phát tâm » sáng tác cho chùa, cho Giáo hội. Cho nên ít nhất là hai vấn đề được đặt ra : Vấn đề phương

tiện sáng tác và vấn đề đường hướng sáng tác.

Trước hết ta hãy bàn về phương tiện sáng tác.

Thực ra, độc giả Phật tử rất nhiều, và số quân chúng đông đảo ấy có thể ủng hộ đắc lực cho sự phát triển nền văn học và nghệ thuật đạo Phật, được xem như là phương tiện vĩ đại nhất để thực hiện công trình hiện đại hóa đạo Phật và đem đạo Phật đi vào cuộc đời. Các sách Phật bán rất chạy. Những cuốn sách như cuốn *Ánh Đạo Vàng* của nhà văn *Võ Đình Cường* đã được in tới ngót mười lần. Cả những cuốn sách dở cũng có thể bán được, và đã có khá nhiều những người lợi dụng điều đó để in ra những cuốn sách chẳng phản chiếu được chút nào tinh thần chân chính của đạo Phật. Một nhà xuất bản và phát hành đứng đắn được Giáo hội bảo trợ sẽ có thể nâng đỡ rất nhiều cho văn nghệ sĩ về phương diện vật chất. Một nhà xuất bản và phát hành như thế, theo chúng tôi biết, sẽ thu được rất nhiều tiền lời, và số tiền ấy có thể dùng để trả thù lao cho các ký giả, mua bản quyền các tác phẩm với một giá không cần "phát tâm" chút nào. Một hiệp hội văn nghệ sĩ Phật tử cần được thành lập, và thành lập gấp, để ngoài sự giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi tinh thần, còn đặt các vấn đề thuộc phạm vi sinh tồn và tương trợ cho các hội viên, những vấn đề phải được nhận định như là nền tảng của mọi phát triển về mặt sáng tác văn học và nghệ thuật, những vấn đề có thể giải quyết tương đối dễ dàng hơn dưới sự bảo trợ của

Giáo hội. Uy tín của Giáo hội cũng như thị trường tiêu thụ các văn nghệ phẩm trong quần chúng Phật tử sẽ là những yếu tố quyết định sự thành công trong lĩnh vực này. Việc tiêu thụ sản phẩm văn nghệ đương nhiên là có liên hệ đến đường hướng sáng tác văn nghệ. Cố nhiên một nền văn hóa tự do như đạo Phật sẽ không bao giờ duang tung được việc ép buộc văn nghệ sĩ sáng tác theo một chiều hướng, trong những khuôn khổ nhất định và là ép buộc bằng những phương tiện vật chất mà mình có thể cung cấp cho họ. Tuy nhiên trong chúng ta không ai có thể chấp nhận được một thứ văn nghệ phá sản đầu độc quần chúng, nhất là trong lúc mọi người đang cố gắng xây dựng lại những gì đã đổ nát. Một nền văn nghệ Phật giáo phải là một nền văn nghệ biểu hiện tinh thương và tinh thần cứu khổ, và như thế là một nền văn nghệ được hướng dẫn bởi tinh thần Phật giáo. Hướng dẫn bởi tinh thần Phật giáo chứ không phải là được điều khiển bởi một nhân vật hoặc một nhóm nhân vật nào, dù nhân vật ấy hay nhóm nhân vật ấy tự nhận là uy quyền của Phật giáo. Một nền văn nghệ mà biểu được tinh thần đạo Phật thì cố nhiên sẽ được Giáo Hội Phật Giáo nâng đỡ, ủng hộ, bảo trợ. Bởi vì nếu không, thì Giáo hội đâu còn là Giáo hội nữa. Mà nếu Giáo hội nâng đỡ và bảo trợ cho một nền văn nghệ đầy sinh lực như thế thì chắc chắn là quần chúng Phật tử sẽ tin tưởng và ủng hộ một cách nồng nhiệt. Ý thức hiện đại hóa đạo Phật sẽ được phổ biến mau lẹ và sâu rộng, các kế hoạch xây dựng văn hóa kinh tế xã hội

do Giáo hội chủ trương cũng sẽ được tích cực hưởng ứng và tham dự.

Vấn đề phương tiện sáng tác có liên hệ đến vấn đề đường hướng sáng tác. Văn nghệ sĩ cần phải có phương tiện để làm cho phong phú đời sống tâm linh của mình. Một trong những phương tiện ấy là sự thoát bỏ thỉnh thoảng cái không khí náo nhiệt, cái guồng máy mưu sinh đầy dẫy những phiền não bức dọc, cái xã hội đầy dẫy những đảo điên thác loạn, trong đó chúng ta phải lặn hụp hằng ngày. Ở các đô thị, văn nghệ sĩ phải có một ngôi chùa riêng cho họ, trong đó có chính điện thờ Phật, có thư viện Phật học, có phòng tham thiền, viết lách, sáng tác, có nơi uống trà, và đàm đạo. Tất cả những thứ ấy đều do họ tổ chức và trang hoàng lấy. Vị tu sĩ của ngôi chùa này phải tự mình là một nhà văn hay một nghệ sĩ để có thể hiểu biết và hướng dẫn sinh hoạt tâm linh cho gia đình văn nghệ sĩ một cách dễ dàng hơn các vị tu sĩ khác. Ngôi chùa cố nhiên sẽ thanh tịnh, trang nhã, mát mẻ. Các văn nghệ sĩ có thể ngồi tĩnh tâm trong phòng tham thiền để cho tâm tư lắng đọng. Những giờ tham thiền như thế sẽ giúp rất nhiều cho công việc sáng tác, và ảnh hưởng nhiều tới công việc sáng tác. Văn nghệ sĩ nào cũng thấy được điều hệ trọng đó. Sản phẩm văn nghệ sẽ vững mạnh hơn nhờ những giờ tham thiền. Ngôn ngữ, hình tượng, cảm xúc sẽ không bị non yếu và méo mó vì những phiền não bức dọc ta phải chịu đựng ngay trước giờ sáng tác. Nhờ tham thiền và các các sinh hoạt tôn giáo, người văn nghệ sĩ giữ lại được sự bình tĩnh,

lấy lại được phong độ của mình, nuôi dưỡng được đức tin nơi cuộc đời và tình thương đối với con người. Nhờ tủ sách Phật học được trang bị đặc biệt cho văn nghệ sĩ, họ có dịp tìm hiểu thêm đạo Phật, dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ chủ trì. Thường thường văn nghệ sĩ Việt-Nam ít học về đạo Phật. Không phải vì các bạn làm biếng, mà vì các bạn không biết sách gì mà đọc, không có sách gì mà đọc. Lắm lúc sinh kế bức bách, chẳng có thì giờ đi tìm mua một cuốn sách Phật. Tủ sách Phật học trong chùa phải cung cấp những sách hay nhất và trình bày linh động nhất về đạo Phật. Bởi vì những sách khảo cứu khô khan trong bước đầu sẽ không gây được hứng thú. Có học Phật có tinh tâm, tham thiền, người văn nghệ sĩ mới thấy được hướng dẫn bởi những nguyên lý Phật học trong khi sáng tác và mới bảo tồn được lý tưởng và con người đích thực của mình. Người văn nghệ sĩ mới có thì giờ suy tư và trao đổi với nhau về những vấn đề như *sáng tác cái gì, sáng tác cho ai, sáng tác thế nào?* Người văn nghệ sĩ tạo một không khí gia đình trong ngôi chùa dành riêng cho mình, trong đó mình sống những giờ thanh tịnh, thoải mái, tràn đầy ý thức về sứ mạng, và nếu cần có thể sáng tác tại thư viện của chùa hay trong các phòng xá dành cho công việc ấy. Cơ sở xuất bản sẽ bảo đảm quyền tác giả của họ và họ sẽ không sợ bị những nhà xuất bản và những ông chủ báo bóp nghẹt và lợi dụng nữa.

Cố nhiên người văn nghệ sĩ Phật tử có thể sáng tác mà không cần dùng hình tượng chùa chiền, kinh điển, tăng ni,

giáo hội, tiếng chuông tiếng mõ và một mớ danh từ đạo Phật. Sáng tác theo tinh thần đạo Phật, nhất là đạo Phật vì cuộc đời, thì không cần phải có những màu mè như thế. Mà dù có muốn cho một nghệ phẩm có tinh cách đạo Phật bằng cách đưa các danh từ, hình ảnh và âm thanh ấy vào, nghệ phẩm ấy cũng không thể được gọi là thành công. Một bản nhạc có tinh thần đạo Phật chẳng hạn, khi đánh lên, sẽ tự chứng minh được tinh thần đó. Nếu bản nhạc kia không có bản chất đạo Phật thì dù khi đặt lời cho nó dù ta có chêm vào nào Nam mô nào từ bi, nào Niết bàn thì nó cũng không thể vì thế mà trở thành một bản nhạc Phật. Được hướng dẫn bởi tinh thần đạo Phật thì dù viết chuyện về cò bạc, viết chuyện mặt trận, viết chuyện thanh lâu thì nghệ phẩm vẫn là nghệ phẩm xây dựng có bản chất Phật giáo.

« Được hướng dẫn » không có nghĩa là bị khép vào một khuôn khổ hay bị quy định bởi những luật lệ nào. Không có ai có nhiều tự do cho bằng những người Phật tử. Đạo Phật không phải là một hệ thống những giáo điều khắt khe. Giáo hội Phật giáo không phải là một cái đảng đang chủ trương tranh đấu với các đảng khác, không phải là một giai cấp đang chủ trương đấu tranh với một giai cấp khác. Giáo hội tồn tại đó để bảo vệ cho tự do, nuôi dưỡng cho tình thương và bồi đắp cho ý chí phụng sự. Phụng sự không phải là phụng sự cho một người nào, một nhóm người nào, một đoàn thể nào dù đoàn thể ấy là Giáo hội coi như một cái ngã tách biệt ra khỏi những cái ngã khác. Phụng sự ở đây là chống lại vô minh, căm thù

cuồng tín, vu khống - chứ không phải là chống lại *con người*. Đạo Phật không chống ông A, ông B, ông C mà chỉ chống tham, sân, si. Nếu ông A mà tham, sân si, thì ông A sẽ ráng mà chịu, thì ông A phải diệt tham, sân, si đi nếu không còn muốn bị chống đối. Mà cái tham sân, si gần nhất cần phải chống là cái tham sân si nằm ngay trong lòng những người Phật tử — những người chủ trương chống tham sân si. Cho nên đạo Phật phải tiêu biểu cho tự do và tình thương và nếu có một quy luật sáng tác thì quy luật đó là quy luật của tự do và tình thương. Chưa bao giờ các vị Tổ lên án một tư tưởng gia đã sáng tác ra một tông phái mới dù tông phái đó trái chống với tông phái của các vị. Chưa có vị tăng sĩ nào bị trục xuất vì đã sáng tác và khởi xướng một lý thuyết mới. Nếu hai yếu tố tự do và tình thương mà vắng mặt trong đạo Phật thì thiết tưởng dù đạo Phật có triết lý cao siêu đến mấy ta cũng không nên theo. Và nếu đạo Phật có đóng góp được gì cho thế giới hôm nay và ngày mai thì cũng là nhờ bản chất tràn đầy tự do và tình thương của nó.

Vì tự do cho nên đạo Phật không cố chấp, luôn luôn khiêm nhượng cởi mở và không bịt tai trước bất cứ tiếng chuông nào. Vì tự do nên người văn nghệ sĩ Phật tử không tự hào tự đại cho mình là phản ảnh được thực tại một cách *hiện thực* nhất, còn bao nhiêu quan niệm và đường lối văn nghệ khác đều là hoàn toàn sai lạc, phản bội, cần phải lên án. Người văn nghệ sĩ Phật tử phải có đức bao dung như chính bản chất của tướng Phật giáo. Người văn nghệ

sĩ Phật tử phải tôn thờ tự do mà không được nghĩ rằng tự do là một chướng ngại vật cho tiến bộ. Bởi vì, nghĩ như thế tức là độc tài rồi. Nhìn sứ mệnh văn nghệ qua khía cạnh nhiệm vụ, ta thấy tự do là cần thiết. Anh có thể nói cho tôi nghe tôi sai lạc ở chỗ nào và anh hãy làm cho tôi chuyển hướng đi bằng cách chinh phục lý trí và tình cảm của tôi. Chứ anh không thể tước đoạt tự do của tôi. Luôn luôn thao thức đón nhận thực tại linh động, người văn nghệ sĩ Phật tử mở rộng trí não để học hỏi thêm trong từng giờ từng phút, không bao giờ được cho mình là đã biết đủ, không bao giờ được nhất quyết rằng người khác là hoàn toàn sai. Như thế

người văn nghệ sĩ biết trừ bỏ sở tri chướng và tiến những bước tiến mau lẹ trên đường nhận thức.

NHẤT HẠNH

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ĐÊM TRĂNG MÙA HẠ

truyện dài của LƯU NGHĨ

Sách dày hơn 300 trang, bìa 3 màu, in đẹp

★

Ngoài những bản thường có in riêng 200 bản trên giấy trắng tốt, có bìa plastic dành cho bạn hữu và những người yêu sách quý. Văn giá 44đ.

Xin liên lạc với tác giả tại địa chỉ :
167 đường Hồng Thập Tự — Saigon. Nhà sách Sông-Đà, 101 đại lộ Độc-Lập — Đà Nẵng. Nếu ở xa thêm 6đ. cước phí bảo đảm.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

Nỗi buồn không rời

thơ Huy Lực

●

những ngày cuối cùng mưa bay ướt mặt
trốn vào nhau sợ nhận diện ra mình
hơi thở ẩm sười đôi hồn hiu-hắt
vùng đăm mê cỏ nhung mượt xanh xanh

tôi đứng lên còng lưng vai súng đạn
tuổi thanh xuân những hoảng hốt rã-rời
em chạy trốn những ngày hè đại hạn
tôi rồi phiêu-bồng mắt trũng sâu thối

tôi soi mình trong vũng sâu nhẩn mặt
cuốn hút hoa niên giông bão nước non này
khi đêm xuống lòng chùng lên hiu hắt
không còn gì ngoài bóng tối trong tay

đây tình yêu xin trả lại cho người
nỗi buồn không rời ẩm ướt mặt tôi
và mai sau tiếng dế run lòng đất
tôi hóa thân bay hướng mặt trời

CHUYỆN SÁU VỊ THUYỀN SƯ

(Xin xem Bách-Khoa từ số 193)

TUỆ - TRUNG

3. Kim-Hoa Cu-Chi Thuyền-sư

Một hôm, có một vị sư bà, đầu đội thùng, tay chống gậy đến viếng chùa của ngài Cu Chi. Bà đi quanh ngoài ba lần, đoạn nói ba lần : « Nếu ngài nói được một điều gì thì tôi sẽ đặt chiếc thùng này xuống đất ». Ngài Cu Chi không biết sao trả lời nên vị Sư bà liền cáo biệt. Ngài nói : « Đã tối rồi, xin mời sư bà ở lại ». Vị sư bà đáp : « Ngài trả lời được tôi mới lưu lại ». Ngài Cu Chi, một lần nữa, không nói được lời nào.

Lúc vị sư bà ra đi ngài Cu Chi thở dài, tự nhủ : « Ta không xứng đáng làm thân nam tử chút nào ! Nên đi tìm những đấng giác ngộ mà xin làm đệ tử ». Đêm hôm ấy, vị sơn thần hiện ra mách ngài : « Ít lâu nữa sẽ có một vị Bồ-tát đi qua đây, ngài đừng nên đi đâu nữa »

Quả nhiên, chẳng bao lâu, Thiên Long Thuyền sư vân du đến viếng chùa ngài. Ngài đành lễ và xin được nhận làm đệ tử. Thiên Long thuyền sư giơ ngón tay lên dạy ngài và bỗng nhiên ngài ngộ được Đạo. Từ đấy, ngài Cu Chi theo gương Thầy chỉ dạy đồ đệ bằng cách giơ ngón tay lên chứ không nói gì khác nữa.

Có một chú tiểu bắt chước ngài mỗi khi có ai hỏi điều gì, chú cũng giơ ngón tay lên mà trả lời. Có kẻ mách lại với ngài, ngài liền dấu con dao nơi tay áo, đoạn gọi chú tiểu đến hỏi : « Ta nghe người thông hiểu Phật pháp lắm, phải không ? » Chú tiểu đáp : « Bạch Thầy, phải ». Ngài hỏi : « Phật là gì ? ». Chú tiểu liền giơ ngón tay lên trả lời tức thì ngài nắm lấy và dùng dao cắt đứt đi. Chú tiểu đau quá, chạy mất, ngài liền gọi lại lần nữa mà hỏi : « Vậy Phật là gì ? ». Chú tiểu cũng giơ tay như lần trước, nhưng không thấy ngón tay nữa và bỗng nhiên tỏ ngộ.

Lúc ngài sắp nhập diệt, ngài nói với đồ đệ rằng : « Ngón tay của Thiên Long Bồ tát ta đã dùng suốt đời ta ».

BÌNH LUẬN

THẸO Thuyền ngữ ; *nói điều gì* » có nghĩa là « nói điều gì để làm phát hiện cái Tâm ». Vị sư bà đến viếng ngài Cu Chi đề thử trí huệ của ngài, đồng thời đề khuyến khích ngài trong việc tu hành, nhưng vì ngài vẫn còn mê lầm nên không thể trả lời được câu hỏi của vị sư bà. Thời bấy giờ ở Trung Hoa có nhiều vị sư bà đặc đạo hay đi tìm đệ tử có căn duyên tu hành để giác ngộ.

Ngài Cu Chi cảm thấy tự thẹn vì đang còn chìm đắm trong mê lầm nên quyết định lên đường tìm thầy học Đạo. Vị sơn thần báo mộng cho ngài hay rằng sẽ có Thiên Long Thuyền sư đến hóa độ cho ngài là vì giữa hai ngài đã có nhân duyên ở kiếp trước. Đến khi gặp đệ tử, ngài Thiên Long giơ ngón tay lên để cho ngài Kim Hoa Cu Chi thấy rằng có sự hiện hữu của Bản thể Chân thực đã điều khiển việc giơ tay lên. Đó chính là sự *Trực chỉ nhân tâm* để kiến tính thành Phật. Sở dĩ ngài Cu Chi chứng ngộ mau chóng như vậy là vì tuy chưa được giác ngộ thực sự nhưng trí huệ của ngài đã sung mãn nhiều rồi chỉ cần một *Công án*, một *trợ duyên thích hợp* là trí giác ngộ của ngài sẽ được chín mùi. Sau khi đặc đạo, Cu Chi thuyền sư dùng phương pháp ngón tay trở lên trời của Thầy là vì ngài nhận thấy phương pháp «trực chỉ nhân tâm» giản dị và dễ hiểu nhất.

Có một chú tiểu thấy ngài làm thế liền bắt chước giơ tay lên mỗi khi có ai hỏi chú điều gì về Phật pháp. Chú



Bắt bò (Trị Tam)

ấy tưởng rằng làm theo Thầy tức là cũng trí huệ như Thầy, nhưng chú ấy đã lầm : hành động của thuyền sư Cu Chi khác hẳn hành động của chú. Thuyền sư tuy giơ tay nhưng vì đã giác ngộ, nên ngài ý thức rằng ngón tay giơ lên đó là hoàn toàn hư vô, do đó ngài không chấp tưởng vào nó. Trái lại, chú tiểu vì còn mê lầm nên tưởng ngón tay là thực, bởi thế ngài chặt đứt ngón tay của chú để tước bỏ hẳn những ảo tưởng trong Tâm của chú đi. Đến khi chú tiểu giơ tay để trả lời thấy mất ngón tay mới ý thức được rằng có một cái gì đã khiến chú giơ tay từ trước đến giờ, do đấy tự nhiên chú được tỏ ngộ.

Các vị Thuyền sư thường khuyên đồ đệ không nên đọc kinh trong khi tham thiền vì sợ rằng các đồ đệ sẽ câu nệ vào danh tính ngôn từ, do đấy không ý thức được Chân lý. Phật cũng dạy rằng giáo lý của Ngài như ngón tay chỉ mặt trăng đừng lầm ngón tay là mặt trăng, chính mặt trăng mới là Chân lý.



Giữ Bò (Ngự Tâm)



Cỡi bò về nhà (Tâm An)

4. Thạch - Củng Thuyền - sư

Ngài Thạch Củng lúc trước vốn là một thợ săn, rất ghét các nhà sư. Một hôm, trong khi đuổi theo con thú, ngài đi qua ngôi chùa của Mã Tổ. Đứng trước cổng chùa, Mã Tổ chào ngài, ngài dừng lại hỏi : « Ông có thấy con nai nào chạy qua đây không ? » Mã Tổ hỏi lại : « Ông là ai ? » Ngài trả lời : « Tôi là thợ săn ». Tổ hỏi : « Ông biết bắn cung không ? » Ngài đáp : « Biết ». Tổ hỏi tiếp : « Một mũi tên ông bắn được bao nhiêu con thú ? » Đáp : « Một con ». Tổ nói : « Vậy ông không biết bắn tên gì hết ». Ngài hỏi : « Bạch Hòa thượng, Ngài biết bắn cung không ? » Mã Tổ đáp : « Ta biết ». Hỏi : « Một mũi tên Ngài bắn được bao nhiêu con thú », Trả lời : « Bắn được cả bầy thú ». Hỏi : « Chúng đều có mạng sống, sao Ngài bắn chúng ? » Mã Tổ hỏi lại : « Người đã biết vậy, sao người không tự bắn người ? » Đáp : « Ngài muốn tôi tự bắn tôi, nhưng thật tình tôi không biết làm thế nào ». Mã Tổ nói : « Bao nhiêu phiền não tạo ra do ngu si trong hằng hà sa số kiếp của kẻ này bây giờ đã chấm dứt hết ». Liền đấy, Thạch Củng vứt bỏ cung tên, theo hầu Mã Tổ.

Một hôm, thấy ngài đang ở trong nhà bếp, Mã Tổ hỏi : « Nhà người đang làm gì đấy ? » Ngài đáp : « Tôi đang chăn bò ». Mã Tổ hỏi : « Nhà người chăn bò như thế nào ? » Ngài trả lời : « Khi bò trở lại đồng cỏ tôi kéo mũi nó lại ». Mã Tổ khen : « Như vậy nhà người đang chăn bò thật đấy ». Nói xong, Mã Tổ bỏ đi không nói gì nữa.

Khi làm trụ trì, ngài Thạch Củng thường hay cầm cung tên mỗi lúc tiếp các chư tăng. Một hôm, ngài hỏi một nhà sư : « Ngài biết bắt khoảng không không ? » Nhà sư ấy đáp : « Tôi biết ». Ngài hỏi : « Bắt như thế nào ? » Nhà sư liền giơ tay bắt trong không khí. Ngài cười nói : « Như thế là ngài không biết rồi ». Nhà sư hỏi : « Vậy theo ngài thì làm sao ? » Ngài liền chụp lấy mũi nhà sư mà kéo thật mạnh làm cho nhà sư hét lớn lên vì đau đớn : « Chứt nữa là mũi tôi đứt rồi ! » Ngài cười : « Khoảng không phải bắt như thế đó ».

(Đoạn sau đây không có trong « Ngự Tuyển Ngữ Lục » và được trích trong « Truyền Đăng Lục »).

Một hôm, lúc các tăng họp trong tự đường ngài hỏi : « Các ông vừa mới đi đâu đấy ? » Một vị tăng trả lời : « Tôi đã ở đây ». Ngài lại hỏi : « Thế bây giờ ông ở đâu ? » Vị tăng liền đánh tay kêu lên một tiếng lớn.

Một hôm khác, có một vị sư đến hầu thăm ngài, ngài hỏi : « Ông có mang cái ấy đến không ? » Vị sư trả lời : « Bạch ngài, có ». Ngài nói : « Ở đâu nào ? » Vị sư liền đánh tay kêu ba tiếng rồi hỏi ngài : « Bạch ngài, làm sao thoát vòng sinh tử luân hồi ? » Ngài trả lời : « Để làm gì ? » Nhà sư cố nài nỉ ngài trả lời. Ngài đáp : « Cái ấy vốn không có sinh tử luân hồi ».

BÌNH LUẬN

MÃ TỒ hay là TỒ Ngựa là một vị Thiền sư danh tiếng. Chuyện ngài ra đời đã được Lục Tổ báo trước khi TỒ nói với ngài Nam Nhạc rằng : « TỒ thứ hai mươi bảy nói rằng sẽ có một con ngựa xuất hiện từ dưới chân người, nó sẽ dẫm nát khắp nơi và giết tất cả mọi người. Ở trong Tâm người sẽ có câu trả lời về chuyện ấy, nhưng nhà người đừng nói ra quá sớm ». (Kinh Lục Tổ.) Nam Nhạc là đồ đệ của Huệ Năng và là thầy của Mã Tồ. Mã Tồ truyền y bát cho Bách Trượng. Đệ tử thứ nhất và thứ nhì của Bách Trượng là Qui Sơn và Hoàng Bích. Mã Tồ, do đấy, là Tồ của hai phái Qui Ngưỡng Thiền và Lâm Tế Thiền (Ikkyo Zen và Rinzai Zen).

Mã Tồ biết rằng đã đến lúc giác ngộ người thợ săn, cho nên cố ý chờ sẵn nơi cổng chùa. Mã Tồ hỏi ngài Thạch Cùng (còn có tên là Tuệ Tàng) có biết bắn không tức là Tồ muốn hỏi ngài có biết diệt phiền não không. Vì là một người thợ săn nên dĩ nhiên ngài Thạch Cùng trả lời là biết, nhưng chỉ là biết bắn thú chứ không phải diệt phiền não ở đời. Biết là người đệ tử tương lai

của mình còn mê lắm nhưng muốn thử trí hiểu biết của học trò lần nữa, Tồ mới hỏi : « Một mũi tên bắn được mấy con thú ? » nghĩa là : nhà người có biết diệt phiền não không, có diệt được nhiều phiền não không ? Một lần nữa, ngài Thạch Cùng không hiểu những thiền ngữ của Tồ nên trả lời rằng chỉ bắn được một con thú. Tuy nhiên cái Tâm của ngài Thạch Cùng bấy giờ đã bắt đầu sáng tỏ dần. Ta thấy ngài bắt đầu đặt những câu hỏi về chuyện săn bắn với Mã Tồ : « Bạch ngài, ngài biết săn bắn không ? » Đừng nói gì đến sự đời cách xưng hô lễ độ ở một người vốn rất ghét các nhà sư, ta hãy hỏi tại sao ngài lại đem chuyện sát sinh gán cho kẻ tu hành như Tồ, không phải vì tâm hồn ngài đã bắt đầu cảm thông những lời dạy của Tồ về lẽ giác ngộ hay sao ? Như thế đã rõ những thắc mắc của ngài Thạch Cùng đã từ phạm vi *hiện tượng* vượt sang phạm vi *bản thể*. Câu hỏi của ngài : « Chúng đều có sự sống, làm sao ngài bắn chúng được ? » có nghĩa : « Phiền não đầy đây, chi phối cả cuộc đời con người làm sao có thể diệt được hết ? » Mã Tồ trả lời rằng chỉ có thể diệt được bằng

cách làm biểu lộ Bản thể chân thật của chính con người cá nhân (biết thế, sao người không chịu *tự bản người?*) Nghe câu nói ấy, ngài Thạch Củng chẳng khác gì kẻ mù thấy được ánh sáng, liền ném cả cung tên bỏ cả nghề săn theo thầy cầu Đạo giải thoát.

Loài trâu bò tượng trưng cho tâm hồn bướng bỉnh thích lang bạt ra thế giới bên ngoài đi tìm ngoại vật, tượng trưng bằng đồng cỏ ở trong truyện Năm mũi bò mà kéo nghĩa là chế ngự tâm hồn để được an tịnh. Mã Tồ khen ngài Thạch Củng biết phương pháp ngự tâm. Sau đấy Tồ bỏ đi ngay vì khi đã đạt đến Tuyệt đối, không cần phải nói thêm gì nữa.

Thạch Củng thuyên sư thường cầm cung tên để mọi người thấy rằng có một cái gì đã làm như thế, cái ấy là Chân ngã. Bất lấy khoảng không là biểu lộ sự hư vô của sự vật hay là sự hư vô của Pháp thân (Dharma-Kaya). Nhà sư vì mê lầm nên tưởng rằng không khí là Thề Tuyệt đối, thực ra nó chỉ là Thề Tương đối. Một lần nữa ngài năm mũi nhà sư mà kéo để chứng tỏ rằng chính Pháp thân Tuyệt đối đã làm hành động đó. Cũng thế, tiếng thét của nhà sư cũng biểu lộ một cái gì đã tạo nên tiếng thét ấy, thế mà nhà sư đó không biết.

Thuyên sư hỏi các vị tăng : « Các ông vừa đi đâu đấy ? » để xem thử họ có hiểu rằng *Châu ngã Bản thể, là vượt khỏi tác động Đi và Về không ?* Câu trả lời của một vị tăng : « Tôi đã ở đây từ lâu rồi » là hợp lý, vì Bản thể có đặc

tính tự tại. Để chứng tỏ sự hiện hữu của nó, vị tăng đánh tay phát nên tiếng kêu : Tác động đánh tay chứng tỏ chức vụ của Bản thể, tiếng kêu có nghĩa là mọi sự vật có thể trở về dưới trạng thái Nhất Tâm (the One Mind.)

Các Thuyên sư thường không bao giờ dùng những danh tính trong khi giảng Thuyên vì sợ rằng các đệ tử sẽ đem lòng cố chấp vào danh tính. « Cái Ấy » ở đây có nghĩa là Nhất Tâm, Bản thể, Chân như... « Ông có mang theo cái ấy không » có nghĩa là : « Ông có mang theo cái Tâm không ? » hay nói cách khác, « Ông có bị lạc khỏi cái Tâm không, cái Tâm ông có sáng suốt không ? Nếu còn bị lạc lũng, còn bị mê mờ, ông quyết không bao giờ nhận thức được cái Tâm của ông, không bao giờ được giác ngộ. « Ba tiếng kêu tượng trưng cho Tam thân (*) (Trikaya) hợp thành một. Vì Bản thể là không sinh không diệt, thế thì tại sao ta cứ mãi bận tâm lo lắng thoát sinh tử làm gì, một khi sinh tử tự chúng chỉ là những giả biến không có ngã tính thực sự ?

Kỳ tới : Ngài Phổ-Đại-Sĩ và Vô Trú Văn-Hi thuyên sư.

TUỆ-TRUNG

(*) Phật có Ba Thân nhưng cốt yếu chỉ là một : (1) Dharma-kaya, hay *Pháp thân*, là sự hiện thân của Phật pháp, soi sáng và giác ngộ mọi nơi, mọi vật, (2) Sambhava-kaya, *Ứng thân*, là sự hiện thân của Tinh khiết, Cực lạc, và (3) Nirmāna-kaya, hay *Biến thân* là sự thị hiện thân xác hay hình thái cụ thể.

Hôm nay không ưa lời ca ngoan

như ngày gieo hoa cau
hương tóc lùa vai gió
nước lã người soi bóng
Sánh vai
thuyền trao nghiêng

Nửa thời lây hận khói
Nghe mãi tin đưa bưng mặt sóng
Bắc mãi nhịp cầu xây lại đò
Núi theo rừng hóa than

Giữa truyện
đàn nai lạc
Qua đây còn trôi đâu
Tranh khát dòng không đáy
Uống tan trời sao cầm

Cũng hôm nay

Đầu năm mây bốc nắng
đốt hạ đề dành xuân
Cỏ bức chờ mưa sớm
May ra lan cúc nở hai lần

Trốn mãi chưa quên lời ca ngoan

Bên đời nao tiếng lửa
từ độ biết xem trăng
Mắt dầu ngò tia sáng

Trót thơ

không đề ráng thơ tàn

Tình trắng đã lay bông
Chứa đầy băng kết trái
Gây mùa

quen lọc đắng
Cũng tại đàn nai tơ

Cứu bước đàn nai lạc

khỏi mùa lệch giờ say

mau thoát lối vòng quanh
mảnh vàng rớt của những chiều dương xuống

Đường mai sau reo chung lời ca ngoan

Trái cánh đồng hoang

chừa lúa dại

Leo mức sống cao

nhìn ngả trước

màu tranh không tuổi

giãn trào lượng cả tím trong sương

MÙA XUÂN CỦA EM

Mùa xuân hồng sông núi
Cho em hồng làn môi
Lá cây rừng thổi rưng
Cho em yêu cuộc đời

Tuổi nữ sinh thần thánh
Em góp vào xuân ca
Qua một mùa gió lạnh
Tìm đời reo thiết tha

Ngồi bút cây chưa hết
Thừa ruộng chữ còn dài
Em ngồi đây nghỉ mệt
Rồi mai vào tương lai

Trăng mười bảy còn thơm
Ngọt ngào như sữa mẹ
Hương mùa xuân bay về
Hơi thở đầy vị cỏ

Dòng tin yêu cuộn chảy
Trong mắt người mây bay
Xuân về qua trước ngõ
Em ôm đầu vòng tay

TẢN-HOÀI DẠ-VŨ

TUỔI ĐỜI

Lúc mở mắt chào đời
quê-hương bừng khói lửa
tôi cúi nhìn thân tôi
lớn lên bằng uất-hận.

Quá khứ và hôm nay
chưa một lần yên-ôn
nỗi buồn cao như mây
khô-đau cây thành luống

Tuổi trẻ không mùa xuân
chúng tôi nghèo đủ thứ
năm tháng thèm quê-hương
như khát lời ru ngọt.

Bây giờ trên chiến trường
cũng đám người rất trẻ
vội-vàng đem máu xương
để dành từng thóc đất

Tôi bao nhiêu tuổi đời
quê-hương chùng khói lửa
Mùa Xuân — mùa Xuân ơi
bao giờ xanh đất mẹ?

LỮ QUỲNH

TRÊN

QUÊ HƯƠNG

người lính Thượng nhìn tôi
bàn tay không cất nổi
máu đỏ tràn ra môi
ngoài kia còn tiếng nổ
hắn đang nói những gì?
— ôi những lời bí ẩn —
nghe-ngào trong cơn mê
gió rừng lên hỗn-loạn
cuộc chiến này đen hơn
màu da người lính đỏ
tôi cúi mặt cảm-hờn
chung quanh rừng rục đỏ
và từng vòng kẽm gai
đang nặng nhiều thân thể
tôi nguyện sao ngày mai
mặt trời lên rất trẻ
những đứa con trai này
phải nói gì hôm nay
mùa đông qua lạnh lẽ
buốt lạnh trùng lên vai

LỮ QUỲNH

CÁT LẬY

PHẦN THỨ NHẤT

3 | Có lẽ chị Lệ đã có một người tình mới, tối tối chị bông con xuống xóm Đình. Phải ngày trước tôi đã nhìn hẳn học nghiêm khắc, chị len lén sợ sệt như kẻ tội phạm trước quan tòa. Một buổi trưa, tưởng tôi ngủ, má tôi khuyên chị nên coi chừng, đừng chọc giận tôi. Bà vẫn nhớ thái độ bất mãn của tôi trước đây, mỗi lần bà tỏ vẻ bênh vực chị Lệ. Tôi khinh bỉ chị ra mặt.

Hồi ấy tôi nói : « Đừng ai nói chuyện ấy với tôi... Đàn bà khốn nạn, dâm dăng » chị Lệ chỉ cúi đầu cam chịu. Tính chị thích nói chuyện, ưa cười. Và tôi trả thù chị bằng cách không khi nào nói với chị suốt trong thời gian chị mang thai con Liễu và sinh nó. Lúc sau, tôi coi chị như kẻ dưới, nói vắn những lệnh sai khiến của tôi.

Chị Lệ được học đến lớp nhất, chị thông minh hơn tôi. Ngày nhỏ, hai chị em đi học một trường, mỗi buổi chị đều đưa tôi đến gần cửa lớp tôi rồi mới trở lại với các bạn gái và giờ tan chị thường đón đợi tôi ngoài cổng trường với những gói tằm ruộc mằm ruộc hoặc trái ổi, trái điều. Trên con đò lênh đênh ngang sông chị tháo kẹp tóc cho gió bay, cùng tôi vầy nghịch nước sông và chị

thường nhất tôi khi dò chông chênh giữa giòng. Chị lớn hơn tôi bốn tuổi, học hơn tôi hai lớp. Năm mười bảy tuổi, tóc chị xức dầu dừa, áo túi trắng nỡn, chị yêu anh Tạc, viết những lá thư tình dài trên giấy mỏng xanh, mỗi lần chị đều đọc cho tôi nghe bên bàn học những buổi tối. Anh Tạc đi bung kháng chiến, thư anh gửi chị viết trên những mảnh giấy ô vuông sếp trong sớ tay, chữ viết chi chít, chị khoe với tôi. Tôi nhớ một câu : Yêu em anh không thể nào chết được, anh sẽ trở về. Tôi không biết mặt anh Tạc, nhưng những lá thư của chị Lệ cũng làm tôi yêu anh. Thỉnh thoảng chị Lệ xin phép má xuống tận Chợ lớn gặp anh Tạc trong những dịp công tác ghé về thành. Chúng tôi dậy sớm, nắm tay nhau đi ra bến dò đường xóm còn vắng trong buổi mai dài trên bầu trời tư tưởng. Tôi đứng lại trên bờ, nhìn chị xuống thuyền, nhắc chị cho tôi gửi lời thăm anh Tạc. Tôi theo rồi hình bóng chị nổi đều đặn trong tấm áo bà ba trắng như chiếc bình sứ trôi xa trên hàng cây châu thành. Chiều tối trở về, má hồng hào, hơi thở thơm tho, chị ca cái cách. Chị thuật chuyện ban ngày gặp anh Tạc bằng giọng thần bí, tôi ngây người nghe. Một lần nghe đồn anh Tạc bị bắn chết bên cầu chữ Y, chị khóc ngất mấy ngày và đòi tự vẫn. Tôi khuyên chị : "Chị Hai. Chị phải sống và đừng lấy chồng nữa". Năm anh Tạc tập kết, chị xuống Cao Lãnh vào ở trong khu cả tuần lễ. Tôi tưởng chị đã theo anh Tạc luôn. Về nhà chị buồn bã hết mấy tháng. Nhưng một năm sau ngày anh Tạc đi, Chị mang thai. Con Liễu sinh ra mang họ mẹ, tôi không biết cha của nó và tôi cũng không muốn biết. Tôi không thể hiểu được sự phản bội của chị và tôi không thể tha thứ. Tôi đuổi chị ra khỏi ý nghĩ của tôi, đuổi ra khỏi tầm mắt của tôi. Tôi lớn thoát đi một mình, muốn quên hết mọi người thân.

Bây giờ cơn giận của tôi chỉ còn hấp hối, tôi nhìn chị Lệ như một người quen không nhớ rõ tên. Trong bữa cơm, chị vừa ăn vừa đút cho con Lệ, chuyện trò với má, thỉnh thoảng liếc tôi. Tôi cầm cúi ăn, lâu lâu trả lời một câu hỏi của má tôi. Đôi khi tôi cũng nói với chị Lệ qua trung gian con Liễu. Chiều tối, tôi thơ thẩn ngoài vườn, bỏ trắng mọi cảm xúc. Tôi đi trong không khí những ngày cũ với cơn khủng hoảng rình rập. Và tôi tự nhủ : không còn gì nữa. Không còn gì đâu trí. Tuy nhiên, tôi biết tôi không thể tránh được một lần giáp mặt trong những ngày tới với chị Lệ. Tôi biết tôi không thể nin cam mãi mãi, người xung quanh không để cho tôi yên. Một buổi, đứng khuất trong bóng tối bên cửa sò, chị chậm bước ngó vào nhưng không thấy tôi. Chị đứng hẳn lại, nhìn vô giường đã buông mùng, đứng đó như một bóng ma đột ngột. Trăng không còn mọc sớm nữa. Nửa khuya sức tỉnh tôi nhìn qua song cửa ánh sáng vàng vạc của con trăng muộn màng và tưởng còn ngó thấy bóng dáng của chị. Tôi nhớ đến những ngày khi chị Lệ đã thôi học, tôi cắp sách đi một mình sang trường, những buổi cùng một hai tên bạn bám sau đuôi xe bò chở cỏ hay lá đi xa vào các làng, hoặc chạy đuổi những chiếc xe thồ mộ trống nháy đứng một chân trên bàn sắt ra ngoài châu thành, hoặc chui lên các khoang xe vận tải đi rửa ở các bến sông. Tôi nằm ngửa như nằm trên đồng lá của chiếc xe bò lộc cộc lăn trên đường đất, dưới các bóng tre, những buổi trưa hè. Người đánh xe như say ngủ không thêm để ý đến mấy đứa trẻ nghịch

ngộ, lâu lâu net roi chót chót vào càng xe. Buổi chiều hoang tịch trên bến nước, khi tiếng cười đùa của mấy đứa trẻ đã tắt, chiếc xe rửa xong ịch ạch không leo nổi dốc chết máy tôi hoang mang lo sợ đêm tối sẽ phủ trùm không trở về kịp nhà. Cây cỏ, đồng bãi, mấy đứa bạn, những người làm xe vui vẻ bỗng trở nên lạ hoặc khiếp đảm. Lúc ấy tôi nhớ chị Lệ, nhớ tiếng cười trêu chọc của chị trong vườn nhà.

Tôi nghĩ chị Lệ, những ngày qua, vẫn lần khuất sau lưng tôi, chị có điều gì muốn nói với tôi. Tôi muốn nhìn thẳng, nhìn rõ chị lần chót trước khi rời khỏi nhà. Tôi chợt bàng hoàng khám phá cái vẻ đẹp kỳ quặc dưới ánh trăng trong vườn đêm trước phẳng phất những nét bí ẩn của Thuận, Thuận. Tôi ngồi lên, cầm bức ảnh của Thuận, quẹt diêm nhìn. Không biết lúc nào, tôi đã mở khung ảnh và để cho ngọn lửa đốt cháy tấm hình. Tôi giật mình khi lửa cháy lém ngón tay, vút tấm ảnh xuống đất. Ngọn lửa bơ vơ hiu hắt tàn dần như một nỗi da diết. Tôi dương mắt ngó đêm tào vật tràn đầy ngoài trời, lắng nghe giấc ngủ của má tôi, tiếng trỏ mình trần trọc của chị Lệ. Con Liễu ngủ mê, giật mình khóc, giọng ru hờ của mẹ nó cất lên. Một lúc nước mắt mệ mội ứa kêu khóc.

Phút ấy khối băng cô độc bỗng tan, đêm xuyên qua thân tôi, dồn vào mọi sự vật hiện hữu còn kéo dài. Tôi cố ngoi lên trên vùng thần trí bị chìm ngập trong sự huyền hoặc của mộng ảo chất chứa những sự thật. Và tiếng khóc, từ lúc nào, bật ra từng nhịp ngắn khẽ. Trong âm thầm tôi lại nghe những hỗn độn xa xa ngoài trí não và thói quen trở lại, tôi gọi nhỏ: Trí, mày không điên đâu. Mày vẫn còn sống đó...

Tôi bỏ ra ngồi trên chiếc đôn sành ngoài hiên trước. Sự chết lặng ở xung quanh và ở trong tôi giữa màu ánh sáng lợt lạt như ánh ngày hoang tịch không còn thời khắc. Rất lâu tôi nghe mơ hồ tiếng nước chảy ngoài lạch thao thức, cây cỏ động đậy như ảo giác vờn múa. Trên mi mắt khô nặng, dấu vết nước mắt hiện xuống những hình bóng nhạt nhòa, bất biến. Không còn gì phải tự dày vò, hành hạ mình, con đường mày đã bước tới, mày phải đi tới cùng. Nơi hẹn ước với đồng bạn mày đã chậm trễ, nhưng rồi cũng phải đến. Chỉ còn Hiệp, Hiệp ở đâu đó, như một thù ghét quyến luyến và thừa sót. Hiệp không để lại một vết tích.

Đêm với màu sáng chìm đắm dần nở theo hơi lạnh và gió không biết đến khi nào sẽ lặn biển. Dường như tôi đã sống những giờ khắc đêm nay một lần y hệt tôi đã sống rồi nhưng không thể nhớ rõ. Tôi quên dần mình, chuyển hóa thành một nỗi trắng bệch như khoảng trời len giữa những gốc cây trong vườn ở ngoài cánh đồng. Tôi rùng mình nhận thức là đã sống hết, sống trọn cả đời mình từ bao lâu nay, mọi giây phút sau sẽ chỉ là sự lặp lại, sự mô phỏng tầm thường của quá khứ. Toàn thân tôi mọc gai khiếp hãi.

Bằng trí tưởng tượng bị thúc quật bởi nỗi đau đón đột ngột, tôi nhìn thấu suốt mọi chuyện đã xảy ra giữa chúng tôi. Tôi nhìn vào tôi như nhìn vào một cơn

mộng. Con mộng triển miên nếu tôi còn thức. Đam mê không phải niềm hy vọng, tôi đã lớn lên trong một nỗi đam mê khốc liệt che cái mặt nạ lãnh đạm dữ dằn, Hiệp đã nói như thế. Nhưng còn Thuận, còn Diệp? Và Hiệp nữa. Anh vẫn còn tồn tại, nhưng đối với tôi anh cũng là kẻ khuất bóng. Sức học nào đã đưa đây cuộc hiện hữu của mấy ngày hợp với tôi thành một Định Mệnh Chung? Cũng vẫn chỉ là những Đam mê cô đơn nên tuyệt vọng. Dưng không trời lên những sự thật. Những khoảng trắng được lấp đầy. Tấn kịch âm vang từng hồi mãnh liệt. Tôi hiểu thấu những điều xảy ra sau lưng tôi.

Đêm vẫn tuôn chảy theo ánh trăng hạ tuần như cơn xuất huyết không cầm giữ được. Mai sáng mờ đất, tôi sẽ lên bỏ đi như tên ăn trộm không dám gặp mặt ai. Tôi cũng sẽ biến mất.

THANH TÂM TUYỀN

(còn tiếp)

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
 Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
 — Hongkong Tananarive — Tamatave Abidjan Douala

Sửa Cho Đúng

- Trong Bách Khoa số 193-194 (số đặc biệt bài Cát Lầy, của Thanh Tâm Tuyền, chúng tôi có đề những lỗi sau đây, mong các bạn sửa giúp :
 - Trang 149, dòng 1, câu : *nồi trên gác phố*, xin sửa là **góc phố** vắng.
 - Dòng 2 : ... **đóm** lửa sáng, xin đọc **đám** lửa sáng.
 - Trang cuối truyện dòng 10, câu : *chị về nhà*, xin đọc : **chị vô nhà**.

DẦU CHÂN SA - MẠC

KHÍ tôi bắt đầu có trí khôn thì trong những khuôn mặt người quen thuộc hoạt động lẫn lộn giữa cái thế giới âm thầm nhỏ bé của tôi, tôi nhận thấy có khuôn mặt của Cô Ba Hường. Nhà cô ở sát vách nhà tôi, ngăn cách bởi một cái bờ thành bằng gạch cao. Dù chưa bao giờ tôi hỏi cha tôi hay một bậc trưởng thượng nào, nhưng tôi chắc chắn bức thành đó là do cô bỏ tiền xây cất lấy. Một công trình kiến trúc như thế thật lạ đối với quê tôi, một làng nghèo nàn mà những hàng rào ngăn cách nhà nọ với nhà kia chỉ là những hàng cây chành rành. Rào qua hai mùa mưa thì cây chành rành đổi sang màu xám xỉn, buồn nản. Những kỳ mưa to gió lớn, từng mảng rào như vậy ngã nghiêng qua quật lại khiến sân nhà nào cũng như rộng thêm ra, sáng sủa hẳn lên. Một số hàng rào khác trồng bằng cây xanh : cây táo non, cây keo, cây lười long. Rào như thế này khỏi tốn tiền mà còn có lợi. Sang tháng Bảy, tháng Tám, để chuẩn bị đón những trận bão, nhà nào cũng lo chặt cây rào. Nhà có thang phải tuần tư cho hàng mười nhà khác mượn, thậm chí phải cho mượn cả rựa nữa. Chen vào giữa tiếng rựa chặt chan chát, tiếng người này nói chuyện với người kia vang lanh lảnh giữa những chạng cây, lưng chừng mái nhà như những con chim trò chuyện. Cả xóm rộn ràng hoạt động hẳn lên. Trẻ con đứng đợi nhặt tổ chim, tổ chào mào tròn trặn như những cái chén, tổ đồng độc méc đong đưa ở những nhánh keo đầy gai. Cây ngã xuống đường, người ta kéo đôn xếp lại, lòi cả sỏi đá làm bụi bay tung. Lũ trẻ reo hò đi theo sau, mừng như đám rước. Đưa thì đội lên đầu một cái tổ đồng độc dài ngoẵng, nhọn hoắt, đưa thì lưng cồng em mà hai bàn chân xỏ vào hai cái tổ đồng độc vừa đi vừa kéo lê lét giả như đi hia. Đó, sinh hoạt của xóm tôi liên quan đến cái hàng rào. Thành ra khi nhìn bờ thành của nhà cô Ba Hường, tôi có cảm tưởng nó là ranh giới cách biệt hẳn chúng

tôi với một xã hội nào khác, với một thế giới nào xa lạ hoàn toàn. Cái bờ thành xây bằng gạch tô vôi chạy thẳng tắp của cô không gây nên một sự sinh hoạt nào hết. Qua nhiều năm tháng gió mưa, nó ngả sang màu xám. Sờ vào thấy nhám tay, cứng lỗ chỗ như đầu đinh. Cái sân rộng cũng tô bằng xi măng. Thật là cả một dinh cơ trong đó ẩn chứa nhiều sự phí phạm rõ ràng. Vì rằng ngoại trừ nhà cô Ba còn thì tất cả mọi cái sân trong xóm đều chỉ là những vuông đất tự nhiên. Muốn làm đẹp, người ta trồng vài bụi dổi mồi, vài chậu hoa xin giống đầu đấy hay đơn giản hơn nữa là những chậu họ, chậu rau húng.

Cô Ba Hường góa chồng hình như đầu vào năm cô mới ba mươi tuổi. Chồng cô là người Hoa kiều, khi chết để lại cho cô nhiều ruộng nương. Cô cho tá điền làm rẽ, đến mùa cầm roi đi coi gặt. Khi lúa phơi khô gió sấy sạch sẽ, nhà rẽ chờ lúa đến nấp. Sóng chờ lúa đậu ở bờ sông, rồi từng người trai lực lưỡng gánh đôi bao đầy ắp no tròn chạy thành thịch vào cồng. Tiếng lúa đổ rào rào trên sân. Bụi bay mù. Nhà rẽ đóng lại từng gia, ống gạt tre gạt phất lên miệng gia cửa lên vỏ lúa nghe gọn, sắc làm rộn cả gáy. Tiếng đếm đồng dục : « một .. hai... ba mươi, .. bốn chín... năm mươi... dạ thưa cô một cò... » rồi đếm trở lại : « một... hai .. » Sáu đám bụi mù, dáng cô Ba Hường đứng chống nạnh đồng dục, quan trọng. Trong những kỷ niệm ngày thơ, tôi thêm thường và kính phục một dáng đứng oai vệ như vậy. Nhà tôi nghèo, lúa lên chỉ vừa đủ ăn. Mỗi lần có hàng bánh bèo, hàng bún, hàng cốm nếp đi qua cất tiếng rao ; « Ai đổi bánh bèo không ? .. Cốm nếp đổi lúa đây .. » mà tôi lật đật chạy vào giục mẹ đem lúa ra đổi thì mẹ tôi gạt ngay :

— Lúa đâu mà đổi ? Mày làm như nhà nhiều lúa lắm.

Thấy tôi tiu nghỉu muốn khóc mẹ tôi đưa tay xoa đầu tôi rồi nói :

— Phải chi nhà mình nhiều lúa như Cô Ba thì mẹ đã đổi cho con ăn.

Cy Ba Hường thật đã tượng trưng cho một nếp sống thông thả phong lưu mà mẹ tôi và tôi đều ao ước. Đã thế, cứ cách vài ngày bên nhà cô có mùi thịt nướng thơm tho đưa sang. Cô ăn thịt nhiều hơn ăn cá ăn rau. Mỗi lần bà hàng thịt đi chợ ghé ngang qua cồng, tôi thấy cô bắt cân hết thịt nạc đến thịt ba chỉ rồi thịt sườn. Lệ ở nhà quê bán thịt có tặng kèm thêm những miếng lòng heo đã luộc chín. Khi nào có tôi đứng đó, cô Ba cũng chọn một miếng gan hoặc một miếng huyết đưa cho. Nhiều khi tôi theo mẹ tôi sang chơi nhà cô, cô cho ăn thả cửa : bánh ít, chuối, măng cầu... Những món ăn thường thường quá ứng hoặc gần thiu. Khi về, mẹ tôi rầy :

— Con đừng tham ăn, xấu lắm, đã dặn nhiều lần, ai cho cũng đừng lấy

Rồi sau đó mẹ nói với cha tôi :

— Cho trẻ con mà cứ cho những bánh gần thiu, chuối sắp ứng.

Cha tôi ung dung cười :

— Chắc cô ta không biết. Ở một mình, mua ăn không hết, thiu ứng không hay.

— Sao lại không biết, không hay. Tại tánh hà tiện.

— Điều đó thì cũng có.

Trong câu chuyện giữa mẹ tôi và cô Ba Hường tôi thường nghe mẹ tôi hỏi :

— Sao cô Ba không bước đi bước nữa ? Nhà cô tòa cao lẫm lẫm mà ở một mình ngó đơn chiếc quá.

Cô Ba trả lời chậm rãi ngập ngừng :

— Bước đi bước nữa thì cũng được, cũng phải phép. Còn ở thế này thì được cái thông thả

— Người ta ai cũng vậy, phàm đũa phải có đôi.

Cô Ba tỏ dáng ít hăng hái bàn đến chuyện lúa đôi. Cô hay nói tới ruộng đất, giá lúa giá nếp cao hay hạ, đập Tam-Giang, đập Đồng Cháy, đập Tấn Lương, đập Giá Dện nước lên xuống mực nào, nước về đồng kịp hay không, mương cái, mương con vét sạch hay bị bep cản... cô nói thông thạo và say mê. Lúa gòn lúa trắng, lúa ba thóc, lúa móng chim, lúa nhe, lúa Đồng Nai... nếp tượng, nếp lùn... đất nào gieo giống nào, mùa nào sạ thứ nào. . miệng cô nói như dẻo quánh lại. Mẹ tôi làm tai nghe. Chỉ có tá điền mới lờ qua tiếng lại với cô khi cô vi phạm vào mục chuyên môn của họ. Do đó cứ năm, mười bữa nửa tháng là nghe bên cô có tiếng cãi to. Cô đàn áp tá điền. Họ chịu nhịn nhưng về nhà cứ làm theo ý họ. Cô đòi ruộng lại. Giăng co. Cô hăm đi kiện. Nài nỉ. Cuối cùng thì cô thắng trận. Vùng tôi ruộng đất ít mà người tá điền đông. Có nhà chiều nịnh cô đưa con gái tới ở eho cô sai vặt.

Năm tôi lên mười thì mẹ tôi qua đời. Cha tôi tính vốn ít nói càng trở nên lảm lì thêm. Ông hay ngồi trầm ngâm hàng giờ ở trên võng, miệng ngậm điếu thuốc lá. Một con mắt nheo lại tránh khói thuốc uốn vòng bay lên. Có khi điếu thuốc cầm nơi tay cháy sém cả ngón tay ông mới chột biết, vội vã ném nhẹ ra sân. Cửa nhà ít khi được ngăn nắp. Chuồng heo không còn vang lên tiếng heo kêu đòi ăn như trước. Nền chuồng đất cứng lại, khô trắng. Qua hai mùa mưa, mái chuồng thủng từng mảng lớn bằng cái bát, bằng cái vung. Cha tôi thuê người dỡ xuống biển chỗ đó thành một khoảng trống làm sáng hẳn căn nhà bếp. Cùng với sự vắng mặt của mẹ tôi, trong nhà, ngoài sân, sau vườn, cũng càng ngày càng vắng thêm. Những bụi sả, bụi ớt ngã xuống mà không được thay thế. Hàng đu đủ trước kia tỏa bóng rợp quanh vại nước nay cứ chia mãi ngọn lên trời, nhọn hoắt cắm vài lá eọc còi. Ánh sáng chói chang thay chỗ cho màu xanh. Sự im vắng nhiều hơn tiếng cười nói.

Bên ngoại tha thiết với cha tôi và tôi hơn bên nội. Cậu Năm cứ mười ngày thì che cái ô đen ghé lại nhà. Nơi cán ô, cậu móc ba thang thuốc Bắc cột ép vào nhau. Cậu làm thầy thuốc. Số thân chủ ít ỏi rải rác quá nên nơi chiếc áo dài xuyến đen có mụn vá. Cậu chỉ rờ đầu tôi mà không bao giờ đưa cho một món quà. Bàn tay rộng quá, chụp gọn cả cái đầu làm tôi có cảm tưởng ấm áp như khi

đôi một cái vỏ bưởi. Tuy vậy tôi vẫn thích cậu cho một quả ổi hay móc túi cho một quả táo. Trong mỗi tháng thuốc đó thế nào cũng có ba quả táo đen. Tôi nghĩ : Đáng lẽ cậu lấy thêm một quả táo ở cái thau của tiệm thuốc chú Năm Ngâu để dành cho mình.

Di Mười lấy chồng xa nên đôi tháng mới ghé thăm một lần. Di giống mẹ tôi từ khuôn mặt đến vóc dáng, đến cả giọng nói. Trong nhà Ngoại chỉ có mẹ tôi và Di là đẹp hơn cả nên Di lấy chồng trước hơn cả di Tám, di Chín. Dương Mười nhà giàu nhưng xấu trai. Cái gì cũng gượng gạo, cứng nhắc nơi gương mặt, nơi cử chỉ của Dương. Cà Lố, — quê Dương, — là một miền xa xôi giáp ranh với các buôn Thượng-du. Nơi đây trẻ con không hề biết xe đạp là cái gì và những bộ ván đặt ở nhà bếp cũng dày đến một tấc, dài đến bốn thước. Thật là giang sơn của danh mộc. Tay chân ngược cứng như thân cây, nét mặt thản nhiên như vỏ cây, dương Mười quả đúng là sản phẩm của miền đất xa xôi này. Ở đây tất cả đều trầm mặc, nghiêm trang. Rừng già màu xanh tối đứng bao vây những sườn núi an phận. Rẫy lúa, rẫy bắp, đất thờ trồng đậu xanh đậu phụng. Con trâu con bò. Suối nước chảy qua khe đá. Con chim hót trên cành. Và linh hồn của cả cái khung cảnh hoang sơ này là một sự im lặng rộng lớn bao trùm từ khoảng cao đến miền xa. Dương Mười ít cười đùa, không biết trả lời những câu nói trên. Chỉ khi nào chạy rượt theo bắt một con bò mộng sừng chuông bỏ chạy hoặc cầm dũa chẻ cả một thân tre dài đánh lạt buộc rào là Dương có giá trị. Rõ ràng là di Mười tôi không sung sướng trong cảnh đi lấy chồng. Di không có tướng mạo của một người cai quản giang san. Di vóc người nhỏ nhắn yếu đuối. Dễ xúc động. Hình như Di có cảm tình với cha tôi nhiều hơn với dương Mười. Có lần tôi nghe Di khóc giữa một câu chuyện trao đổi với cha tôi và chen những tiếng thồn thức tôi nghe được những lời rời rạc của Di :

— Em cực tâm lắm... chán lắm.. chị Tư mất... anh khổ... Phải như em...

Tôi nghĩ rằng phải như Di chưa lấy chồng thì chắc chắn là Di bằng lòng lấy cha tôi

Trái ngược với cậu tôi, bà Ngoại thì chưa thấy mặt đã thấy quà. Chân chưa bước đến cửa ngõ mà miệng đã lanh lảnh cất tiếng gọi :

— Tiến ơi ! Ra lấy gói kẹo đây con.

Có bà đâu là y như có quà và có nước mắt đó. Bà lột vỏ khoai cho tôi, bà bẻ kẹo cho tôi và bà chăm chăm nhìn tôi như nhìn một con chó con. Tôi quàng tay ngang bụng bà, miệng nhai nhách nhách cả buổi và chỉ dừng lại khi nghe bà xì mũi. Ngẩng mặt nhìn lên thấy nước mắt bà chảy ràn rụa, tôi hỏi những câu thật ngu :

— Sao bà khóc vậy bà ? Ai làm bà khóc vậy bà ?

Bà thường không trả lời mà chỉ xuống hôn tôi, nước mắt dây ra cả mặt.

Đoạn tang mẹ tôi xong, những người quen thúc cha tôi lấy vợ kế. Cha tôi

thường âm ừ dường như chưa chọn được đám nào Bà Ngoại thì thỉnh thoảng cách tháng mới ghé và mỗi lần ghé đều ở không lâu. Bà moi tất cả quần áo của tôi ra kiểm soát. Những áo quần nào đứt nút, rách... bà để riêng rồi lấy rồ khâu của mẹ tôi rút kim chỉ ra ngồi vá, đính nút. Tôi hay ngồi bên cạnh xỏ kim cho Ngoại. Lâu lâu tôi thấy nước mắt Ngoại rớt trên mụn vải đang vá. Tôi nói :

— Bà Ngoại đừng khóc chớ. Ướt cái áo của con.

Ngoại ngừng mặt lên, đôi mắt đỏ và ướt đầm đìa nước mắt. Ngoại nói :

— Cha con mày có muốn ở thế này cũng không được. Phải như mày là con gái thì còn giúp đỡ được việc nhà cho cha mày. Con trai phải đi học.

Tôi thích làm con gái để được « ở thế này » như lời Ngoại nói. Chắc đó là điều Ngoại mong ước.

Có một hôm chú Giáo, — một người bạn thân của cha tôi, — thân mật nói giữa câu chuyện :

— Hay là anh đi hỏi cô Ba Hường đi. Trai góa vợ, gái góa chồng rồ rách cặp vành, chọn lựa chi lắm.

Tôi đưa mắt nhìn ý kiến của cha tôi, nhưng tôi thấy ông chỉ mỉm cười. Dầu vậy, câu nói của chú Giáo in sâu vào óc tôi và từ đó tôi lưu ý đến sự giao thiệp giữa cô Ba và cha tôi nhiều hơn. Tôi thấy rằng từ ngày đoạn tang mẹ tôi, hiển nhiên là cô tỏ ý thương tôi nhiều hơn trước. Chuối cô bẻ cho đều chín chứ không còn mang vài vết bầm đen nữa. Mãng cầu thì lành lặn chứ không nứt nẻ chảy tươm mật ra nữa. Có lần cha tôi bị cảm tôi lục tìm lọ dầu mà không biết lộn ở đâu, nhà đàn ông góa vợ bao giờ cũng bẽ bộn, thì có tiếng cô Ba gọi tên tôi ở từ bờ thành :

— Tiến ơi.

Tôi « Dạ » chạy lại thì thấy cô giơ cao lọ dầu Nhị thiên đưa qua bờ thành :

— Đem về xoa lên màng tang cho cha. Chấm vào đầu ngón tay rồi xoa dọc theo xương sống.

Tôi « Dạ », cầm lấy lọ dầu xoay lưng bước đi. Thì có tiếng cô dặn với theo :

— Xoa xong con nhớ đập nút lại kẻo đổ

Lạ nhỉ, sao cô biết là cha tôi đau và tôi đang lục tìm lọ dầu ? Ở nhà tôi ai cũng ít nói. Con nhỏ ở suýt soát bằng tuổi tôi và vốn là con của một người có họ xa ở mãi chợ Đồn chợ Thứ, cha tôi đi hàng nửa ngày đường mới dặt về được thì nó còn ít nói hơn cả chúng tôi. Nó chỉ biết nấu cơm, kho cá, luộc rau và ngủ gục bên cạnh ông Táo. Kho cá thì mặn như kho nước mắm tiêu để nuôi đàn bà đẻ. Luộc rau thì nửa xanh nửa đen. Cô Ba không tỏ ra có cảm tình với con nhỏ này. Có lẽ vì con gái hay dòm ngó và bép xép. Mãi sau đó khi thấy nó có mặt cũng như không, ngồi đâu là ngồi lăm li khiến người ta có thể lăm lăm nó với cái cối giã hay

quả bí đao thì cô mới tỏ lòng chiều cố nó. Cô lột những quả chuối sắp úng và những cái bánh ít gần thiu cho nó.

Từ lọ dầu nhỏ nhất để trao đổi cho mượn qua lại, có lần cô Ba gọi tôi đưa một nải chuối tiêu. Ở miền tôi chuối tiêu quý lắm, quả dài và mảnh uốn cong vuốt xếp sát vào nhau nằm dài các như những ngón tay của một cô công chúa. Cô Ba nói :

— Con đem nải chuối này về cho cha. Thừa với cha : chuối tiêu ăn hiền.

Cha tôi nhận mà có vẻ miễn cưỡng. Tuy nhiên cái gì rồi cũng quen đi, việc biếu xén trao qua trả lại diễn tiến mỗi ngày một thêm đều đặn êm đềm hơn. Nhưng nhất định là tôi chưa hề thấy cha tôi bước qua ngõ nhà cô Ba. Cha tôi không hẳn là một nhà Nho nhưng ông có cái khí tiết nho sĩ có lẽ do ở bẩm sinh. Học chữ Nho năm, bảy năm gì đó rồi chuyển sang học Quốc ngữ và chữ Pháp. Được vài năm rồi bỏ. Khi tôi lớn, thỉnh thoảng nghe ông nhắc lại vài câu chữ Pháp học hồi xưa. Chẳng hạn :

Le boeuf a une boss sur le dos.

Je vais avec ma mère à la mare du village.

Hai mươi năm, ba, bốn mươi năm sau, khi có dịp nhắc lại ngày đi học thuở nhỏ, ông đều đọc y nguyên mấy câu trên. Làm như bao nhiêu kiến thức về Pháp ngữ đã thu tóm lại để kết tinh thành mấy câu đó.

Chú Giáo lâu lâu lại nhắc :

— Sao ? Anh đi cưới cô Ba Hương chớ còn đợi gì nữa ?

Cha tôi chịu chuyện niềm nở hơn trước, đưa ra những thắc mắc rụt rè :

— Nhà mình nghèo hơn. Nghĩ có bất tiện...

— Cũng chẳng giàu nghèo hơn thua gì bao nhiêu.

— Sao lại chẳng bao nhiêu ? Đàn ông giàu dung thứ được vợ nghèo. Đàn bà giàu thì không.

Mỗi cảm tình của cha tôi đối cô Ba cứ lững chững như thế, như một người đi phải chống gậy. Cho đến một hôm vô tình mà cha tôi và tôi nghe lọt một câu chuyện ở bên kia nhà cô Ba. Hôm ấy tôi theo ngồi cạnh cha tôi để moi lỗ trồng những cây cà chua ở ven rào. Bên kia bờ thành tiếng cô Ba đặc biệt có giọng nói rất đĩnh đạc rõ ràng. Chẳng biết đó là do thói quen hách dịch của người giàu có hay là biểu hiệu của một tướng người đàn bà cô độc. Khách là ông hương kiêm Mót. Khi nhà nước triều đại Pétain phát triển phong trào thanh niên thể thao Ducoroy lập sân vận động An Thổ, hương kiêm Mót có lạc quyền năm mươi đồng và được thưởng làm Phó tổng dụng. Nhưng dân xóm không mấy ai chịu gọi là ông Phó. Khi vắng mặt ông, họ vẫn gọi xách mé là hương kiêm Mót. Chỉ vì ông xuất thân làm nghề thiến heo, dốt đến nỗi cầm cái bút tập viết bốn chữ « Nguyễn

Một tự ký» mà tay cứ run khựng lên, tập cả tháng mà cầm bút cũng chưa vững. Đã thế, « Một » là một chữ Nôm, cách viết rườm rà phức tạp hơn chữ Hán nên người bà con đổi họ tên ông lại là Nguyễn Thủ bởi chữ Thủ viết đơn giản chỉ gồm ba nét ngang và một cái sỏ móc câu. Sống trong thời đại không cần lập giấy khai sinh, cuộc đời thật đơn giản dễ chịu, muốn thay đổi tên họ thêm bớt tuổi tác gì tùy ý.

Câu chuyện lọt vào tai cha tôi nhằm vào đoạn hương kiềm Một nói về một nhân vật nào đó. Giọng ông ta nhỏ trở lại đề tăng thêm không khí tâm sự thân mật. Tôi chỉ nghe lỏng lỏng từng đoạn.

— . . . làm việc ở Huyện . . . về hưu . . . giàu . . . con lớn hết rồi . . . bao chiếm cái đầm lác ở Hội ohú...

Tiếng cô Ba vang lên rõ ràng :

— Chuyện đó tôi có nghe. Cái đầm lác của làng Diêm-Điền chớ không phải của làng Hội Phú. Nhưng mà giấy tờ không phân minh. Ông ta làm lại mục ở Huyện biết rõ tình lý nên đứng giấy xin khản. Nhà nước chiếu y phép tắc, cấp giấy cho khai khản. Bây giờ ông ta mượn đắp bờ ngăn từng khoảnh, đặt cống tháo nước và cấy được ba gia giống rồi.

— Dạ đúng đó... (tiếng nói hạ thấp xuống)... tánh tình tử-tế bình-dân... thương con nhà nghèo... dòng dõi làm quan to ngoài Huế...

— Chỗ đó sau này thành ruộng thuộc cấy nếp gòn thì phải thế lắm. Cấy lúa sợ bị rùm... Mấy lần lên hầu quan tôi có gặp thầy lại đó. Tưởng người thanh cảnh.

— Dạ...

Tiếng hương-kiềm nhỏ hẳn lại, tôi không nghe rõ. Chợt cô Ba cất tiếng cười :

— Đâu có. Người ta ở không vui miệng đồn chơi...

— Dạ. Cô nghĩ thế là phải. Nhà ông Học Mười nghèo (Học là tên người ta dùng để chỉ cha tôi). Thầy lại người quí phái...

Tiếng nói lại nhỏ trở lại. Một lát có tiếng cười dài của cô Ba và hương kiềm Một trộn lẫn vào nhau.

Cha tôi cầm cái xuồng nhỏ đang cầm trên tay xuống đất, đứng dậy. Tôi nhìn lên gương mặt thấy nghiêm trang. Ông nói nhỏ, giọng hơi run :

— Còn mấy cây, con trồng tiếp đi. Cha vô nhà lấy cái này.

Tối đó cha tôi ăn ít và sai con nhỏ ở đóng cổng sớm. Ông thấp nhiều nén hương trên bàn thờ mẹ tôi và chong đèn thật khuya. Nằm trên bộ ván, tôi chập chờn đi vào giấc ngủ với trước mắt một khoảng tối rung rinh do bóng ông in hắt lên vách. Một vài ngày sau, ông gọi riêng tôi dặn :

— Con đừng nhảy qua bên nhà cô Ba Hương nữa. Không được nhận bánh kẹo gì của cô hết.

Tôi vâng dạ và làm y theo lời. Mấy lần có tiếng cô gọi inh ỏi «Tiến ơi! Tiến ơi! Ra lấy cái này» nhưng tôi nín thình chạy nấp ở trong kẹt cửa. Sau đó cha tôi hay vác dù ra đi, có khi đi cả buổi, có khi đi cả ngày. Và hai tháng sau cha tôi cưới Di tôi.

Di tôi mới hai mươi tuổi, thua cha tôi đến mười bốn tuổi. Quê Di ở mãi Triều Sơn, hồi giờ chưa ai biết mặt nên hôm rước dâu cả xóm ồ ạt tới coi mặt. Đàn bà háo hức hơn hết.

Ý chừng họ trông mong được thấy một con mụn da-xoa để cho thỏa lòng tự-ái và ganh tị. Tiếc thay Di tôi lại xinh-xắn, có điều là con gái miền biển nên nước da không được trắng lắm. Mấy bà có tuổi khen ngay trước mặt cô dâu :

— Mặt mày sáng suả. Ông Học Mười cũng khéo kén chọn.

— Ờ, con người cao ráo dễ thương. Dâu có thua mẹ thằng Tiến.

Những cô con gái hà-tiện lời khen hơn :

— Ngó cũng được.

— Nước da không được trắng.

— Cái áo dài hồ-thủy may vụng. Tà không úp.

Hôm đám cưới tấp nập bên nhà tôi, dường như bên cô Ba không thắp đèn. Trước hàng hiên nhà cô là một dãy lan can, thường thường tối nào chong đèn là đứng ngoài thấy rõ bộ ván gỗ nơi cô hay ngồi tằm trà, cái bàn thờ ở giữa và hai bồ lúa lớn quây chồng lên nhau. Thế mà đêm nay nhìn sang tôi thấy nhà cô chỉ còn là một khối bóng đen đặt sệt.

Sự đoạn-tuyệt giữa cha tôi và cô Ba Hương tôi tin chắc là do hôm trông cả cha tôi nghe được câu chuyện trao đổi giữa cô và hương-kiếm Mót. Cố-nhiên là cha tôi giàu hay nghèo không phải đợi đến hôm đó hương Kiếm Mót có nói ra cô mới biết. Cô tỏ cảm-tình với cha tôi tức là cô đã cân nhắc rồi. Nhưng sao đã cân nhắc, đã chấp nhận mà khi hương Kiếm Mót nói chạm đến cha tôi cô không lên tiếng bênh vực mà lại chỉ cười đồng-tình và đồng loã.

Sau khi cha tôi lấy vợ, nét mặt cô Ba Hương chừng như già đi. Cũng vẫn khuôn mặt đó không gầy ốm suy hao gì nhưng mà nhìn lên thấy mất đi cái phần tinh anh rạng rỡ, như một tấm gương đã mờ mờ nước thủy. Tuy vậy cô vẫn không chệnh mảng trong việc trang-điểm ăn mặc. Chân tóc trên trán chạy theo một đường cong đều đặn, bao nhiêu tóc con đều bị nhổ sạch. Ngoại trừ mấy bà quý-phái ở thành-thị còn thì chỉ có vợ Huê-kiều và đi mới cạo gọt cho chân tóc thẳng hàng như một đường kẻ như vậy. Cái trán nào cũng trở thành cao lên do ranh giới của tóc mỗi ngày một bị đẩy lui. Đôi lông mày có vết nhíp nhỏ, Môi

đỏ màu nước cốt trầu. Nước cốt trầu có khi đóng đen cả vành môi, tôi nghĩ rằng cô phải năng mượn miếng trầu để giết nỗi cô-đơn. Mỗi khi đi đâu, cô đều cầm gọn trong tay cái hộp trầu bằng thiếc trắng. Nó nguyên là cái hộp đựng xà phòng thơm. Cầm hộp trầu, đó là một sự sang trọng. Xung quanh tôi, bà Xà, bà Hương đều bỏ trầu cau rẽ thuốc trong cái khăn xéo, cuốn lại, cột khăn một vòng, rồi khi đi đâu dắt vào lưng quần' bên hông. Cái áo dài mặc phủ ra ngoài. Do cái khăn xéo trầu, do cái túi áo đựng đủ trăm thứ mà thân hình bà nào cũng nong ra ở khoảng giữa. Cô Ba thường mặc áo dài tơ thượng-hải màu xanh lục hay màu nâu non và quần lục-soạn trắng. Đi dép-da. Trong khi mọi người đàn ông và đàn bà đều rập khuôn như nhau trong cái áo dài đen không-thay-thế-được, bóng dáng cô tách hẳn ra ngoài, sáng hơn, mát hơn như một đóa hoa lưu-ly vượt qua lùm cỏ tối, mở tung cánh trắng làm sáng rõ một vùng. Tiếng dép đập chanh chách dưới gót chân.

Ông Lại-mục về hưu có ghé lại nhà cô năm, bảy lần. Đó là một người đàn ông mặt xương xương, cạo gọt nhẵn nhụi. Đôi vai ngang và mỏng trông như cái thẻ ngà. Lúc nào cũng đội khăn xếp mặc áo the đen và đi giày hạ. Cái ô đen cán quang dầu giương ra tròn trặn khác xa với những cái dù đen khác cán mây và mỏng trệt. Ông đi từng bước ngắn, thận trọng, tính toán. Thật là một phong cách quý phái dịu dàng, khác xa hẳn với lẽ lối thô lỗ của người vùng tôi. Thuốc á hút không phải tự tay xé giấy quuyến vẫn lấy mà đã có người nhà vẫn sẵn xếp thứ tự trong một cái hộp bạc giẹp ông bỏ theo túi áo ngực. Người quê tôi gọi đó là thuốc sòì. Cô Ba tiếp đãi trọng thể ở gian nhà trong, nơi có nhiều bóng tối âm u và sự trang nghiêm. Ít ai được đi lọt vào gian này, chỗ cô thờ phụng và kê cái tủ đề tiền bạc. Có lần tôi đi vào đây, sợ hãi nhìn lên cái trang lớn nơi cô thờ ông Quan Công, khiếp đảm nhìn mặt Châu Xương có vằn đen như cọp (thứ thật là lúc ấy tôi chưa thấy con cọp) đôi mắt mở trợn trừng. Cô không dám gọi là ông Quan Công ông Quan Thánh mà chỉ gọi là « Ông », thờ Ông, vía Ông. Sự cung kính có pha chút ít thân tình, tôi nghĩ. Vì thần thánh trở thành một vị tổ tiên của gia đình, phù trì giúp đỡ.

Nội dung sự giao tế giữa cô Ba và ông Lại-mục diễn biến ra sao, tôi không được rõ. Căn cứ theo lời đồn đãi của người trong xóm thì tình hình rất đổi bi quan. Họ bảo cô Ba bị mắc bọm. Ông Lại-mục có vợ ở Huế. Nhà không quý phái quan quyền gì hết theo như lời hương kiêu Mót tán tụng. Bà vợ cờ bạc đông dài và mê đồng bóng, nhất định không chịu theo ông về cái huyện nhiễm sốt rét rừng này. Bao nhiêu lương tiền ông phải gửi về cung phụng cho vợ. Nhà vợ mới là nhà quan. Ông xuất thân thợ lại tầm thường chỉ nhờ tài điểm miệng mà dụ dỗ con quan làm cho có mang rồi mới được gả. Nhà vợ phải lo lót cát nhắc cho ông. Về hưu, nhà nghèo, ông tìm kế xoay xở bằng cách xin khăn cái đầm lác. Nhưng lấy tiền đâu mà khai khăn? Bọn thầy cò, thập việc, linh lệ, tổng lý sưu tầm một danh sách đàn bà góa có tiền để ông chọn. Cân nhắc nhân dạng, tình hình địa lý thuận

tiện, ông chọn cô Ba Hương. Thầy cò xã Tám được ủy nhiệm bố trí. Xã Tám sai hương kiêm Mót đi nhật tin và thả quả bóng thăm dò. Đáng lẽ theo kế hoạch của xã Tám thì công việc phải tiến hành hết sức chậm rãi bởi cô Ba có tiếng là khôn, «khôn nẻ vỏ». Xã Tám định phải nhiều lần lẩy cớ nọ đến nhà để du thuyết. Không ngờ công việc thành tựu mau quá, đốt mấy giai đoạn. Lý do ít ai biết, nhưng tôi thì quyết chắc là bởi cha tôi lấy vợ.

Ông Lại mục có nghỉ đêm ở nhà cô Ba một lần. Ông ghé lại vào khoảng chín giờ tối. Cô Ba trải chiếu lên bộ ván trước hàng ba, mang gối tai bèo, gối dài và mền dạ để cho khách nghỉ. Rồi cô rút vào nhà giữa, cài cửa cẩn thận. Lệ nhà giàu ở nhà quê cất nhà hay chia ra ngăn trước mặt chạy dài theo mái hiên để tiếp khách gọi là hàng ba. Hàng ba mở ra hiên bằng một hàng song can. Khách nghỉ lại thì nằm ở hàng ba, chủ nhà có thể rút vào trong có cửa nẻo cài kín, ngăn cách. Nửa khuya tôi chợt dậy bởi tiếng chó đủ loại của bên nhà cô sữa inh ỏi. Nhà đàn bà góa phải nuôi chó dữ, cái đó đã đành. Riêng cô Ba thì cô nuôi quá nhiều, một bầy có đến năm, sáu con mà mỗi con mỗi loại. Nhưng tất cả đều là chó cái có con lùn tịt lông trắng vá nâu, đầu to mặt gầy trông như cái mặt thẳng lùn rạp xiếc sinh non tháng. Đó, theo lời cô, là con chó Nhật. Có con mình dài, chân cao, bụng thon loại «chó Tây». Chó ta thì có cả vàng, vện, mực. Cả bầy chó đó sữa lẫn lộn, tiếng ông ồng của con chó Tây tiếng tru của con Vện già, tiếng chóc chóc của con Vàng con Mực và đặc biệt có tiếng léo néo như thở than của con chó Nhật. Có ánh đèn chói, tôi ngồi dậy đưa mắt qua khung cửa sổ, cái cửa sổ cao nơi đầu giường ngủ của tôi mở thẳng nhìn sang mặt nhà cô. Một quang cảnh lạ lùng hiện ra làm tôi ngỡ ngàng. Cô Ba cầm cái đèn bạch nhĩ trên tay. Chiếc áo cánh lụa bị xé toạc để hở nửa vú. Tóc rơi tung khiến dưới ánh đèn mặt cô trông khác hẳn đi. Cái cổ trắng, cái ngực trắng, một khuôn mặt có từng mảng bóng tối lấp vào những chỗ trũng làm nổi bật vành môi, sống mũi, gò má. Tôi thấy cô đẹp hơn hẳn những lúc cô dài các dưới màu áo tơ Thượng hải đắt tiền. Áo quần che đậy kỹ quá cũng làm lu mờ đi sức hấp dẫn của một cơ thể. Tay trái cô cầm một cây song gài cửa dựng đứng, lúc mới nhìn vào tôi tưởng đó là bóng đen của một cây song can do ánh đèn phản chiếu. Trước mặt cô, ông Lại mục mặc áo vạt hò. Tóc rơi lòa xòa. Trước trán, một đường máu rỉ rả chảy khiến ông đưa tay từng chập lên vai. Tiếng cô Ba cố hết sức nói cho nhỏ nhưng ép một lúc thì nó rồn rảng trở lại :

— thầy là người chức tước mà thầy làm vậy. Tôi kính nể thầy, tiếp đãi trọng vọng, chiếu dài gối cao... Nhà tôi đàn bà góa, nhĩ mục quan chiêm... xóm diềng người ta biết thì còn gì danh giá của tôi....

Sự giận dữ và sợ hãi làm giọng cô hần hần đứt quãng nhưng từng lúc cô cũng gắng chêm vào câu nói những thành ngữ, những chữ Nho hoa hoè. Nào là «trong nhà chưa biết, ngoài ngõ đã hay...» nào là «dạ gian vô cố nhập nhân gia...» Chắc nhờ trải qua một thời gian góa bụa dài cô mới có đủ thì giờ sưu tầm được một mớ dụng ngữ phong phú nói đến thân phận của mình. Ông Lại mục thì cứ im miệng đứng đó, chốc chốc đưa tay chạm vào vết thương nơi trán. Con buồn ngủ diu tôi lên giường để mặc cho hai người kết thúc cuộc đàm thoại.

Sau đêm hôm đó, ông Lại-mục không lai vãng đến nhà cô Ba nữa. Cả con đường này cũng không thấy dáng ông đi qua. Muốn đi về Huyện, ông phải theo ngã Bình chánh men theo con đường tỉnh bộ, tuy phải chịu đi xa hơn và con đường nắng chang chang không có bóng cây. Không biết xuất phát từ cửa miệng nào trước mà mới hai ngày sau, người trong xóm đã chuyển tai nhau câu chuyện ông Lại mục bị cô Ba đánh toét đầu. Thật đúng là tai vách mạch rừng. Tôi chắc tin đó phải do ông Thủ Phò người láng giềng bên tay trái của cô phát đi. Thành ra tôi tuy bất ngờ có được chứng kiến tận mắt nhưng những chi tiết ly kỳ thì phải nghe từ miệng của những người ở xa nhà cô Ba nhất, ở tận mãi cuối xóm.

— Lão đó muốn bòn rút của. Nhưng lật đật mà hư việc. Cá mới người mồi mà đã muốn bắt bỏ giỏ rồi.

— Chưa cưới hỏi, chưa ăn năm mà đã hỏi vay tiền khai khẩn đầm lác thì ai không nghi ? Cô Ba khôn từ trong trứng khôn ra, đâu có dễ bị lừa.

— Làm sao biết đã ăn năm hay chưa ? Nghe nói đêm nào cũng ghim sòng câu ở bờ sông rồi chín giờ khuya thì bò lên.

— Lão này mở ba mặt trận một lúc. Cô Ba ở đây, bà Xã Bảy Hà, bằng, bà Phó Trạ ở Quán-cau. Bà nào cũng góa cũng giàu. Cô Ba nổi ghen. Nghe nói bữa đó bị đánh nặng quá phải có người nhà khiêng xuống sông.

— Cầm dao mà chém xối xả vào mặt vào mũi con người ta, kể thật cũng dạn đó. Nữ kê tác quái, thời bây giờ gà mái lộng quyền.

(còn tiếp 1 kỳ)

VÕ-HỒNG



PHI-CƠ PHẤN-LỰC

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON.HONGKONG
SAIGON.PHNOMPENH.BANGKOK

}

3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*

PHI-CƠ PHẤN-LỰC TRĂNG-LỆ NHỨT THỦ-GIỚI

- ★ NHANH-CHÓNG
- ★ ỀM-ÁI
- ★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**

Sách của nhà xuất bản Sáng Tạo

Doãn Quốc Sỹ : Ba Sinh Hương Lửa 80đ — Dừng Sông Định Mệnh 40đ
 Trái Cây Đau Khổ 40đ — Gìn Vàng Giữ Ngọc 44đ — Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ
 Tuyến 110đ — **Nguyễn Sỹ Tế** : Chờ Sáng (Hết) — **Tuệ Mai Trần Gia Thơ**
 Tuệ Mai 50đ — Không Bờ Bến 40đ — **Mai Thảo** : bản Chúc Thư Trên Ngọn
 Đỉnh Trời 50đ — **Thanh Tâm Tuyền** : Khuôn Mặt 40đ — Mặt Trời Tìm Thấy 50đ
Duy Thanh : Lớp Gió 52đ — **Minh Đức Hoài Trinh** : Bơ Vơ 52đ — Hân 44đ
 Mơ 30đ.

Mới cho phát hành vào dịp xuân Ất Tỵ

U Hoài tập truyện của Doãn Quốc Sỹ xuất bản lần thứ hai 40đ.

Thư Sinh kịch thơ của Minh Đức Hoài Trinh 40đ.

Đôi Cánh Gây Của Thiên Thần Tập truyện của Vĩnh Lạc 42đ.

Các bạn ở xa có thể viết thư về cho nhà xuất bản Sáng Tạo 133 Võ Tánh Saigon
 hay cho Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Cholon các bạn sẽ nhận được sách gửi
 bảo đảm tận nhà.

● Một thiên tư-sự kể sống động,
 sôi sục, rít bỏng của

**THẾ PHONG • NHÀ VĂN
 TÁC PHẨM • CUỘC ĐỜI**

liên hệ đến những ai : nhà văn, chính trị
 gia, đàn bà, bạn hữu, kẻ thù nào .. của
 bình diện văn nghệ Việt Nam trong mười
 năm qua,

ĐẠI NAM VĂN HIẾN hộp thư 1123
 SAIGON. Sách in có hạn. Xi, liên lạc với
 ông Đỗ Mạnh Tường

CÁC BẠN YÊU THƠ TÌM ĐỌC

tập tuyển **THƠ' DU - TỬ - LÊ**

THẾ PHONG vào đề — VƯƠNG
 TÂN đề bạt — NGHIÊU ĐỀ vẽ bìa
 HIẾU ĐỆ - HUY TƯỜNG phụ bản

GIÁ 48đ.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẺM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

5, Đường Nguyễn-Sĩly — Téléphone 20.823 — SAIGON

TỔ KIẾN

ANH Hy ơi, Anh Hy bắt kiến cho em đi.

Huân ríu rít chạy đến khi vừa trông thấy tôi ngồi ở bàn. Mẹ tôi đuổi Huân xuống nhà dưới :

— Xuống nhà cho anh mày học. Kiến ở đâu mà bắt với bớ.

Em tôi dẫu mỏ :

— Kiến ở trên trần ý. Hhiều lắm cơ.

— Làm gì có kiến ở trên trần ?

Huân vừa bước xuống nhà dưới, vừa quay lại nói với mẹ tôi :

— Có. Chị Hai bảo có một tổ kiến ở trên trần ý. To là to, Huân dơ tay chỉ lên chỗ có một khoản trống trên trần, nơi chị Hai thường bắt thang leo lên cất một vài thứ không dùng đến nữa. Giống như một cái gác lửng, những tấm gỗ đặt khít nhau trên mấy đà ngang ấy đã có công dụng của một cái trần, lại còn là nơi để chất một vài thứ đồ không dùng đến — những món đồ bỏ thì thương vương thì tội — Dần dần trên ấy đồ đạc càng đầy lên mãi và nó đã trở thành một kho tàng. Tôi gọi là « kho tàng trên không » cho đúng với vị trí lơ lửng của nó. Sự thật đây là một kho tàng « vô giá » vì người ta không thể đánh giá nó bằng bao nhiêu cả. Nhưng mẹ tôi lại cho rằng nó có giá trị. Vì thế, dù kho đã nặng, những đồ vật chẳng bao giờ có hy vọng được đem xuống dùng lại, mẹ tôi không chịu vứt bớt đi. Tôi dọa « nếu nặng quá nó sụp xuống thì chết » Mẹ tôi có vẻ lo ngại. Nhưng cứ mỗi lần thêm một vật bị loại bỏ trong gia đình, bà lại thấy tiếc. Và ... những món đồ vứt đi vẫn tiếp tục được giao cho chị Hai giữ phận sự chuyên chở lên chiếc kho tàng. Phương tiện chuyên chở là một chiếc thang gỗ ọp ẹp.

Em Hiệp tôi đã đi giỏi. Chiếc xe tập đi đã gãy mất cái tay vịn, chỉ còn dùng làm gì. Chị Hai lại nhận công tác chuyên chở lên kho tàng. Khi thấy, mẹ tôi

cười bảo « cái này cũng nhẹ thôi, chả sao ». Sự thật thì dù cái xe có nặng đến đâu cũng vẫn còn nhẹ hơn cái tinh cần kiếm của bà.

Khi thi hành công tác mới, chị Hai đã khám phá ra cái tồ kiến trên « kho tàng ». Chị hai thấy Huân thích chơi kiến, muốn bắt cho Huân những con kiến thật vàng, thật đẹp, để Huân có thể bỏ vào những chiếc hộp trong suốt đựng thuốc đã được bỏ đi, mà ngắm nhìn. Nhưng chị lại sợ kiến đốt. Chị sợ những mụn đỏ con kiến có thể để lại trên da thịt làm cho chị ngứa ngáy khó chịu. Chị muốn chiều Huân mà chẳng được. Chị chỉ có thể chỉ cho Huân những con kiến thật lớn mà không dám bắt. Huân thì Huân chẳng sợ. Huân có thể bắt kiến bằng một miếng giấy đặt đón đầu cho kiến bò lên rồi gạt vào hộp. Nhưng thường Huân vẫn phải nhờ đến tôi trong công việc săn đuổi lưng bắt ấy. Huân mê những con kiến vàng, kiến đen vừa to vừa bóng nhẫy. Nó có thể ngồi hàng giờ trên thềm cửa, tay chống dưới cằm, ngắm nhìn những con kiến chúa đi giữa bầy kiến con mà không chán. Anh chàng kiến lửa, thân vàng óng, bụng thắt lưng ong, đầu tròn, dờ hai râu nhọn, chạy đi chạy lại trong hộp, Huân ví với ông vua trong triều dù chưa bao giờ Huân tưởng tượng được hình dáng một ông vua thế nào ?

Tôi biết chừng nào tôi còn ngồi ở bàn với quyển sách thì em Huân còn ấy này không yên. Và bây giờ, nếu có bắt Huân làm cả năm bài tính một lúc thì mới bắt kiến, chắc Huân cũng vui vẻ chịu ngay : Nghĩ thế, tôi thấy thương em Huân. Tôi bỏ sách vở, đứng dậy chạy ra sân. Tiếng em Huân reo lên :

— A anh Hy. Anh bắt kiến cho em nhé. Có một tồ kiến to tướng cô lô ở trên trần ý. Anh Hy nhé.

Bà tôi, đang ngồi niệm Phật trong buồng, nói vọng ra :

— Đề kệ nó. Ai chả có nhà có nhà cửa, có sinh sống. Đang tự nhiên có ai đến bắt chúng mày đi chúng mày có chịu được không ? Bà bảo được là không được. Rồi phải tội lỗi con người ra đấy.

Em Huân cụt hứng. Câu nói của bà tôi làm cho mặt em xiu xuống như trái bóng đỏ của bé Hiệp hôm qua bị xì hơi : Huân nhìn tôi thất vọng. Tôi đành an ủi một câu nhỏ vào tai em :

— Đề vài hôm nữa bà quên rồi anh lên bắt cho.

Huân vẫn còn phụng phịu. Em nói như tiếc rẻ :

— Kiến làm tồ trên cao thế chắc phải... sang lắm anh nhỉ ?

— Yên chí, rồi anh sẽ bắt cho. Nhưng phải bí mật nhé !

— Thật nhé !

— Sao lại không !

Bữa cơm trưa, Huân cứ liếc nhìn tôi như nhắc nhở cái âm mưu đã dự định. Tôi cũng nhìn em mỉm cười. Chị Lệ trông thấy, hỏi :

— Hai đứa bay âm mưu gì mà có vẻ bí mật thế ?

Mẹ tôi, như chợt nhớ ra điều gì, quay sang thầy tôi :

— Cậu thử hỏi thằng Hy xem hồi này nó làm gì mà đi suốt ngày suốt đêm thời buổi này sống yên thân còn khó. Cậu không khuyên bảo rồi nhớ ra thì khờ...

Thầy tôi gạt ngay đi :

— Nó mà làm được gì. Mợ không hiểu con mợ hay sao ?

Câu nói của thầy tôi không làm tôi buồn. Trong gia đình, tôi sống như một người xa lạ. Tôi chọn tôi một khoảng riêng biệt và giam mình trong đó. Thầy tôi vẫn tưởng ông là người hiểu tôi hơn cả. Ông không tin tôi có thể làm nổi một việc nào, khi mà chính việc học hành còn chả ra gì. Tôi không thích tâm sự với ai, nhất là với những người thân trong gia đình. Cái khoảng cách vì thế càng lớn rộng hơn lên. Tôi chấp nhận nó như chấp nhận một bức tường kiên cố bảo vệ mình trong ấy để có thể tự quyết định lấy cuộc đời. Mọi ảnh hưởng bên ngoài được coi như một cuộc xâm lăng vô ý thức.

Tôi không quan tâm đến câu nói của thầy tôi. Nhưng sự đề ý của mẹ tôi chợt khuấy động tâm chí tôi và đưa tôi vào nỗi băn khoăn khó chịu. Tôi đã hiểu công việc tôi đang theo đuổi không những có thể làm tôi khờ mà còn gây sự lo lắng buồn phiền cho cả nhà. Tôi không muốn ai phải lo lắng về tôi, nhưng cũng không thể bỏ công việc dang dở. Tại sao những sợi dây tình cảm cứ trói buộc người ta vào những băn khoăn vơ vẩn ấy ? Tôi ao ước có thêm gạch ngói để xây cao bức tường ngăn cách, cho tôi được thanh thoi trong ý định. Sự thật thì dù có xa cách đến đâu, người ta cũng vẫn nhìn thấy nhau. Tôi vẫn nhìn thấy những người thân và người cũng đang nhìn vào tôi như những mũi nhọn đâm vào từ mọi phía. Tôi buông đứa đứng dậy.

Ra đến sân, tôi thấy thoải mái hơn. Chiếc khăn mặt ướt cho một cảm giác tỉnh táo dễ chịu. Trên không, vài giải mây mỏng dừng lại, bay đi, không để lại vết tích. Tôi mơ hồ nghĩ đến một cái gì có liên quan đến sự sống, sự chết, đến niềm thương, nỗi giận, đến tình yêu, tin tưởng... Giá mình được như đám mây trên cao. Tự nhiên tôi thở dài... Chậu nước nhỏ không in nổi một khoảng trời...

* *

Hoàng ra mở cửa cho tôi. Gian phòng trống trải. Có một mình Hoàng trong nhà. Giấy tờ bừa bãi trên bàn, dưới đất. Chiếc giường ở góc nhà vứt lung tung vài quyển sách và chăn gối. Tôi hỏi :

— Thằng Quân đã viết xong cái ấy chưa ?

— Thằng Bảo mới viết rồi !

Hoàng đưa cho tôi tờ giấy nháp có nhiều chỗ gạch xóa. Khi nghe Hoàng nói là Bảo viết, tôi đã nghĩ ngay là phải viết lại. Những đoạn dài lê thê không thích hợp. Tôi nói với Hoàng :

— Cậu làm ơn viết lại hộ cho. Có phải truyện tình đâu mà viết những câu

tràng giang đại hải thế này. Nhớ viết cho gọn, dùng chữ thật mạnh, thật dễ hiểu. Viết xong cậu liệu đánh máy rồi quay ngay đi. Minh bận chút việc, tối nay không tới được. Cậu lo dùm cho xong. Nhớ đừng quay khuya quá hàng xóm họ đề ý.

Tôi từ già Hoàng, rời bỏ căn nhà tôi bàn trong một góc hẻm, tôi rẽ lên phía nhà Thịnh. Phố đã lên đèn. Đường đi tấp nập người qua lại. Tôi gọi taxi và nghĩ về khoảng thời gian trước mặt: Tôi hẹn với Thịnh cùng tới nhà Liên, tối nay.

Hôm nay sinh nhật của Liên. Tôi cũng hẹn cả với Dung sẽ gặp nhau ở nhà Liên.

Thịch ăn mặc thật trịnh trọng. Liên là người yêu của hắn. Chính Dung, người yêu của tôi đã giới thiệu Liên với hắn hai năm trước. Hắn có vẻ vui mừng khi sửa soạn áo quần. Hắn rót rượu cho tôi và cười nói luôn mồm. Tự nhiên tôi cũng thấy vui. Tôi nghĩ đến Dung. Chắc giờ này nàng đã có mặt ở nhà Liên. Tôi dục Thịnh ra xe.

Trong xe, Thịnh hỏi tôi nhiều chuyện, về một vài thằng bạn, rồi hắn quay ra chuyện thời sự. Hắn hỏi tôi hồi này còn hoạt động gì không? Tôi bảo không! Hắn bảo như vậy là phải. Tôi hỏi tại sao? Hắn không trả lời. Một tay rút điều thuốc gài lên môi. Tôi châm lửa cho hắn. Hắn thở khói đầy xe rồi mới nói:

— Rồi bị lợi dụng tuốt. Tương lai không ở trong tay những thằng mặt trắng như bọn mình. Cậu nghĩ xem, chúí đầu vào làm việc, tranh đấu. Những biến chuyển đến. Không phải đến do công việc của mình mà là từ những quyết định xa xôi tận đâu đâu. Ấy là chưa kể cái cảnh đục nước béo cò, nhiều kẻ sẽ nhận dịp thả câu. Vô ích hết!

— Mình không nghĩ thế. Chúng ta không tạo nổi tình thế, nhưng chúng ta góp phần tham dự, dù rất nhỏ. Chính vì ý thức được cái thân phận yếu đuối hèn mọn ấy mà người ta muốn vươn lên. Sự vươn lên có đôi lúc tuyệt vọng vì những sức mạnh bên ngoài kéo chúng ta theo hay chắn ngang con đường tiến tới. Nhưng càng gặp trở ngại, cái ý chí vươn lên càng mạnh mẽ. Và người ta dù bất lực đến đâu, cũng không thể ngồi im được. Lịch sử hôm nay đang đi bằng đôi đôi hia bầy dậm. Khoanh tay, chúng ta cũng bị nó cuốn theo như một cơn lốc làm cho ta quay cuồng không chống đỡ...

— Ồ! Cái gì đến sẽ đến. Chúng ta chỉ là những con sâu ngọ nguậy trong cái kén trước ngày sinh nở. Mệt mỏi và vô ích.

— Không. Chúng ta không phải là con sâu trong cái kén mà là con ngài đã mọc cánh. Chúng ta có thể bay nhảy dù chung quanh đầy rẫy những đe dọa. Ánh sáng buổi mai đẹp quá. Vừa chui ra khỏi kén, con sâu nay đã thành con ngài, cảm thấy mình phải sống thật nhiều, phải làm, phải...

— Lãng mạn rồi. Như thế tranh đấu chỉ là để lãng mạn mà thôi.

Thịnh nói xong thì cười lớn. Tôi im lặng. Hắn đã nói đúng. Câu nói làm thức dậy nỗi thắc mắc tôi mang từ lâu. Tranh đấu, làm cách mạng, muốn xoay chuyển tình thế, rồi cũng chỉ để có dịp mà lãng mạng. Một người bạn đã nói hôm nào : « Chúng mình không coi sự làm việc làm cực khổ vì mình vui thích ngay trong sự làm việc, mình hưởng thụ ngay tron công việc chứ không phải đợi đến kết quả ». Chúng tôi không thể ngồi không cho ngày tháng qua đi. Chúng tôi cũng không thể làm những việc mình không thích. Đó có thể là một khuyết điểm. Nhưng chúng tôi tự do. Tương lai không có lý do để trói buộc nếu chúng tôi không muốn. Hoạt động để xây dựng. Cái ý nghĩa xây dựng đối với chúng tôi chỉ là một viên gạch bằng thủy tinh đẹp để xây thành mơ mộng. Sự nguy hiểm, cam go là đồ trang sức cho tự hào hai mươi tuổi.

Tôi nhận ra tất cả sự thật trong tôi, bạn bè, những người đã cùng lo âu, cùng vui sướng, một tuổi trẻ đầy ham muốn và kiêu hãnh. Chúng tôi chưa xa rời cái ngày vẫy vùng của một con ngai mới ra khỏi kén. Không có gì ân hận. Không có gì ràng buộc. Thật là thoải mái.

Tôi bảo với Thịnh là điều hắn nói rất đúng. Cả hai đều im lặng. Nét mặt Thịnh đanh lại. Hắn đã quẳng điếu thuốc đi. Bây giờ khuôn mặt hắn bất động. Hình như hắn đang nghĩ ngợi điều gì ? về tôi ? về hắn hay về Liên.

Tiếng gió lùa vào cửa xe, nghe vi vu như những âm thanh của một thế giới xa xôi nào vọng về. Những lo âu, vui sướng qua đi theo ngày tháng. Không còn gì nữa cả sao ?

Thịnh ngừng xe sát lề. Chúng tôi bước vào một khoảng sân hẹp. Những viên sỏi lao xao dưới chân. Chúng tôi nhập vào bầu không khí vui vẻ trong nhà. Dung ngồi đấy. Tôi đã trông thấy Dung trước nhất. Dung mặc chiếc jupe phớt xanh. Thân thể yếu đuối của nàng tươi mát hơn trong màu xanh nhạt. Chúng tôi cười với nhau trong khi Thịnh nói chuyện với Liên. Hình như hắn chúc tụng điều gì. Dung hỏi tôi « sao anh đến trễ thế ? » tôi hỏi lại « sao em đến sớm thế ? ». Và chúng tôi đã nhập vào đám đông. Những cái bắt tay thân thiết. Những nụ cười duyên dáng cúi chào. Một màu xanh phơn phớt trên áo Dung. Tất cả như một niềm vui ủa đến, vây phủ lấy tôi. Tôi đã quên hết mọi bận bịu. Dĩa nhạc ở góc phòng vút cao trong những âm thanh dịu vợi của Mantovani. Chắc ngoài kia gió đang lướt trên nệm cỏ... Tôi nhìn ra vườn. Dung nhìn theo rồi kéo tôi ra ngoài. Dung đưa tôi tới một gốc lan :

— Em mới nhận « bảo trợ » cho cây lan này. Anh thích không ?

Tôi ngắt một nụ hoa trao vào tay Dung, nhại :

— Anh mới hái cái hoa này tặng em. Em thích không ?

Tôi vuốt tóc Dung, chỉ vào một nốt đỏ trên khuôn cổ, hỏi :

— Em sao vậy, con gì đốt thế này ?

— Đâu, nốt ruồi son đấy chứ. Người ta bảo ai có nốt ruồi son thì may mắn, phải không anh ?

— Thế à ?

Lần đầu tiên tôi được nghe nói về nốt ruồi son. Tôi nhìn nốt đỏ trên chiếc cò trắng của nàng và hôn lên đấy. Rồi trên môi ngọt lịm. Chúng tôi trở vào. Cảnh ồn ào vui vẻ trong nhà không làm tôi quên được cái dư vị còn lại trên môi.

Đêm về khuya. Tôi đưa Dung bằng taxi. Tôi quàng vai ôm sát người nàng kéo nàng về một bên để tránh tấm kính chiếu hậu. Những quãng đường vắng là những dịp để chúng tôi ôn lại cái cảm giác trong vườn. Chúng tôi đã thì thầm với nhau về tình yêu, về tương lai, về những ước mơ... Dung cười thật dịu. Hình như tất cả đều trở nên bình thản trên khuôn mặt nàng. *Trời sẽ rất xanh và mây sẽ rất cao, em nhỉ, nếu lúc nào anh cũng ở cạnh em.*

Nhưng nàng đã không ở bên tôi được lâu. Chiếc taxi trở về còn lại có một mình tôi. Băng dưới rộng thênh thang. Tôi lại nhìn thấy những khoảng trống mênh mông xung quanh tôi không thể lấp đầy. Tôi nghĩ đến ngày mai. Tôi biết nàng sẽ giận hờn nếu hiểu rằng tôi đã bỏ nhiều giờ học để làm một việc mà nàng không bao giờ ngờ tới. Tại sao ? *Tại sao em không ở gần anh để anh được thấy trời xanh trong mắt, để anh tìm thấy anh trong từng câu nói, tiếng cười. Em nhỉ ? Tại sao những khoảng trống mênh mông cứ vậy phủ lấy anh, ẩn núp bên anh, chẳng bao giờ để anh ngồi yên cả. Em có hiểu không ? Chắc chẳng bao giờ em có thể hiểu được đâu.*

* *

Hoàng mới bị bắt. Đã nhiều hôm tôi ở lì trong nhà. Các bạn tôi mỗi người một nơi, lần trốn. Tôi không dám đi đến đâu. Trường học đã đóng cửa. Tôi trở thành đứa con ngoan trong gia đình, suốt ngày bầu bạn cùng sách vở. Sự lo lắng thỉnh thoảng hiện hình trên những giòng chữ. Tôi được nghe kể về một vài hình thức tra tấn. Tôi không cảm thấy sợ, nhưng sao trong lòng cứ bần khoăn. Không biết Hoàng ra sao ? Và tôi nữa, liệu rồi có yên ổn không ?

Hàng ngày, nhìn những người thân, tôi thấy giận mình. Tôi bực tức với chính tôi, nhiều khi cáu kỉnh. Tôi sống trong chờ đợi. Chờ đợi một hoàn cảnh mới. Chờ đợi một sự thay đổi. Cũng có thể một cái gì tàn nhẫn sẽ xảy đến. Từng đêm thức giấc, bốn bề im lặng, thỉnh thoảng có tiếng xe chạy, tiếng súng nổ thật xa, tự nhiên chợt thấy sợ hãi. Tôi tưởng tượng cái tôi chờ đợi sẽ đến gõ vào cửa và... thế là xong !

Rồi một đêm, những tưởng tượng trở thành sự thật, khi tiếng xe hơi ngừng ngoài ngõ và nhiều tiếng giầy khua vang sau đó. Tiếng gõ cửa trở thành những

âm thanh thật, đập vào vai tôi. Những người trong gia đình thức dậy. Tôi nói vội vàng "cứ bảo con không có nhà" rồi tìm chỗ lánh mặt. "Kho tàng trên không" có thể là chỗ kín đáo hơn cả. Tôi bắc vội chiếc ghế lao lên. Mẹ tôi cắt xong chiếc ghế thì thầy tôi cũng vừa ra mở cửa đúng lúc tiếng đập cửa dồn dập kèm theo câu gọi "mở cửa, mở, khám sồ gia đình".

Ánh sáng ngọn đèn ngoài nhà cho tôi nhìn rõ tổ kiến nằm ngay bên cạnh lối lên. Tổ kiến to thật. Tôi đập vỡ tổ kiến và chui vào đồng sách vở cũ sau chiếc giường gãy. Vài con dán chạy lung tung trên những đờ đạc bám bụi. Tiếng chuột chạy lạch sạch... Nhưng những gì nữa chung quanh tôi, tôi không còn để ý. Tôi đang lắng nghe những câu nói trao đổi ngoài nhà ngoài. Những câu nói không rõ ràng. Tôi nghe hình như thầy tôi bảo "cháu mới ra Nha Trang. Những bước chân đi vào nhà trong, ngay dưới chỗ tôi nằm. Đứng lại. Im lặng. Tiếng bước trở ra. Lát sau lại có tiếng nhiều người bước vào: "Dạ xin các ông cứ xem xét" "Chúng tôi làm phận sự". "Dạ, chúng tôi hiểu". Hình như họ đang lục soát mọi chỗ. Có tiếng lạch cạch của chiếc thang gỗ đặt vào lối lên. Tôi nín thở. Tôi nghe những bước chân trên thang mà tưởng như rung chuyển cả trần nhà. Bước chân ngừng ở cuối thang. Một lát. Tiếng phui tay, rũ áo. Tiếng găt gong chửi thề. Rồi bước chân xuống thang nhanh hơn. Tôi vẫn chưa dám thở mạnh dù hơi thở đang dồn dập trong cổ. "Chúng tôi mời ông sáng mai lên"... Tiếng nói xa dần nghe không rõ. Mọi người đã ra nhà ngoài. Tim tôi vẫn còn đập mạnh trong khi chung quanh đã trở về yên tĩnh.

Có tiếng tiếng xe rồ máy ngoài đường. Mẹ tôi gọi se sẽ. Tôi xuống thang. Một con kiến lửa cho tôi cảm giác nhói buốt ở cánh tay. Trong lòng tôi còn nhói buốt hơn trước những đôi mắt lo âu sợ sệt của mọi người. Tôi không nói được lời nào. Mọi người trở vào giường. Hình như ai cũng có nhiều điều để nói nhưng lại không nói. Hay là sợ còn có kẻ rình ngoài cửa. Tôi thiếp đi sau những tiếng cú rúc ghê rợn sau nhà.

Ánh nắng đầu tiên đánh thức tôi dậy. Bên chậu thau nước, tôi nhớ lại những chuyện xảy ra đêm qua. Hình như tất cả mọi chuyện thuộc về một thế giới khác, xa xôi, mơ hồ lắm. Không có gì quan hệ. Tất cả như một giấc chiêm bao. Chỉ có một nốt đỏ trên da thịt do con kiến để lại là thật mà thôi. Tôi nghĩ đến nốt đỏ trên cổ Dung. *Em ơi, Anh cũng có một nốt ruồi son. Ai có nốt ruồi son thì may mắn em nhỉ? Nhưng cái may của anh chỉ được một vài hôm, vì một con kiến có bao giờ để lại dấu vết lâu dài?*

— Anh Hy ơi! Kiến nhiều quá anh Hy ơi!

Em tôi đã dậy.

NGUYỄN-NGU-Ĩ

Sống và Viết

với

BÌNH-NGUYỄN-LỘC (1)

« Trái đất không còn vương vức, thì La-Mã xưa hay Mốt-cu nay không phải là trung tâm thế giới. Trái đất tròn, thì không một điểm nào trên mặt nó là trung tâm cả, hay bất cứ điểm nào cũng có thể cho mình là trung tâm cả ! Thì tại sao nơi mình đang ngồi đây, nơi ủy ban Văn hóa miền Nam hiện đóng trụ sở, cái làng nho nhỏ của cái tỉnh Bình-Định êm êm này lại chẳng phải là cái rún của loài người ? »

Mấy dòng lưu bút trên đây làm chú em ấy buồn ra mặt. Chú vừa cho tôi thấy cái thế một ngày một lớn mạnh của Cộng-sản đang lãnh đạo cuộc kháng Pháp đã được ba năm, cho tôi biết một số thầy và bạn thân đã đứng trong hoặc cạnh hàng ngũ những người chiến sĩ Mác-Lê, và khuyên tôi chớ nên đứng

bên lẽ, sau khi đã tham gia cuộc kháng chiến nửa năm đầu... Tôi trả lời bằng đoạn lưu bút ở trên, ngụ ý cuộc giành độc lập đã bị người Cộng sản lợi dụng và lái sang nẻo khác, hại cho dân tộc, và nếu ai coi « đảng » và « chủ nghĩa » trên hết, thì tôi lại đề dân tộc và đất nước mình lên trên hết, và hi vọng ở ngày mai của giống nòi.

Càng hiểu tôi và thương tôi.., chú em ấy chỉ thoáng buồn, rồi như đề xóa cảnh vừa qua, chú móc trong ba-lô một tờ tạp chí, cười cười: « Tôi mượn ở ủy quan Văn hóa, đề anh xem mà đỡ nhớ

(1) Tên thật : Tô-Văn-Tuấn, sanh ngày 7-3-1914 (giấy tờ ghi 1915) tại làng Tân-Uyên, tỉnh Biên-Hòa (Nam-Việt). Tác phẩm được in đầu tiên là tập truyện NHỐT GIÓ (Thời-Thế, Sài-gòn, 1950).



Binh-Nguyen-Loc, chụp năm 29 tuổi, đang dưỡng bệnh tại vùng quê, ăn vận theo nông dân.

Nam-Bộ. » Đó là một tờ tuần báo xuất bản ở Sài-Gòn, tờ *Thế Giới* số 6, mà nhìn qua, tôi đã vui rồi. *Sương nắng mở lòng hoa, Sách mở thư trang Yiễm-Yiễm*, thế là bậc đàn anh này đã rời Hồ Đông lên Bến-Nghé, « mang theo » Yiễm-Yiễm thư trang ; lại Dương-Tử-Giang làm chủ bút, anh bạn phê bình này học cùng thầy với tôi, vui sướng giới thiệu một truyện ngắn của anh bạn khác, bất tin có sáu năm rồi, anh Binh-Nguyen-Loc : « Trong năm năm nay, tôi chưa đọc một truyện ngắn nào hay hơn. » Tôi đọc ngốn nghiền truyện ngắn ấy của người bạn cũ đã cùng mình và số bè bạn quây quần chung quanh một tờ báo « Thanh Niên » ấy. Truyện *Không trốn nữa* » giới thiệu người, cảnh và việc của mấy ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Người bác sĩ ở Sài-Gòn này (nhân vật chánh trong truyện), trong lúc tản cư đã thềm từ miếng đường, miếng mỡ và toan trốn về thành. Nhưng rồi một hôm, ông trả lời được câu hỏi ông đặt

ra, từ mười lăm năm về trước : tại sao người mình tham ăn đến thế và tham ăn cả những món không ngon, và cả một nhơn sinh quan sắn có của ông sụp đổ, và ông : « Thôi, không thềm trốn về nữa. »

Thế mà, anh sắp về Sài-Gòn, tôi đoán qua lời kể của Dương-Tử-Giang, kể rằng anh đã từ Lái-Thiêu xuống Sài-Gòn để gởi bài ở tòa soạn. Anh mà có trở lại làm dân Sài-Gòn, chẳng phải anh thềm về, hay anh trốn về, mà ở vào tình thế phải về. Và cũng hẳn là đã, hay sẽ, « ngấp ngừng khi bước chân... về ».

Mười lăm năm qua. Và tôi gặp lại anh ở Sài-Gòn, mười hai năm rồi, nhưng mãi tới đêm mười một tháng giêng ta này, tôi mới hỏi anh về việc hồi cư về Sài-Gòn, năm ấy.

Dưới ánh đèn sáng dịu, gương mặt đang vui vẻ của anh bỗng gọn áng mây buồn.

— Anh còn nhớ chẳng, bọn chúng mình đã mong chờ từ lâu ngày lịch sử ấy, ngày mà toàn dân đứng dậy giành Độc lập. Và chúng mình đã đem hết lòng thành vào cuộc kháng Pháp. Nhưng rồi mình lại lọt vào cái phải về, mà trở về thành là mình cảm thấy xót xa như kẻ đào ngũ. Đối với dân tộc, mình như thấy có « tội » phần nào...

Anh châm điều thuốc, hút một hơi dài.

Tôi tôn trọng sự im lặng của anh, và mơ màng nhớ lại thời mình bị dẫn vật bởi hai con đường : cứ chết sống với cuộc kháng chiến cho đến ngày độc lập

hay đến phút ngã gục — cho ai? — bên đường, hay trở về sống đời cây cỏ... Và tôi sực nhớ một số bạn, vì lẽ này lí nọ, phải sống ở thành, có cái « mặc cảm phạm tội » với « anh em kháng chiến », nên hóa ra những người « kháng chiến thành » trên giấy trắng mực đen đề tạm yên với lương tâm người dân yêu nước.

Thấy anh im lặng cô hơi lâu, tôi nói:

— Ở không thề ở, về cũng chẳng ham về, nhưng rồi phải chọn lựa, anh đã miễn cưỡng trở về thành. Song anh đã có thái độ rồi: về Sài-Gòn, phải về, mà không trở lại đời công chức — để phụng sự người Pháp, phần nào — đặng ngồi một chỗ mà đếm bạc!

Anh cười, lặng lẽ; anh vốn là một nhân viên của sở Kho bạc, thời thuộc Pháp. và có lần anh nói ví von với tôi: đời buồn như người — ngồi — đếm — giấy - bạc — không — phải — của — mình!

Và tôi tự hỏi: vì như tới giờ anh sống cái đời bình thản và bảo đảm của một người sớm vác ô đi tối vác về, thì liệu anh có một sự nghiệp văn chương như khi anh chọn cái nghề tự do đầy thăng trầm và bất trắc là cái nghề chuyên sống về cây viết? Con nai yên ổn nơi đồng bằng sẵn cỏ, hẳn vẫn là con nai, song lúc nó phập phồng chốn rừng rậm, hay bên sườn núi cao, bên bờ vực thẳm, kẻ thù chẳng biết xuất hiện giờ nào, thì con nai sau này có nhiều độc đáo trong dáng đi, trong điệu nhảy, trong cái nhìn.

Tôi nghĩ thế, vì biết anh sinh văn thơ từ do còn ngồi trên ghế nhà trường.

Rồi khi ra trường, đi buôn ít lâu, vô làm Kho bạc, là anh bắt đầu thực hiện lần cái mộng trở thành nhà văn. Tập *Hương gió Đồng-Nai*, khởi thảo từ 1935, hoàn thành năm 1942, là tác phẩm đầu tay của anh. Tập truyện ngắn và tùy bút bát ngát hương đồng gió nội vá dầy đầy màu sắc địa phương này, đã được hai nhà thơ có tiếng đương thời: Xuân-Diệu và Huy-Cận, tán thưởng. Nhưng tiếc thay, tác phẩm tươi mát của buổi thanh xuân này, nay chỉ còn lại hai dấu vết: một truyện và một tùy bút rút ra đăng báo khoảng 1943, còn bản thảo bị thất lạc trong những ngày đầu tản cư hồi hải, khi Pháp trở lại chiếm Tân - Uyên, cuối năm 1945. Đứa con đầu lòng bao giờ cũng được cha mẹ nâng niu hơn, và khi nó chịu một số phận hẩm hiu như « Hương gió Đồng-Nai » thì người sanh thành nó càng khó quên nó được. Sách vở, giấy tờ lạc trong khói lửa, kể như là đã trở về với tro bụi, thế mà anh vẫn giữ một phần hi vọng: biết đâu, biết đâu... Nên gần hai mươi năm sau, khi chủ trương tuần báo « Vui Sống », anh không quên rao lên mặt báo nhà, và năm năm qua, anh vẫn mong mấy dòng tha thiết ấy lọt vào mắt người đã tình cờ giữ được trọn vẹn hay một phần « Hương gió Đồng-Nai » mà chẳng biết của ai đây. Có cái gì vừa buồn cười vừa cảm động trong niềm tin tưởng và đợi chờ này. Và với bạn thân lâu năm, có ai nhắc nhở đến đứa con so của « cái thưở ban đầu lưu luyến ấy », thì mặt anh buồn vui lẫn lộn.

Tác phẩm đầu, nhưng may mắn hơn là truyện dài lịch sử *Phù sa*. Anh khởi

viết năm 1942, được một phần (đoạn khai từ đã đăng ở báo Thanh Niên năm sau, với cái tên «Di dân lập ấp» khiến độc giả chú ý đến anh), bị thất lạc như «Hương gió Đồng-Nai», nhưng sau này, anh viết lại, cho đăng ở tuần báo Nhân Loại, độ một phần sáu tác phẩm, rồi phải để dở dang. Đây là tác phẩm anh thai nghén rất lâu, tác phẩm lớn nhất đời anh, vì hoàn thành, nó sẽ đầy đặn ngàn trang sách, nó làm sống lại cuộc « tiến vào Nam » vĩ đại của một số đồng bào Nam-Ngãi để mở mang bờ cõi, dựng lên miền Lục-Tĩnh giàu, đông; một trong những đoàn người khai hoang tiên phong ấy đã dừng tại đất Tân-Uyên, nằm trên bờ con sông Đồng-Nai đang dụi dàng uốn khúc.

— Cái « nợ » *Phù sa* ấy, bao giờ anh mới trả xong ?

Khói thuốc tủa, mơ màng.

— Khó mà nói trước được cái « bao giờ » ấy nó là năm nào tháng nào nhưng không trả không xong.

— Nói một cách khác, anh muốn *Phù sa* sẽ là tác phẩm đề đời ?

Anh cười :

— Có đề đời không, đó là đề cho đời định đoạt, nhưng với mình đó vừa là một cái « mộng » lớn thiết tha mà mình cần thực hiện trong đời văn, lại vừa là một món « nợ » tinh thần mà mình cần phải trả.

Thấy tôi im lặng hỏi anh bằng đôi mắt, anh thông thả nói :

— Nợ đối với ông cha đã bỏ quê nhà vô đây, đồ mồ hôi và đôi khi đồ máu

* những nhận định về tiểu thuyết, về thi ca * trên mười vấn đề văn học nghệ thuật trong một cuốn sách

TẬP BÚT

của Võ - Phiến

do THỜI MỚI xuất bản

MỚI PHÁT HÀNH

GIÁ 32đ.

đào để chúng mình nay có một miền Nam trù phú, nợ đối với tấm tình yêu mến địa phương mình, nơi có lẽ đã đón nhận một trong những đoàn người đầu tiên ở miệt ngoài vào lập nghiệp.

Giọng anh bỗng hơi đổi :

— Anh biết không, gia đình tôi còn giữ được gia phả mười thế hệ, ở Tân-Uyên.

— Thế thì đáng kể là một gia đình xưa nhất miền Nam, Cứ cho trung bình mỗi thế hệ người là hai mươi lăm năm, mười thế hệ là hai trăm rưỡi năm, mà cuộc Nam tiến của dân tộc mình khởi đầu cách đây cũng độ ba trăm năm.

Tôi ngưng nói, rồi tiếp :

— Kể tôi hỏi anh bao giờ mới trả xong rã nợ *Phù sa* ấy, thật là thừa. Đáng lẽ hỏi anh có quên cái nợ ấy chẳng. Mà cũng thừa nốt ! Tôi còn nhớ khi trước anh có nói với tôi anh đã xuống tận cửa sông Soi-Rạp, quan sát, để thêm tài liệu cho *Phù-Sa*, và sau này, chính anh đã nhờ tôi đưa đến vài người bạn Quảng-Nam, Quảng-Ngãi để anh hỏi về phong tục, thổ ngữ, địa

lí vài vùng ngoài ấy. quê hương của những đoàn người di cư của *Phù sa*. Vậy thì, tôi cứ tin nợ ấy, không sớm thì chầy, anh cũng phải trả xong.

Anh nói một câu mới nghe tưởng như lạc đề : « Hai anh Sơn-Nam và Ngọc Linh không trước bạ tên « Phù-Sà » trước, thì nhà xuất bản Bến-Nghé của tôi đã mang tên là nhà xuất bản Phù Sa rồi ».

Bút hiệu : *Bình-Nguyên-Lộc*, vốn thoát từ *Đồng-Nai*.

Tác phẩm đầu tay : *Hương gió Đồng-Nai*.

Tác phẩm lớn nhất còn canh cách bên lòng : *Phù sa*.

Công trình sưu khảo bài hỏi : *Thờ ngợi Đồng nai* (tập đầu : *Cà dao miền Nam* đã xong từ lâu).

Tên nhà xuất bản : *Bến-Nghé*.

Thật ít ai tỏ tình yêu thương địa phương mình — địa phương này là cả miền Nam nước Việt ra đời mới mấy trăm năm — một cách cụ thể và nhiều khía cạnh như anh. Nên chi, lúc anh ra báo, lấy tên là *Vui Sống*, có bạn không giấu được ngạc nhiên. Người ta chờ đợi một cái tên gì, như : Bến - Thành, Cửu-Long, Lục-Tĩnh... Song có bạn trả lời giùm cho anh, rằng một đức tánh nổi bật của người miền Nam là sự... vui sống ! Bình-nguyên-Lộc vẫn trung thành với chính anh !

Phải, anh trung thành với chính anh, với một số nguyên tắc mà anh giữ chặt. Khiến lắm bạn bè chẳng rõ hay sơ xuất đụng vào, nhiều khi đã phải ngần ngại.

Và nếu có những bài thơ cũ mà... hay (để nhắc mục sưu tầm thơ tiền chiến trong báo *Vui sống* của anh).., thì Bình-Nguyên Lộc dễ mà khó. Lần đầu tôi nhận chân điều này là khi lục lợi được một cuốn « *Nhốt gió* » của anh (vốn hết từ lâu) trong một tiệm sách cũ. Tác phẩm được in đầu tiên của anh (trong đó có truyện « *Không trốn nữa* », đọc được ở hậu phương và gọi cho tôi nhiều kỉ niệm), tôi không có, tôi hồi cư về Sài-Gòn, hai năm sau khi nó chào đời, thì nó đã bán hết, và anh lại chẳng có dư. Vì thế khi may mắn tìm được một cuốn, tôi hết sức mừng, vội đem khoe với anh, và xin anh ít lời để tặng...

Anh lắc đầu, nghiêm nghị :

— Viết lời để tặng, là việc thông thường đối với bất cứ tác giả nào. Sách tôi mới ra, tôi nhớ đến anh, tôi tặng anh với đôi dòng thân ái, việc chẳng có gì đáng nói. Nhưng đây lại khác : sách cũ đã mấy năm, lại do anh tìm mua được, thì có tới hai cái cơ để tôi từ chối điều anh yêu cầu.

Tôi nhớ lại có lần hỏi anh có cho tái bản « *Nhốt gió* » không, anh đáp không, nên buồn ra mặt. Anh vẫn giữ vẻ nghiêm. Tôi vớt vát :

— Nhưng tôi muốn có chút gì của anh trong cuốn sách này. Hay là anh cho xin chữ kí vậy, chữ kí thôi, chẳng lời gì cả.

Mặt anh trở lại bình thường :

— Cái đó thì tôi sẵn sàng

— Chút nữa tôi quên cái này cho anh.

Tôi đứng dậy, ra cửa, mở túi xe đạp, lấy một gói quà, để lên bàn.

— Anh cho một bình trà, ta vừa thưởng thức chút quà Tết xứ Quảng với nước trà vừa nói chuyện.

— Anh đã đem từ ngoài nó vô biểu tôi thì thuộc về tôi, tôi không thể lấy nó mà đãi anh lại. Anh về Trung ăn Tết, thì tôi đãi anh cái này, đặc biệt miền Nam.

Anh vô nhà sau, bước ra với đĩa dưa hấu.

Biết tôi về Quảng-Ngãi ăn Tết, anh không hỏi tôi về việc tranh chấp hai hệ phái Quốc dân đảng ở tỉnh này, cũng không hỏi về nạn lụt vừa qua, mà lại muốn biết đồng bào Quảng Ngãi đối với tướng Nguyễn-Chánh-Thị ra sao? Điều tôi không thể trả lời cho anh, vì tôi chỉ tìm hiểu hai việc trên thăm dò dư luận đối với hai phe đối đầu Quốc Cộng. Và lại, trong những câu chuyện với bạn bè nơi ấy, tôi không nghe ai nhắc nhở hoặc phê phán gì đến vị chỉ huy vùng I Chiến thuật này. Vậy anh muốn biết người dân ngoài ấy nghĩ gì về người tư lệnh vùng mình đề chi? Tôi quên mất ngoài nhà văn, anh còn là nhà báo chuyên nghiệp, và hiện là tổng thư kí tòa soạn nhật báo "Tin Sớm"; hẳn là người kí giả nhà nghề trong anh đã "đánh hơi" vai trò nay mai của vị iướng trẻ từng đảo chánh hụt, từng lưu vong và từng dám có một thái độ.

— Máy giờ, anh phải có mặt ở nhà báo?

— Năm giờ sáng!

SÁCH BÁO MỚI

— **Những điều trông thấy**: tập thơ trào phúng của Nam Phương Sóc do Ngôn Luận xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm hơn 90 bài thơ. Giá 25đ.

— **Đuốc Từ Bi**: số 1, tập san phổ thông giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo do ô. Nguyễn Văn Hầu làm chủ nhiệm và Tòa soạn đặt tại Thánh địa Hòa Hảo. Tập san khổ 16 x 24 dày 66 trang giá mỗi số 10 đ.

— **Hội Báo**: số IV tháng 12 1964. Tiếng nói Hội Sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản, chủ trương biên tập: Ba Văn Hóa của Hội. Tập san in ronéo 2 mặt, dày trên 50 trang

— Năm giờ sáng! Mùa này, năm giờ, trời còn tối đen. Chắc anh kiếm xe khó lắm.

— Đây tới đó không mấy xa, độ một cây số, tôi đi bộ.

— Sao anh phải có mặt ở tòa soạn sớm thế?

— Từ năm giờ sáng đến 9 giờ rưỡi là khoảng cần để nghe tin, nhận tin, chọn tin, viết tin. Bù đầu, bù óc!

— Khoảng đó, chắc anh sợ khách như sợ tà ma!

— Nhưng hạng khách đến tìm mình lúc ấy, còn có thể tìm cách lánh mặt, nên ít sợ hơn là hạng khách mình không thể tránh...

— Hạng khách nào thế anh?

— Hạng khách đến mình bằng đường lối tê-lê-phôn!

Tôi giựt mình. Có mấy lần gọi đây nói đề hẹn anh giờ đến nhà, may thay (lúc ấy cho là rủi thay) đường dây mấy lần đều bị kẹt, thành tôi chưa bị anh "sợ" ?

— Làm báo hằng ngày, anh có những vui buồn gì ..

— Những vui buồn thường tình thiên hạ: một cái tin sốt dẻo báo mình có trước, một cái tin mình thấy đăng không sao mà bà kiểm duyệt xét chẳng lợi, cắt, phải tìm cách trám gắp, một cái tin mình đắn đo, cân nhắc rồi không dùng, thì có bạn đồng nghiệp lại dùng, mà chẳng sao.

Anh nói toàn là *tin* cả. Làm tôi nhớ lại dòng chữ nằm dưới tên báo « Tin Sớm » *cơ quan không tin chuyên nghiệp*.

— Người ta khen mấy chữ « cơ quan không tin chuyên nghiệp » của mấy anh lắm đó. Không đao to búa lớn, không cho mình hơn ai (đứng đắn nhất hay có nhiều độc giả nhất), mà thiết thực, khiêm tốn. Thời buổi này, mà một tờ báo hằng ngày chỉ chuyên về thông tin mau lẹ và chính xác, cũng là đủ một rồi. Đạt được cũng là điều đáng tự hào.

— Tôi đã được thấy kết quả trái ngược của những lời quảng cáo « đập mạnh » của vài đồng nghiệp mới ra đời hay tục bản. Độc giả một phần thì nghi ngờ vì đã nhiều lần thất vọng, một phần thì lại đề bên tai. Họ nay không còn dễ tin như đôi năm trước.

Anh nói là nói độc giả đối với những lời quảng cáo của các cơ quan ngôn luận, mà sao tôi lại hiểu; vì mình cho đó là thái độ của quốc dân đối với những lời tuyên bố của các chánh khách, các đoàn thể chánh trị..., thì cũng đúng.

Nhưng tôi sức nhớ trong quảng cáo đăng báo và viết trên khung vải, « Tin Sớm » đã đặc biệt nhấn mạnh sự xuất hiện của. . « Hậu cô gái Đồ-Long » ; mấy số đầu Tin Sớm, tôi mua trễ một buổi, là tìm không ra ở các sạp báo. Người ta cho phần lớn vì cái .. « hậu » của cô gái Đồ-Long !

— Anh mà làm chủ một tờ báo hằng ngày, anh có đăng tiểu thuyết kiếm hiệp không ?

Anh lắc đầu.

— Nhưng không có nó, anh sẽ mất đi một số độc giả.

— Tôi biết.

— Vậy anh cho tiểu thuyết kiếm hiệp đầu độc giả, có hại cho trẻ em ?

— Tôi không đồng ý với bộ Thông tin cũ Anh còn nhớ có lần bộ cấm đăng tiểu thuyết kiếm hiệp. Làm thế, lại khiến người ta càng thèm nó hơn. Anh lạ gì, cái « hấp dẫn của trái cấm ». Cứ để nó tự do phi kiểm, đánh chường, rồi người ta sẽ chán nó .. Tôi cho loại tiểu thuyết này vô thường vô phạt Một trong những món ăn chơi vậy thôi. Tôi không đăng tiểu thuyết kiếm hiệp trong báo của tôi làm chủ, là vì làm thế, dễ qua, ai làm cũng được. Mà quan niệm tôi là: giá trị tờ báo ở nơi *sáng kiến* của người hoặc nhóm chủ trương. Đăng tiểu thuyết kiếm hiệp, tôi có thêm ngàn độc giả, nhưng tôi sẽ không làm, thay thế nó bằng một cái gì khác. mặc dầu, cái khác gì này chỉ đem thêm lại cho tờ báo trăm độc giả.

Anh nói đến sáng kiến, tôi nhớ đến loạt ảnh độc đáo đăng trên Tin Sớm lúc

đầu, tôi đoán đó là một sáng kiến của anh.

— Quả thật là sáng kiến của tôi.

— Và ảnh cũng của anh ?

— Ảnh của tôi. Tôi có ảnh để dành từ lâu, xài đôi năm cũng còn. Có ảnh ở trong một bộ sách quý, cắt ra làm bằng kẽm, hư sách mà cũng hư ảnh, nhưng cũng đành chịu.

— Thế nhà báo có « thù lao » anh gì thêm vì sáng kiến này chẳng ?

Anh tùm tùm :

— Ở nước mình, chưa tới trình độ.. mua sáng kiến. Nhưng nếu nhờ sáng kiến mình mà tờ báo chạy, thì mình sống vững hơn. Phần thưởng chỉ ở điếm đó.

Rồi anh buồn rầu cho hay : « Nhà báo cấm tôi tiếp tục mục ảnh đó.. »

Tôi liên tưởng đến tuần báo « Vui Sống » của anh, sống được mười số. Nội dung tờ báo, anh đã có lắm cái mới, lạ, phong phú, đã dành mà hình bìa, anh tỏ ra không dễ dãi như hầu hết bạn đồng nghiệp. Thay vì chọn hình gái đẹp hay cảnh đẹp, anh lại chọn đề tài, nhờ một nhiếp ảnh gia kiêm đạo diễn màn ảnh tìm nghệ sĩ để diễn tả. Như anh đã lấy bảy tội chánh trong Kinh Thánh, bắt đầu là cái tội tham ăn... Ấy thế mà « Vui Sống » chỉ sống có hai tháng rưỡi.— Giá trị của mỗi tờ báo, là ở nơi sáng kiến, thế còn tuổi thọ của nó, thì do đâu ?

— Tôi đã tính kĩ. Một tờ báo như « Vui Sống » phải bán được tám ngàn số mới đủ sống. Lúc ấy, cho nó ra đời, tôi

cũng hơi liều đó. Nhưng cũng nắm một số yếu tố chắc ăn, tôi mới liều. Số ra mắt, bán trên tám ngàn, nhưng số sau, thì còn năm ngàn mấy. Mấy số sau, số bán có tăng lên, song tăng chậm, đến số 9, chưa tới cái mức tám ngàn. Tôi đành nghỉ sau số 10.

— Anh có tìm nguyên do sự thất bại này ?

— Có chớ. Khá nhiều. Nhưng mấy nguyên do chánh là : tôi bày ra nhiều việc và tốn nhiều thì giờ, công khó và tiền bạc trong đó ; tỉ quản lí không có kế hoạch và cái nhìn xa để bớt chi tăng thu, nhà tổng phát hành ém báo chúng tôi.

— Sao anh biết điều này ?

— Máy cắt báo chúng tôi có một cái « tạt », cắt báo là nó để lại một lần xiên xiên, khi nhận báo hằng ấy còn nguyên, điều này chứng tỏ nhà tổng phát hành quẳng các chồng báo chúng tôi giao vào kho, rồi đến kì, lôi ra trả lại.

Tôi còn đang ngẫm nghĩ thì anh tiếp :

— Tôi mà đủ sức nuôi tờ báo tới số 20, thì Vui Sống sống được. Nhưng đến số 10, là kiệt vốn.

— Anh bỏ vào Vui Sống nhiều chớ ?

— Khoảng trăm rưỡi ngàn Tiền vốn bên nhà xuất bản Bến-Nghé, tôi đổ cả vào tờ báo Vui-Sống.

Tôi mỉm cười :

— Thế là báo Vui Sống đã « giết » xuất bản cục Bến-Nghé !

Anh đáp lại ngay :

— Nhưng nhà văn kiêm nhà báo họ... Bình vẫn còn !

Chúng tôi cùng cười.

Giọng anh trở nên nghiêm :

— Cái gì cũng có số cả, anh à. Giá mà lúc định ra báo, nhà-tôi không đi ở trên Komtum, thế nào cũng bàn ra bàn vô thì không có Vui Sống. Anh lạ gì đàn bà. Công việc làm ăn, chín phần chắc, một phần ộp, họ mới làm, còn đàn ông mình, mười phần chỉ chắc sáu, đã ra tay. Ra báo lúc ấy, thành hơn bại chút ít, nhưng không có người thân nào ngăn cản, tôi liệu một chuyến xem sao.

Tôi hỏi, nửa đùa nửa thật,

— Thế anh có « ân hận » vì đã làm báo « Vui Sống » không ?

Anh trả lời, chậm rãi.

— Khi báo chết, ai chẳng buồn và ân hận ít nhiều. Nhưng sau, nghĩ lại việc thành bại ở đời, ngoài cái buồn thoáng mất tiền, tôi cũng có chỗ vui vui, tự hào là khác.

Tôi ngắt lời anh.

— Tôi biết chỗ anh tự hào rồi đó. Anh em cộng tác với Vui Sống có khen anh ở điểm đó : báo người ta chết, thì thông lệ là nhờ anh em thông cảm cho, mà chẳng trả nhuận bút mấy số chót, ông nào cái « quít » số chót không là khá lắm rồi, báo anh chết, anh vẫn trả nhuận bút anh em sòng phẳng số cuối cùng.

— Còn điều này nữa : báo in xong, hai tiếng đồng hồ sau, là anh em có nhuận bút. Mình đã bực dọc, mệt, nhọc và nhiều

lúc khờ sở vì các ông chủ báo chậm trễ tiền bài, thì một khi mình làm chủ báo, bồn phận là làm sao xóa được cái cảnh buồn lòng ấy.

— Như thế thì anh tuy đã lỗ nhiều về mặt vật chất, nhưng anh lại lời về mặt tinh thần. Và lại tờ báo cũng đã quảng cáo cho nhà xuất bản khá nhiều, thì dầu nhà xuất bản có vì tờ báo mà ngưng hoạt động, cũng chẳng phiền anh « tham đó phụ đấng ». À, sẵn nói đến xuất bản, xin hỏi anh điều này. Anh vẫn thận trọng, nên bìa sách anh in... ở một nơi, ruột sách anh in một ngã, « thế mà sao có dư luận bảo cuốn « Dò dọc » của anh bị in dư, gửi đi bán lậu. Có thật thế không anh ?

Anh không giấu được chút buồn :

— Thật ra, một khi nhà in muốn ăn gian mình, cũng khó mà bắt họ được. Việc « Dò dọc » tôi không thấy chính mắt, mà chỉ nghe nói lại. Nguyên sách của Bến-Nghé, hẳn anh còn nhớ, có bốn quyền. *Dò dọc* (in lần thứ hai). *Gieo gió gập bão*, *Tán liền trả* và *Ki khác* sau tôi bán hết cho một nhà tổng phát hành quen thuộc ; anh bạn này lấy làm lạ thấy sau miệt Hậu - Giang không đại lí nào hỏi « Dò dọc » đang thời được tiêu thụ mạnh khắp nơi anh bèn bí mật điều tra, mới hay có người khác gởi bán anh thừa nhà chức trách, làm biên bản và tịch thu số sách lậu kia.

(còn tiếp)

ĐÍNH CHÁNH

Trong B.K số 195, bài **Sống và Viết với Sơn Nam**, trang 69, ở phần chú thích, xin bạn đọc bỏ cho mấy chữ « Hình bóng cũ » và xin đọc : **Hương rừng Cà-Mau**, đến 1961 mới xuất bản (sau hai quyền **Nguyễn-Trung-Trực** soạn với Ngọc Linh và **Tìm hiểu đất Hậu Giang** viết và in năm 1959) nhưng đã đăng báo từ năm 1957.

SINH HOẠT

Một nhận định quan trọng về tiểu thuyết

NHẬT xét về tình hình văn nghệ nước Pháp năm 1964, P.H. Simon, trên tạp chí *Le Monde* thì khen: « Khá, dầu sao cũng hơn năm ngoái ». Trái lại, trên tạp chí *Les Nouvelles Littéraires*, cả hai nhà phê bình Jean Mistler và Pierre de Boisdeffre đều tỏ ra bi quan, ít nhất là đối với bộ môn tiểu thuyết.

Trước hết là sự sa sút về số lượng: sách xuất bản đã ít đi mà in xong bán được lại còn ít nữa. Nhà Gallimard và nhà Julliard là hai nhà xuất bản ấn hành tiểu thuyết nhiều nhất, cả hai đều giảm xuống quá nửa số lượng trong năm vừa qua.

Về phẩm? P. de Boisdeffre nói mình chọn lựa thận trọng sách đọc và nạn nhân đầu tiên bị sa thải là...tiểu thuyết! Jean Mistler đọc qua 150 cuốn, đọc kỹ để phê bình 50 cuốn; trong số được đọc kỹ đó ông thất vọng về ba phần tư. Ông chê nó làm nhàm quá, không có gì độc đáo cả, cũng tựa như vô số bức tranh của 20 nghìn họa sĩ trờu tượng ngày ngày sản xuất bừa bãi ở Paris. Tiểu thuyết xuống quá. Ông cho rằng kẻ thù làm hại tiểu thuyết chính là các ông tiểu thuyết gia tồi.

Xem đi xem lại có được cuốn *Le Lac* của Camille Bourniquel là xuất sắc thì lại không được hội đồng giải thưởng nào chọn cả. (Nó chỉ được sự an ủi tinh thần, là đa số các phê bình gia đều

tán dương). Cuốn đó, theo J. Mistler, vừa gợi được những mơ mộng của Rosamund Lehmann vừa hồi sinh dĩ vãng theo lối M. Proust và Musil. Nếu cần kể thêm ít cuốn nữa thì có: *Le faussaire* của Blanzat, *Le fils de l'auteur* của Henri Pollès, *Paris au mois d'aout* của René Fallet, *Les chevaliers servants* của Gilbert Ganne, *Le parjure* của Henri Thomas... Toàn những người cũ còn phải « tiểu thuyết mới »? Trong năm 1964, phái này hình như đã mỗi một: cuốn *L'écluse* được giải Renaudot, nhưng theo J. Mistler, nó có vẻ giả tạo.

P. de Boisdeffre nêu lên một hiện tượng mới lạ: tiểu thuyết thì cạn nguồn, khô héo, mà tùy bút, tiểu luận (essai) thì phát triển.

Ông dẫn chứng: có những tác phẩm mà người ta phân vân, kẻ xếp vào loại này người xếp vào loại kia, kỳ thực nó là tùy bút. Cuốn *Petit Bourgeois* của Nourissier, nhà xuất bản cho rằng đó là một cuốn truyện ngắn rõ ràng nó có tính chất một cuốn tùy bút. Cuốn *Les Mots* của Sartre được đa số coi là tự truyện, nhưng nội dung của nó là một thời thơ ấu được một triết gia dựng lại theo quan niệm dẫn thân; nó là một thiên tiểu luận rồi! *Mille chemins ouverts* của J. Green, *Ce que je crois* của J. Guéhenno, *Journal* của J.R. Huguenin cũng đều là tiểu luận, là tùy bút cả.

F. Mauriac « luận » về *De Gaulle*
André Wurmser luận về Balzac trong
caốn *La Comedie inhumaine* bà Edmée
de la Rochefoncauld luận về Valéry trong
En lisant les cahiers de Paul Valery...
Nhiều tiểu thuyết gia bỏ tiểu thuyết đồ
xô về địa hạt này.

Nhiều nhà xuất bản nảy ra sáng kiến
để thỏa mãn một nhu cầu mới : là cho
ra đời những loại sách khổ nhỏ, chuyên
về tiểu luận : loại « Idées » của nhà
Gallimard, loại « 10/18 » của nhà Union
générales d'éditions, loại « Génies et
réalités » của nhà Hachette, loại « Huma-
nisme et religion » của nhà Ed. du Cen-
turion, loại « Ecrivains de toujours », loại
« Classiques du XXe siècle » của nhà
Ed. Universitaires v.v...

Thời huy hoàng của tiểu thuyết đã
chấm dứt ? Trong cuốn *Nghề viết văn*,
căn cứ vào thành kiến của số đông, hình
như ông Nguyễn-Hiến-Lê có liệt kê
theo thứ tự những hạng người cầm bút
được xem là có « chất văn nghệ » : trước
hết là hạng người làm thơ, rồi đến hạng
viết tiểu thuyết... P. de Boisdeffre cũng
bảo rằng trước đây một nhà văn « nếu
không có được một cuốn tiểu thuyết
trong đầu thì không xứng đáng để cho
một nhà xuất bản lưu ý đến ».

Bây giờ thì khác hẳn. Bây giờ chỉ có
những kẻ chậm lụt mới ngồi mò mẫm
viết tiểu thuyết. Những ai thức thời,
theo ông, đã nhanh chân nhảy qua địa
hạt tiểu luận rồi. (F. Mauriac nhảy cách
đây mười năm).

Vì sao vậy ?— Vì viết tùy bút, viết
tiểu luận, tiểu thuyết gia cũng không bị
hạn chế gì trong sự tưởng tượng, mà
muốn diễn đạt gì thì cứ nhào thẳng vào
vấn đề, không cần phải vất vả xây dựng
nhân vật, bịa đặt hoàn cảnh gì cho
quanh co lồi thối.

Vả lại quần chúng bây giờ đâu có
khoái đọc truyện nữa ? Họ thích xem
truyện trên màn ảnh chiếu bóng, trên

SÁCH THỜI MỚI

Đã bán hết : **Thờ dài** của
Túy Hồng * **những hạt cát** của
Thế Uyên * **guồng máy** của J. P.
Sartre do Trần Phong Giao dịch
* **các trào lưu lớn của tư tưởng
hiện đại** của André Maurois do
Tràng Thiên dịch.

Đã tái bản : **hăm bốn giờ
trong đời một người đàn bà**
của Stefan Zweig do Tràng Thiên
dịch * **người tù** của Võ Phiến.

Còn rất ít : **thư nhà** của Võ
Phiến * **cái chết của I-văng I-lích**
của L. Toistoï do Vũ Lưu dịch.

vô tuyến truyền hình, *Nghe* truyện trên
máy thu thanh v.v...

Do đó P. de Boisdeffre ứng lên một
lời tiên tri : « Văn học ngày nay và trong
vòng một thế kỷ, sẽ là tiểu luận. »

Khốn nạn cho các nhà viết truyện.
Trong khi ấy thì ông Mistler cho rằng
tiểu thuyết phải viết cho thật công phu
mới mong có giá trị ; những tác giả sản
xuất sồn sồn liên tiếp đừng có hòng
làm ra cái gì đáng giá. Goethe với Sten-
dhal là những tay kỳ tài thì suốt đời
viết được ba hay bốn cuốn truyện hay
còn hạng như Laclos, Benjamin Constant,
Novalis thì trọn đời giỏi lắm chỉ có
một tác phẩm. Balzac và Zola ư ? Đó
là ngoại lệ và gần như những trường
hợp...bệnh hoạn !

Tóm lại, nhìn về tình hình tiểu thuyết
giai đoạn này, các phê bình gia khuyên :
Hãy viết thật kỹ, thật chậm, kỹ hết sức,
chậm hết sức, mới hy vọng sáng tác
nên một tác phẩm thuộc vào cái loại
đang bị xuống giá gấp.

TRÀNG-THIÊN

(Theo Les Nouvelles Littéraires
số ra ngày 7-1-1965)

15 ngày tin tức

Từ sau Tết Ất-Tỵ, hoạt động quân sự tại chiến trường Việt-Nam được đánh dấu bằng sự gia tăng phá hoại của Việt Cộng, đặc biệt nhằm các cơ sở quân sự Huê kỳ, và sự trả đũa mau lẹ của không quân Huê kỳ, và Việt-Nam: Vụ pháo kích của Việt Cộng tại Pleiku (2 giờ sáng 7-2) và vụ oanh tạc trả đũa tại Đồng Hới (7-2) và Vinh Linh (8-2). Vụ Việt Cộng tấn công quận Đức Long, giật mìn 13 cây cầu và 7 xe lửa (8 và 9-2), dùng mìn phá hoại tòa nhà của quân nhân Huê-kỳ tại Qui Nhơn (10-2) và vụ dội bom trừng phạt của 156 phi cơ Huê kỳ và Việt Nam tại Đồng Hới và Quảng Bình (11-2)

Sau những vụ phá hoại và oanh tạc trả đũa trên đây, dư luận thế giới rất sôi nổi: Đáng chú ý nhất là lời kêu gọi của Thủ tướng Ấn-độ, ông Shastri, gửi cho Tổng thống Huê kỳ Johnson và Thủ tướng Nga Kossyguine, (10-2). Lời kêu gọi của Đức Giáo hoàng Paul VI (11-2) Lời kêu gọi của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, Ô. Thant, gửi cho các phe liên hệ đến chiến cuộc Việt Nam và cho toàn thế giới (12-2).

oOo

● Khám phá các kho vũ khí của V.C.

16-2 Phi cơ khu trục của V.N. đã đánh chìm 1 tàu của V.C. tại Vũng Rô, (Cấp Varese), Phú yên. Do vụ này, quân lực V N C.H. mở cuộc hành quân lục soát cả vùng và ngày 18, 19, và 20-2 đã khám phá được 4 hầm vũ khí và sau đó 8 kho nữa... Số vũ khí tịch thu được ước chừng loo tấn gồm 2000 súng cá nhân và 150 súng cộng đồng cùng nhiều đạn dược và thuốc men.

oOo

● Từ chính-biến 26-1-65 đến cuộc đảo-chính bất thành 19-2-65.

17-2: Chánh phủ Phan-huy-Quát với 3 Phó Thủ Tướng và 17 Tổng, Bộ trưởng làm lễ trình diện tại Phủ Quốc Trưởng.

Đặc biệt trong Tuyên cáo của Chánh phủ có ghi: « Chánh phủ quan niệm rằng trong một chế độ dân chủ thật sự phải có một tổ-chức đối lập hữu hiệu » Trong giai đoạn hiện tại, Chánh phủ cương quyết bảo vệ trật tự quốc gia, xúc tiến triệu tập Quốc-Dân Đại-Hội và triệt để tôn trọng tự do tín ngưỡng, duy trì bình đẳng tôn giáo.

17-2: Hội đồng Quốc-gia Lập-pháp được thành lập (do quyết định số 6 và 7, của H.Đ.Q.L.) gồm 20 vị. Thiếu tướng Phạm Xuân Chiêu được bầu làm Chủ tịch H.Đ.Q.G.L.P.

19-2: Một cuộc đảo chánh mệnh danh là cuộc « hành quân Nguyễn-Huệ » khởi sự từ 12g30 tại Saigon với việc chiếm đóng Đài Phát Thanh, Bến Bạch Đằng, Bộ Tổng Tư Lệnh, Phi trường Tân Sơn Nhứt... Chỉ huy cuộc đảo chánh là Đại tá

Phạm Ngọc Thảo và cựu Thiếu tướng Lâm văn Phát. Lực lượng đảo chánh gồm một số đơn vị quân đội Cộng Hòa, chiến đoàn Thiết giáp, Nghĩa quân, Địa phương quân... Mục đích cuộc đảo chánh được nêu lên là chỉ loại trừ Đại tướng Nguyễn Khánh, nhưng bản Tuyên ngôn của một nhóm người lấy tên là « Lực lượng Bảo-vệ Quốc-gia » được đọc trên đài phát thanh Saigon từ hồi 2g30 trở đi lại đề cao chế độ cũ, mạt sát cuộc Cách mạng 1-11-63 và lên án các chánh quyền sau ngày Cách mạng.

20-2 : Đoàn quân giải-phóng Thủ-Đô tiến vào thành phố lần lượt chiếm lại các cơ sở do quân Đảo chánh đóng giữ, bắt đầu từ 7g50 (Đài Phát Thanh) đến 11g40 (Bộ Tư Lệnh Không Quân và Bộ Tổng Tư Lệnh). Thiếu tướng Nguyễn Chánh Thi được cử làm Tư lệnh Quân-đoàn Giải-phóng Thủ-Đô.

4 giờ chiều : Hội Đồng Quân lực họp báo và tuyên cáo « ủng hộ Quốc Trưởng và Chánh phủ hiện hữu ».

21-2 : Tuyên cáo về « ước vọng của Quân Lực V.N.C.H. trước tình hình thực tế : Ước vọng Cách-Mạng và ước vọng Hòa-Bình : « Cách mạng phải hoàn hành cho được ba nhiệm vụ căn bản : một là hưng khởi sức mạnh dân tộc, hai là xây dựng và phát triển dân chủ, ba là thực hiện công bằng xã hội ». Hòa bình phải được xây dựng trong dân chủ và tự do.

9 giờ đêm : Đài phát thanh loan báo Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu ký sắc lệnh bổ nhiệm Trung Tướng Trần văn Minh quyền Tổng Tư lệnh Quân lực V.N.C.H. thay thế Đại tướng Nguyễn Khánh nhận nhiệm vụ khác.

22-2 : 5 giờ sáng : Máy bay phóng thanh loan báo quyết định của 27 Tướng lãnh trong H.Đ.Q.L. bắt tin nhiệm Đại tướng Nguyễn Khánh. Đại tướng Khánh bị buộc tội duy trì bất công, dung dưỡng thói nát, gây chia rẽ trong Quân Đội, làm suy giảm tiềm lực chiến đấu.

Do một sắc-lệnh của Quốc-Trưởng, Đại tướng Nguyễn Khánh được cử làm Đại sứ lưu động V.N.C.H.

25-2 : Đ.T. Nguyễn-Khánh bàn giao chức vụ Tổng tư Lệnh với Tr. T. Trần văn Minh và rời Việt Nam để nhận chức Đại sứ lưu động.

● Tin Văn Hóa : Văn-Chỉ (nơi thờ Đức Khổng Tử) được thiết lập tại Kỷ-niệm Đài trong Thảo cầm viên (do giấy phép được cấp cho Ô. Chủ-Tịch Hộiⁱ Nghiên Cứu Khổng Học)

oOo

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong phần liệt kê các biến cố...» trên BK. TĐ. số 195 (15-2) trang 86—87 có một vài chi tiết sai lầm, xin sửa lại cho đúng như sau :

— Tướng M. Weygand (Pháp) từ trần ngày 28-1-65 tại Paris (trước in lầm là 25-1).

— Frol Kozlov, P. Thủ tướng Nga xô, từ trần ngày 30 1-65 (không phải 31-1).

— Cô Đào thị Yến-Phi, pháp danh Nguyên Thường, nữ đoàn trưởng Gia đình Phật-tử, đã tự thiêu hồi 2g30 chiều ngày 26-1-65 tại Nha-Trang. (trước in lầm là Hoàng-thị Yến-Phi).

THẾ-NHÂN